

## TẬP TRUYỆN NGẮN ĐỀ TÀI HÀ NỘI

**Tô Hoài**

(Tập truyện ngắn này bao gồm các truyện: Lá thư tình đầu tiên, Dung và Quyền, nàng Ba Châu Long, Gặp lại, Đi tắm đêm, Lấy chồng làng khác, Tình buồn, Nhà nghèo, Hoa bìm bịp, Cầu và công, Chợ, kẻ chợ, Nhuộm răng, Cái áo dài)

- Bản e-book này do Nhà văn TÔ HOÀI đóng góp vào Thư Viện Online.
- Nghiêm cấm mọi hành vi sao chép, phát tán bản e-book này với mục đích thương mại hoặc các mục đích khác mà chưa được sự đồng ý của Đơn vị xuất bản/Tác giả.
- Hãy mua sách in hợp pháp để ủng hộ các Đơn vị xuất bản và các Tác giả.

**ThuVien**  **Online**

## Lá thư tình đầu tiên

Cô Mi mười tám tuổi. Đến tuổi ấy, từ mùa xuân trở đi, đôi mắt người con gái trong thắm và đen lay láy. Cô nhìn sang hai bên, con mắt lừ đừ đưa nghiêng nghiêng. Ôi chao là say sưa. Miệng hoa chúm chím. Mỗi khi mím một nụ cười nhỏ, đôi má hây hây khẽ gợn lúm xuống hạt nét vòng yêu.

Mi là cô gái đẹp nhất làng. Tất cả những người con trai đều công nhận thế. Và anh nào cũng ngấp nghé muốn phải lòng. Nàng chẳng kiêu kỳ chi đâu, nhưng yêu được nàng cũng không phải là dư. Bởi vì nàng nhan sắc. Bởi vì nàng lại biết chữ nữa. Sự biết chữ của một người con gái ở làng Nghĩa đô quả là một tài hoa hiếm có. Nàng viết hộ thư những người hàng xóm. Nàng đọc truyện Hoàng Trừu vanh vách. Nàng thông thạo về đường tiểu thuyết lắm. Bởi vậy, đã xảy ra một chuyện tức cười về chữ nghĩa khó khăn ấy.

Có một người con trai khác xóm yêu Mi. Một bữa kia, chẳng biết làm thế nào, anh chàng đưa đến tay Mi một bức thư Mi đọc. Rồi Mi đi nói với các chị em bạn rằng: - Nó không biết chữ, nhờ ai viết cho cái thư, người ta lại hiếm, đi chép ở trong truyện ra. Truyện ấy tôi xem rồi Đã đốt đặc cán mai, lại còn ti toe, chài sao nổi mình!

Và nàng chép miệng:

-Không biết chữ, nhục thế đấy!

Những lời nói chẳng hay cho người con trai nọ lọt ra ngoài và lan đi khắp ngã ba, ngã bảy. Anh Công cũng rõ câu chuyện như mọi người Nhưng anh còn biết rõ thêm hơn nhiều Bởi Công có cô Nghiên, cô em con nhà chú, là bạn thân của Mi. Một lần Công đã được nghe Nghiên đọc những lời thư kia Nó đọc từ đầu đến đuôi. Nhưng Công chỉ nhólm bõm thôi; thư hay lắm. Đại khái có những câu rằng: "Mợ yêu quý của tôi ơi! Cánh hồng bay bổng, chim xanh tuyệt vời. Mảnh tương lát phất. Gió đàn lung lay. Nỗi niềm ngậm đắng nuốt cay; ai ơi có biết lòng này cho không."

Những nghe mà cảm động. Thỉnh thoảng Công đọc lầm bầm trong miệng những lời văn chương ấy. Cũng bởi rằng anh Công đã yêu cô Mi. Công làm một gã trai mới lớn. Tư tình đương phơi phới nhẹ nhàng. Thường anh vẫn được trông thấy Mi, mỗi buổi chiều, dù hai người ở cách hai xóm. Chiều chiều, Mi sang chơi nhà Nghiên. Cũng

chiều chiều, lúc hoàng hôn đã đỏ sạm, mọi người đều rời khung cửa, Công ra đứng ngẩn ngơ trước ngõ. Hư thoảng thấy cái thất lung lụa bạch của Mì phất phơ đằng đầu xóm, chàng đã đỏ bừng mặt, chân tay tự dưng líu ríu lại. Và khi Mì đi sắp đến nơi thì Công lảng lạng thụt dần vào trong cuối ngõ. Để đến lúc Mì đã đi khỏi, Công mới nhô đầu racúi khom khom nhòm theo, nét mặt ra chiều chờ đợi. Giá bây giờ có ai chợt đi đến trông thấy Công thì Công vội đứng ngay ngẩn, hai tay chắp ra đằng sau, mặt ngẩng lên trời, giả như đương đứng tư monghe tiếng diều sáo vo vo trên cao ấy, buổi chiều nào cũng tương tự như buổi chiều nào. Nếu không có một sự gì mới mẻ khác chẳng biết cuộc "tình duyên một vẻ" này còn kéo dài đến tận bao giờ!

Cuộc đổi thay vào sau những đêm có hát chèo bên làng hượng. Một hôm, Nghiên nói chuyện với anh Công:

-Cái hôm hát trò Lục-Vân-Tiên ấy mà. Em đi xem với chị Mì.

-ừ, lúc bấy giờ tao lên qua chỗ cửa đình chứ gì?

-Vâng. Lúc chị Mì thấy anh đi qua, lại bảo em thế này chứ: "Anh hay nhỉ?"

Công búng người, thấy như đương rung từng đót xương óng một. Anh há mắt hỏi dồn:

-Sao, Sao thế?

-Em cũng hỏi lại Chị ấy cười, bảo: "Anh có vẻ hay phạm. Chiều nào cũng đứng ngoài ngõ. Trông thấy em lại đi vào"

Anh Công ngơ ngác, lấm bầm chồi băng quơ:

-Quái nhỉ Quái nhỉ Tao có đứng ngõ đâu!

Nhưng trong lòng anh nghĩ khác. Trong lòng anh đương có hoa nở. Và anh đã tương tư cô Mì lên gấp trước mười lần rồi. Bởi vì như thế là cô Mì có chú ý đến anh lắm. Đêm hôm đó và mấy đêm hôm sau, anh Công nằm trần trọc không ngủ được mấy. Chính anh cũng chẳng muốn chợp mắt. Đôi chốc, anh mỉm cười vớ vẩn. Anh nghĩ lập

Lý rằng:

-Thế là cần câu rồi! Bây giờ chỉ thả một cái thoi là ăn thua ngay đấy! Nhưng chết một cái, mình lại cóc biết chữ. Nó mà hỏi đến, mình mót đặc như cái anh cu kia thì bỏ xừ.

Cuông thờ dài ở đoạn này. Anh nghĩ lơ mơ, lơ mơ

-Có lẽ mình phải đi học chữ quốc ngữ!

Một ngày phiên chợ Bưởi, Cuông xách một con gà lên chợ bán. Con gà hư quá, ăn bún rất nhiều, mà lại đẻ trứng cách nhật, nên Cuông đem bán tống nó đi. Nó to xù xù, há mỏ kêu cục te cục tác cùng đường. Bán gà xong, anh đến một hàng xén. Anh có ý tránh những hàng có cô gái ngồi bán. Anh vào hàng một ông cụ già kèm nhèm mắt. Và anh mua một quyển "Lên sáu" năm xu. Anh thu gọn lỏn ngay quyển sách vào bụng áo, chẳng một ai nhìn thấy. Rồi anh ung dung về làng.

Cuông học chữ quốc ngữ liền từ tối hôm ấy. Thằng Tể là cháu anh, học trò lớp tư ngoài trường làng, dạy anh. Mỗi phiên, anh trả công thằng bé một xu, nó bằng lòng ngay. Bắt đầu anh lầm nhảm những chữ cái to thối - gọi là chữ cái có khác - một cách nhọc nhằn và hơi chán nản. Nhưng anh chỉ gắng, chịu khó vài bữa, đã học sang đến nửa vần bằng "ba be bê bi" rồi. Tối đến, dẹt củi đầu hôm xong, Cuông mang đèn ra ngoài hiên. Thằng Tể đã đợi sẵn ở đấy. Anh ngồi xỏm, chăm chú chỉ từng chữ, theo ngón tay trỏ của thằng bé. Học đuối nhau như vậy một lát, anh đã thuộc. Thằng bé đi ngủ, để anh ngồi lầm nhảm gật gù một mình. Khi đã thuộc kỹ, có thể gấp sách lại mà vẫn đọc được, anh mở vở ra. Anh nằm nhoài xuống, cong hai chân lên. Bút và mực đã sẵn đấy. Anh nhắm mắt, nghiêng đầu tô từng cái "gậy" một. Hết hàng "gậy" này xuống hàng "gậy" khác. Cầm thì cầm úp ngòi bút xuống, chấm mực vừa phải và vạch chokhỏe. Nhiều khi tức ê ẩm cả ngực mà anh vẫn chịu khó nằm thẳng đuối ra. Viết xong một trang, anh mới bò dậy, thở phào một cái rõ mạnh, rồi gấp sách lại, đi ngủ. Bao giờ trước khi đi ngủ, anh cũng nghĩ đến những chữ nghĩa lưng còng, lời thối anh vừa học: "Nào t-a-ta, n-g-a-nga, lại n-g-h-e-nghe.." Và thế nào anh cũng tưởng tượng lan man đến một hôm nào đó, cái Nghiên đưa tờ thư của anh cho Mì. Cô nàng mở ra, vừa đọc vừa chớp đôi hàng mi. Anh không tự lự gì hơn nữa.

Anh Cuông rất chịu khó học. Nhưng anh giấu giếm cẩn thận việc học của anh. Bạn bè

không ai biết, anh lại càng kín đáo hơn đối với cái Nghiên. Bởi vì to đầu mà còn đi học, anh rất sợ xấu hổ, và nhất là sự bí mật đến tai Mi thì hỏng hết cả. Mùa đông đã sang những ngày cuối. Cuông ngồi học phải quàng chân lên tận cổ. Nhưng anh cũng sắp thành công rồi. Bởi anh đã có thể chum ngoẹo mồm đi mà âm ực đánh vắn đến u-i-cờ-lét-a-uya, đến u-i-cờ-lét-uê-c-h-uêch, rồi.. Trong giấc ngủ, lẫn với bóng dáng hình ảnh cô Mi yêu quý, lòng anh xốn xang hy vọng. Thế rồi, một đêm đầu mùa xuân. Cái không khí dầm ảm, cái phong thái nhàn nhã hãy còn phảng phất trong mỗi gia đình. Cuông khuôn sách vở, bút mực ra ngoài hiên. Nhưng tối nay không có cụ Tề. Anh ngồi gập guồng, ngả nghiêng cái đầu, mắt nhìn đăm đăm vào ngọn đèn. Thoáng mơ màng một vẻ nghĩ ngợi rất xa xôi. Phải, anh Cuông đương có điều nghĩ ngợi. Anh xếp bằng tròn hai chân ngồi nghiêm như ông Phật, qua hàng giờ im lặng. Rồi anh xé ở cuối vở ra một trang giấy. Anh đặt lên trên bìa sách, vuốt hai mép cho thực phẳng. Chàng từ từ nằm bò xuống. Cái bút chấm vào lọ mực tím, chàng cứ hý hoáy đưa ngòi bút. Chiếc ngòi bút sắt, bên ánh đèn, lấp loáng màu mực, đưa đi theo dòng kẻ, như ngượng nghịu reo lên còn cột vì được gặp mặt tờ giấy trắng. Một chữ viết, lại ngừng. Một chữ viết, lại rụt rè xóa. Song Cuông đưa bút rất nắn nót, tề chỉnh. Có khi cố gắng và đam mê công việc quá, Cuông ngoẹo cổ, trợn lồi mắt lên, méo lệch mồm để đẩy chữ "o" cho được thực tròn trặn. Mặt giấy đầy dần dần được ba dòng, rồi bốn dòng, rồi bốn dòng rưỡi thì anh buông bút xuống, bâng khuâng ngó ra ngoài vườn. Bảy giờ đã khuya lắm. Vườn tre và vườn dứa lảng một chút ánh trăng xế dịu dàng. Cuông cúi xuống, hai tay nâng tờ giấy, trầm ngâm nhìn mười hàng chữ nằm ngổn ngang, trong những đường kẻ xanh. Nhưng khi anh lấp bấp đọc lại nhỏ nhỏ thì mắt anh sáng lên. Những tiếng chữ lẫn với tiếng "ư", "a" bật ra miệng và cả ở đôi mắt, một cách rất khó nhọc, nhưng rất kính cẩn, thiêng liêng. Thành thử, những hàng chữ xấu xí và bẽ bộn cũng được lây ít nhiều khí sống mạnh mẽ, trở nên quý giá và đẹp đẽ lắm. Anh Cuông đã đọc lại xong. Ồ, đó là một bức thư ngắn - mà dài cho người viết - để gửi cho người yêu. Thư của Cuông gửi cho em Mi.

Thư rằng:

Em Mi ơi! bấy lâu nay tôi vẫn trộm nhớ thầm mong em lắm. Chẳng biết em có biết cho không. Tôi viết thư này là chính của tôi viết cho em đấy. Em Mi ơi! gió đưa tờ giấy lên mây; gió đưa thư này bay đến nhà em. Em mà bắt được em nên trả lời. Trăm năm xin quyết cùng nhau chung một lời vàng đá.

Nguyễn Văn Công viết thư.

Thực là một công trình ghê gớm của Công. Anh đọc lại một lần nữa, rồi hơ giấy lên ngọn đèn cho chóng khô mực. Bảy giờ anh mới cẩn thận gập lại làm tư, để vào trong quyển vở, đem nhét xuống gối đầu giường. Đã vào canh một, gà gáy lên te te. Vùng trăng đã khuất hẳn.

Thế là Công cắm cúi học từ ngày vào mùa đông, đến ngoài Tết Nguyên Đán thì viết được trọn lá thư đưa cho Mi. Nhưng lá thư tình đầu tiên ấy không bao giờ được gửi cho ai. Bởi vì, ngày đầu mùa xuân đó, cô Mi đi lấy chồng. Cô lấy chồng người bên làng khác. Tất nhiên là Công không hay biết gì trước. Cho đến khi cái Nghiên lại nói chuyện với anh thì đã muộn hẳn rồi. Anh không thể dám oán ai được. Bởi anh chưa có ai để mà oán hận.

Lá thư tình vô duyên nằm buồn thiu trong mép bím(\*) anh được mấy hôm. Những nếp gấp đã lên nước mờ hôi mà đen xỉn lại. Một đêm, anh châm đèn lên, kê tờ giấy vào ngọn lửa mà đốt đi. Đôi mí mắt nặng sụp xuống.

Rồi mọi người xung quanh đều biết rằng tự nhiên mà Công thông thạo đọc và viết nhoang nhoáng được chữ quốc ngữ.

Nhưng anh buồn lắm. Cả ngày anh chỉ giải khuây mối hận kín đáo bằng cách đọc truyện Kim-Vân-Kiều. Một hôm, anh nói với cô em:

-Truyện Kiều hay lắm. trong ấy có nhiều câu buồn ghê!

Nghiên cười:

-Độ còn chị Mi ở nhà, chị ấy cũng thích đọc truyện Kiều. Hoài của, giá ngày trước em làm mối cho anh nhỉ!

(1942)

(\*)bím: cái ví

## Dung và Quyền

Phố Hàng Ngang, Hàng Buồm cũng chẳng khác xưa bao nhiêu. Mặt đường, đôi chỗ vẫn cái nắp gang đầy cống ngầm còn đề tên sở thời Pháp. Không kể mấy bảng điện nhấp nháy, cái nhà tầng nông lòng đột ngột chon von lên như những đồ chơi của trẻ con. Chỉ có một cái khác. Xe đạp, xe máy liên liền khin khít đan nối nhau. Ngày xưa thì lòng đường, vỉa hè toàn những chân người đi, chân người ngược xuôi như lồng vào nhau.

Họa sĩ Ngô Thúc Dung vẽ cho báo Hà Nội Tân văn in ở phố Hàng Buồm. Anh Vũ Ngọc Phan bảo tôi: 'Anh Dung tốt nghiệp số 1 Đại học Mỹ thuật Đông Dương, anh Nguyễn Đỗ Cung giới thiệu làm cho báo ta đây'. Anh Phan muốn gọi sự chú ý và kính trọng của tôi. Thì ra đồ nhất lại bạn của những Nguyễn Đỗ Cung, Tô Ngọc Vân, Nguyễn Gia Trí, những mét đỉnh rồi. Nguyễn Đỗ Cung đang chùm cubit lập thể vẽ cái chân người như bấp chuối và người đi hai vai ngang như cua bò, tôi phục lắm, đầu chẳng hiểu gì cả. Ngô Thúc Dung minh họa báo, vẽ tay người to hơn đầu người. ồ, trường phái ông Cung mà. Nhưng rồi tôi thấy Dung vẽ cái mu bàn tay nào cũng tròn như quả bưởi, lại để ý Dung không vẽ cho báo nào khác ngoài báo của anh Phan. Về sau quen Dung nhiều hơn, tôi nghĩ: thằng này không biết vẽ, chẳng ai thuê.

Thì tôi thấy Dung cũng hết oai, Dung chỉ vừa vừa như tôi thôi. Vì, giỏi hay dốt cũng là may rủi thế nào đấy. Như ông Thịnh del chỉ có mỗi báo Tiểu thuyết Thứ Bảy mượn ông vẽ cái mặt nào cũng tréo giống nhau, thế mà ông đồ đầu Mỹ thuật Đông Dương, ông làm thông phán sở Canh Nông cả ngày cả tháng ngồi truyền thần phóng to con tằm, con nhộng, con bướm, cái kén. Ông Thịnh del chẳng có bức tranh nào, giới vẽ có lẽ chẳng hề biết ông là ai, mà ông có cần gì đâu.

Dung bảo tôi:

- Bát phở một lúc, được không?

Tôi chẳng có việc gì, để chôi là không được. Chúng tôi ở nhà in đi ra và tôi hiểu bát phở là chẳng đi đâu cả, chỉ lê gót hết phở nọ sang phở kia, nhìn nghênh nhìn ngáo rồi nhìn xuống đường thấy chân người chen nhau đi qua đi lại. Người đi xem phở, người

đi kiếm ăn, nhiều người quá, chỉ thấy chân, toàn người đi chân đất. Đôi khi, người đàn bà trong làng ra kẻ chợ, có đội dép Kê Noi quai ngang và nếu là dân thầy thì có đôi giày vải như chúng tôi. Những người chân đất đi ngoài phố nhiều, nhớ mãi đến tận bây giờ.

Tôi hỏi Dung:

- Chiều rồi. Phải làm cái gì cho no bụng chứ?
- Tút tở cặn cả có thể mới phải đi phố ăn tiệc nhin.
- Nhịn a?
- Hôm nào có tiền thì lại ăn, ăn bù.
- Thôi được, đi với tớ.

Tôi cũng chẳng đủ tiền mua hai bát cơm úp. Tôi nói mạnh bạo vì tôi nghĩ đến Quyền. Có thể Quyền có. Chúng tôi rẽ về phố Hàng Trống. Sang phố này đã thừa những bàn chân đi. Máy nhà bán đồ thuê ren sách cũ. Tắt qua cửa đền vào một góc phố có một gian hàng chỉ bằng sải chân. Những cái chụp đèn bày la liệt như nón úp. ở trong nhà, một thanh niên vạm vỡ sơ mi trắng cộc tay đang soi gương nắn cái mũi cà vạt đen.

- Giới thiệu...

Quyền nói to:

- Họ sĩ Dung, quen rồi. Đã vẽ chụp đèn cho nhà này.
- à...

Họ biết nhau, tôi nhẹ hẫng người, nói luôn:

- Đương định đi ăn mà chưa trữ được đủ tiền.



- Có đây, có đây.

Quyền chạy sang cửa hàng bên cạnh xem nhờ đồng hồ.

- Năm rưỡi, đóng cửa được rồi.

Chúng tôi giúp Quyền vác những tấm cánh cửa lắp đóng lên kín gian hàng. Tôi hỏi khế Dung:

- Đã cộng tác với Quyền à?

- Có một lần, đã lâu. Thăng cha nhớ dai gớm.

- Cái kiốt đảng Hàng Da của cậu mà treo bán những cái chụp đèn này cũng nên lắm.

- Có thể, có thể. Đảng ấy bảo nó cho mượn mấy cái bày thử.

Đã lắp cửa xong, chúng tôi ra chỗ đầu Hàng Giò, xuống dốc Hàng Kèn, tạt sang ngã hồ Thiên công.

Chỗ ấy có mấy hàng cơm, sau lưng trông xuống bãi cỏ lau. Đằng kia là Vân Hồ, nhưng quãng nay lầy lội, phải vòng lên Thử Giao mới có lối xuống. Thành phố chưa bắt điện đến vùng đấy. Trong bụi cỏ lau đen lù lù, ánh đèn ba dây, đèn hoa kỳ lốm đốm to nhỏ như những con đom đóm. Mấy quán cơm đầu ghé đón người đi làm bên ga Hàng Cỏ về các đầu Ô Thanh Nhàn, Ô Trung Hiền, đôi khi có những xe chở gỗ dưới Phà Đen lên. Ấy vậy mà hàng quán đỏ đèn suốt sáng. Bởi vì những con bạc rúc ráy trong bụi lau lần ra ăn đêm.

Chúng tôi cũng đã nhắm mắt ở đây.

Thấp thoáng một cái đầu chó treo dưới mái tranh.

Tôi hỏi Quyền:

- Vào làm mấy chén mừng gặp nhau, được không?

Quyền nói:

- Không. Tớ là sì cút (\*). Và tớ thương loài vật, con chó thân thiết với người nhất, tớ không ăn thịt chó.

- Thế thì ăn gì?

- Cơm, đậu rán, canh cà chua, như mọi khi. Được không?

Hai thằng không có tiền, thế nào mà chẳng được. Nhoáng một cái xong bữa chẳng có gì để kê cà, chúng tôi bước ra ánh điện loáng thoáng ngoài hè phố. Tôi chẳng hỏi ai, cũng không nghĩ đi đâu tối nay. Đứng cửa sổ rạp Hiệp Thành nghe cải lương, lượn nhà thổ ngõ Yên Thái cũng chỉ nghĩ và kê ra thế thôi. Không đi đâu thì đi ngủ vậy. Có ba nơi. Về nhà tôi trên Bưởi thì xa mà đã hết tàu điện. Đến cái kiốt của Dung ở chợ Hàng Da thì ôi thôi, khi sáng ra có thể đã gãy đầu gối. Cái kiốt bốn mặt cửa nhưng hẹp quá, đêm phải đổi hai thế nằm. Lúc thì khoanh chân, lúc thì duỗi gác hai chân lên vách. Dung thấp bé người, suốt đêm nằm khoanh hai chân, đêm nào cũng thế. Đến nhà Quyền thì được ngự trên mảnh ván. Rộng rãi, chỉ phải cái không có màn.

Gian bán chụp đèn, đèn bàn, đèn treo trần cũng không phải của Quyền ông chủ. Không biết cửa hàng của ai, chắc của người nhà, Quyền trông hàng, bán hàng ghi sổ. Những khung nan, khung gỗ thợ gò, thợ tiện ở phố Hàng Tiện đem đến, Quyền dán giấy bồi, lụa hoa, lắp bật điện. Cũng không thấy chủ hàng bao giờ chỉ có mình Quyền, sáng ra xuống bờ hồ rửa mặt, còn ia đái chỗ nào thì tùy. ấy thế nhưng đã phong lưu nhất hội rồi.

Mưa sầm sập cả đêm như xay thóc. Mưa đêm ở làng, trong bóng tối bốc lên mùi rom rạ ải, mùi hoa lý thơm ửng. Mưa rào, mưa to ở thành phố, tiếng mưa nghe mỗi tai mỗi khác, cứ như gõ thanh la, lại như liên hồi đập cái thùng sắt tây. Nhưng đã dịu được cơn oi bức ban chiều. Nhờ thế, đỡ muỗi, sáng ra mặt mũi không lấm tẩm màn đỏ.

Quyền cho Dung xách đi mấy chiếc chụp đèn. Cái kiốt của Dung dựng đứng như chiếc thùng gỗ vuông, trông sang bãi cỏ chợ Hàng Da. Trên bãi, thỉnh thoảng hiệu tạp hóa Tây Lùn ra căng bạt mở xổ số cò quay ăn tiền, ăn thưởng áo may ô, lọ nước hoa

Con Voi, khăn mùi xoa. Đôi khi gánh Lê Thành Các về làm xiếc. Có cả ban xiếc nước Anh với hai con la thồ đồ, lưng phủ bạt, đến cắm cọc dựng rạp. Cái kiốt vẫn đứng đấy, bốn mặt sơn xanh trở lỗ cửa vuông, phía nào cũng thông thoáng.

Kiốt bày bán lắm thứ linh kinh. Những ống bút, một thếp giấy mới, gói bột màu. Có khi bày tranh phong cảnh. Cũng có buổi cho bà bán quà sáng để nhờ mẹt khoai lang luộc.

Tôi bảo Dung:

- Treo bảng vẽ truyền thần, có khi ăn tiền hơn.

Dung xua tay:

- Mà y dốt bỏ mẹ. Họa sĩ không vẽ truyền thần.

Nhưng tôi nghĩ cứ như Dung vẽ cái tay to hơn cái đầu thì có khi Dung cũng không biết vẽ truyền thần. Bốn mặt quang vắng, không biết đồ đạc, quần áo Dung cất đâu. Chẳng thấy cái hòm, cái bọc chỗ nào.

Dung nói:

- Mà y nhà quê cũng có khác. ở Hà Nội bây giờ vẫn minh giống bên Tây. Hết mùa rét thì cái áo dạ gửi nhà cầm đồ Vạn Bảo phố Mới. Giờ đương nắng nóng, chỉ cần nhất bộ, tối đi ngủ thì cởi ra giặt cho tiện.

Tôi đã quen lối nói tiêu lâm chày cối bịa tạc ra cách sống thành phố. Bốn cái chụp đèn Dung để bốn cửa. Hai chụp treo, hai chụp đèn bàn đặt trên mòm hòn gạch nhô cái chóp lên. Đi cả bốn bên đều trông thấy, cũng vui vui mắt.

Một hôm tôi đến chẳng thấy cái chụp đèn nào.

- Bán hết cả rồi à?

- Mất cắp hết thì có. -Không gắn được con mắt đằng lưng thành thử cứ trông cửa

trước thì nó phổng đằng sau.

Đến năm kháng chiến, phố xá tản cư đi khắp nơi. Người ta như con kiến khi gặp nhau thế nào đôi bên cũng đụng râu chum lại như chào hỏi, trò chuyện rồi mới lại tăng tà bò đi. Cho nên ai ở đâu rồi cũng được tin, mình không gặp thì thế nào cũng có người gặp, người biết. Tôi cũng lảng máng biết tin tức bè bạn và người quen, xóm giềng, ai tản cư vùng nào, công tác ở đâu, ai chết bom, ai lại về thành. Nghe nói Quyền đã lấy vợ, vợ chồng đem nhau lên Phú Thọ.

Năm ấy, tôi có việc về Gia Điền. Việc vui và cũng nực cười. Tôi đi dự đám cưới họa sĩ Nguyễn Văn Ty. Anh Ty ở vùng văn nghệ sĩ tản cư trong khu Bốn. Trường Mỹ thuật của anh Tô Ngọc Vân mở ở Việt Bắc, anh Ty được mời ra dạy. Ty cũng đã cứng tuổi. Chị trẻ hơn, gia đình cũng ở Hà Nội tản cư đi. Tiếng đồn thế nào đấy, có thể bên nhà gái nghi ngờ, mà nhà trai nhà gái đều đương trong cảnh xa lạ không biết đâu mà hỏi han dò la được. Tôi được giao việc đại diện cơ quan đi dự đám cưới. Tôi có nhiệm vụ nói thật nhưng nói khéo thế nào để họ nhà gái tin tưởng tôi là bạn anh Ty từ xưa và anh Ty chưa có vợ bao giờ.

Mọi việc đều xong xuôi, êm đẹp. Hôm về, tôi không ra theo đường bờ sông. Tôi đi đường trong, qua làng đồi chè, rừng sơn, rừng cọ từ Gia Điền sang Ao Châu. Tôi đã được biết Quyền ở Ao Châu.

Tôi vào xưởng giấy Ao Châu hỏi Quyền. Người ta bảo: ông Quyền thôi việc ở đây rồi. Bác ra ngoài đằm, hỏi ông Quyền Chài thì ai cũng biết - Quyền Chài là thế nào? Người ta chỉ cười.

Ao Châu, một vùng đằm nước mênh mông như hồ Tây bọc một dãy đồi ở giữa. Tôi được chỉ vào một cái lều lá gồi bên bờ nước. Quyền cởi trần, da bắt nắng đỏ xạm, vắn cao lón và để bộ râu quai nón xồm xoàm đen kịt, chòm mũi đỏ sần sùi nhô lên quen thuộc.

Cái lều một gian một chái, một người đàn bà ra chào tôi. Chị mặc quần thâm, áo trắng nhuộm nâu non, cũng như mọi người tản cư thường gặp ở dọc đường và trong chợ.

Quyền nói to:

- Nhà tôi đây. Chúng tớ nghề chài lưới, nên làng nước gọi là Quyền Chài. Nhờ giờ cũng đủ chén, cứ xuống nước thì có cá đem bán.

Chị ấy đi chợ. Quyền bảo tôi ở nhà chơi, Quyền thả cái thúng đi bắt mấy con cá về nhấm rượu. Tôi bảo cho tôi ra hồ với. Cái thuyền thúng, Quyền ngồi đằng mũi, tay cầm bè chèo lái, bàn tay kia bơi. Tôi thả lưới từng quăng ngắn, Quyền vòng thuyền cầm bè chèo gõ xuống đòn ngang. Tiếng cành cạch xua cá dồn vào mắt lưới.

Trên thuyền, chúng tôi chuyện.

- Bọn tớ đã lấy nhau từ khi còn ở Hà Nội.

- Ờ... Ờ...

- Chắc đằng ấy không biết vợ tớ là con nhà thổ ở ngõ Yên Thái. Tớ vớt ra.

Tôi không biết thật. Nhưng cái tình, cái tính khí khái và nghĩa hiệp của Quyền thì tôi không lạ.

- Thế sao lại bỏ làm xưởng giấy?

Quyền cười nhạt:

- à bọn ngồi bàn giấy trong xưởng chữ nghĩa lỗ mỗ, cũng dân thành phố ra, thế mà chó lại chê mèo lắm lông, chúng nó chửi mình là tiểu tư sản, đội cái mũ sì cút chúng nó cũng bảo là đội cút đế quốc. Lộn ruột, tớ hét vào mặt chúng nó: ông đây học trường kỹ nghệ, công nhân hẳn hoi chứ không như chúng mày đội lốt. Công nhân thì không sợ cái gì hết. Ông đố chúng mày dám bỏ cái xưởng này ra đi tăng gia, hay chỉ là đồ ôm chân bàn đẽo cơm Nhà nước. Ông không thèm, cái mặt chúng mày chỉ bản mặt ông.

Quyền đặt bè chèo vào lòng thuyền, nhắc từng mảng lưới lên. Có con cá rô như hạt bưởi, Quyền lại ném xuống nước.

- Thế là tớ ra đây. Tớ chẳng cần đưa nào đâu.

Lát sau, thu hết lưới, được mấy con chép nhỏ. Quyền cười hê hê: 'Đầu đuôi để nấu dầm quả dọc, còn chặt khúc ra nướng uống rượu, hay lắm'.

Tôi giễu:

- Cậu là sì cút chửi rượu cơ mà.

- ở đời cũng có lúc cần rượu.

Chốc đã mấy chục năm qua. Rồi tôi cũng không gặp lại Quyền ở Hà Nội. Biết có còn sống, vẫn ở Ao Châu hay lại đi đâu.

Họa sĩ Ngô Thúc Dung thì đôi ba khi còn biết tin.

Các cơ quan mới ra khỏi thành phố lên Việt Bắc đều đóng ở Đại Từ trên Thái Nguyên. Có người cơ quan ở xóm bên cạnh - chỗ cục quân nhu đóng, sang hỏi tìm tôi và nói :

- Chúng tôi có đồng chí họa sĩ Dung... - A họa sĩ Ngô Thúc Dung! Tôi có quen... Tôi sẽ sang, tôi sang... Thế ra Dung đã vào bộ đội, lại bộ đội quân nhu... có thể Dung vẽ mẫu áo trấn thủ... Dung cho lính sang tìm tôi... Oách thế, họa sĩ Dung, đồng chí Dung...

Rồi không nhớ tôi bận gì, mấy hôm sau mới sang được xóm có quân nhu ở? Tôi thấy những nhà kho, những lán ở trống hoác. Vào trong làng hỏi, bà con cũng chỉ biết bộ đội đã đi từ nửa đêm hôm kia. Bộ đội thường đi đến bí mật thế. Rồi sau tôi biết thủ trưởng cơ quan ấy là Trần Dự Châu đã bị bắt vì tội hống hách, tiêu pha tiệc tùng bán giờ không văn tự. Tôi chợt dạ hỏi lại nó là thằng Trần Dự Châu hay thằng Ngô Thúc Dung. Lắm cảm đâm hốt hoảng mới ngờ cái tai nghễnh ngãng chú Châu với Dung thì nhầm với nhau sao được. Nhưng tôi lại nảy ra cái lo khác. Hay là thằng Dung đã lấy bí danh là Trần Dự Châu. Đi kháng chiến, nhiều người lấy bí danh tên khác, kể cả tôi...

Đến khi hòa bình tôi mới lại được tin về Dung. Có người trông thấy, có người đã gặp Dung ở Hà Nội. Dung không làm họa sĩ nữa. Mà Dung bây giờ bán vé xe điện, Dung nghiện thuốc phiện nặng, thảm hại lắm!

Ôi Dung. Sao mà tôi nhớ thằng Dung cũng như tôi nhớ cái tàu điện, những kỷ niệm xa xưa của tôi đã già lão, sắp vứt đi cả rồi. Cái tàu điện cũng có sự tích lúc trẻ lúc xế bóng chẳng khác con người sinh ra ở thành phố này. Cái tàu điện mới đi từ Bưởi xuống chợ Mơ. Lúc qua Bờ Hồ thì có đường rẽ về Giám vào Hà Đông. Hơn ba mươi năm sau mới để thêm đường ô Đổng Lãm ở Kim Liên lên ô Yên Phụ. Đường tàu điện đầu tiên ra đời năm 1899 - khi tôi được sinh ra thì tàu điện đã ở tuổi hai mươi, hai mươi tuổi thanh xuân hơn hớn, cái về tàu điện tôi được nghe kể và tôi đã hát suốt thuở tấm bé.

... Thằng Tây ngồi nghĩ cũng sành  
Sinh ra tàu điện chạy quanh phố phường  
La ga thì ở Thụy Chương...

Cái ngày khai trương tàu, cưới tàu mới linh đình sao, Tây mở tiệc nhảy đầm ở chỗ đình Thụy bên hồ Tây. Các cụ kể: khánh thành đường tàu điện các làng được một tháng đi tàu không mất tiền vé. Cả vùng Bưởi chúng tôi lên ngồi tàu điện xuống đi chơi Bờ Hồ. Cái câu cuối bài về tàu điện chẳng biết là mịa mai hay ba lợn: Năm xu ngồi ghé đệm bông. Hỏi mình có sướng hay không hả mình?

Thanh niên thì không thèm lên tàu điện khi tàu đỗ, mà chúng tôi rún chân lấy dáng là lướt nhảy tàu xuống tàu khi tàu đang lượn vào hay đã rời bến.

Thế mà cái tàu điện đã rong ruổi đến tận khi Hà Nội chống Mỹ. Báo động cứ việc, tàu chạy suốt ngày, qua các phố Hàng Than, Quán Thánh, cạnh nhà máy điện - trọng điểm máy bay Mỹ thả bom. Cái tàu vẫn chạy. Chỉ còn người lái tàu, người bán vé tàu và mỗi một người hát xẩm, không biết sợ là cái gì, cứ ngất ngư trong lòng tàu ngêu ngao cất tiếng hát giữa tiếng bánh xe rít trong đường sắt, tiếng chuông leng keng âm âm và tiếng bom rơi.

Rồi cái tàu điện về già. Cái tàu cái toa được tẩu tán đi rồi mới bóc đến đường sắt. Nó cũng như cái cầu Long Biên, mấy năm đau yếu sau bao nhiêu trận bom đạn, thì đến

cái tàu điện rách rưới, tả tơi nhất. Nó ốm cả tinh thần lẫn thể xác. Chẳng ai thiết nó nữa, chẳng ai ngó ngang chữa chạy cho nó nữa, chẳng biết số phận còn bắt rật rờ thế này đến khi nao.

Những tiếng leng keng âm âm đã hết hơi, không còn giục giã vui tai như thời xưa. Mà nó rề rề như những con cóc đêm kèng kặc nghiêng răng gọi mưa. Các ông lái tàu thì say bia, say rượu tối ngày. Tay ông cầm cái mở máy bằng đồng đã mòn vát. Tàu đến ngã tư Hàng Khay, Hàng Bài thì đỗ. Chỉ vì những nơi ấy ven hè có quán bia hơi nhà mậu. Ông khóa lại số không rồi rút cái trục đồng xách xuống đứng uống đôi ba vai bia, mặt dần dần đỏ lựng. Có khi đến chợ Mơ, đỗ lâu đợi khách thì cả ông lái, ông bán vé cùng xuống làm chén nước trắng, lại châm điếu thuốc lòn ngòi lơ mơ.

Cái tàu điện lại giống như bà lão đã mõi ra rồi còn làm đóm. Cũng chẳng phải tôi còn nhớ đến Dung đâu. Mà một hôm tôi chợt nghĩ: 'Cái tàu đương ốm thập tử nhất sinh thế kia cũng xuống lỗ đến nơi rồi. Ta đã đi tàu từ thuở bé, thuở trẻ, bây giờ ta đi một chuyến tàu điện dỗi già xem sao. Có còn nhảy tàu lên xuống được không nhỉ?'. Chỉ nghĩ chơi đã thấy ngượng. Thân già này mà trở tài điệu nghệ thì chỉ có đưa chân vào bánh tàu mà thôi.

Chấp tối hôm ấy, uống vài bia ở bờ hè Hàng Khay rồi, tôi làm cuộc du lịch lên cái tàu điện ngàn xưa. Người bán vé tàu như đứng sẵn rình tôi, chộp tôi. Người ấy hiện ra trước mặt tôi, giọng khao khao mơ hồ: 'Tiền vé! Tiền vé!'

Trông đích là thằng Dung! Không thể nhìn nhầm không thể sai được mặc dầu đã khác lạ hẳn. Khuôn mặt chày xị, tái xám, môi nhờn bóng, cửa tay áo về vệt đen nhầy. Rõ một con nghiện già. Chẳng ra thằng Dung một mảy nào, nhưng cái sẹ ở thái dương bên trái thì vẫn đỏ tía như đồng xu úp vào, nguyên như thế như người tù khổ sai chung thân thời trước bị thích chữ lên mặt.

- Dung đấy hả? Có phải Dung không?

Người ấy ngược đôi mắt đục lờ lờ nhìn tôi rồi lại cất giọng cũng rề rề ùng đục:

- Vé nào! Tiền vé!



Tôi đưa đồng tiền vé. Lão ta bỏ vào túi áo vét rồi lù rù quay vào, trong khi tôi còn hỏi với... Có phải Dung... có phải...

Biết làm thế nào. Chán đến không còn muốn nhận ra nhau nữa.

ThuVienOnline

## Nàng ba Châu Long

Giữa tháng giêng, làng Hạ đã gọi phường chèo hát. Cả vùng bảo làng này trốn hội. Bởi vì giêng hai thì đầu cũng còn thông dong hơi hướng đôi chút tết nhất. Nhưng ở đâu thanh thoi chứ làng Hạ đã lác đác đeo giỏ xách thuổng ra đồng, xuống gò đào chuột. Vừa Tết ra đã phải đi kiếm miếng thịt trời, đi như người ăn vụng, lủi ra đàng công đồng. Không để ai trông thấy, như muốn bay biến trong ngọn gió bắc quất vào mặt. Thì cũng lệ là cố lo tối hát, như ra ngô gặp trai, ao ước cái may năm mới đến.

Ngoài sân đình, trống gọi trò vừa gióng vài tiếng, đã nghe trong bờ ao, ở ngã ba góc nhân trẻ con gọi nhau ơi ới, đã rộn rã ra vui rồi.

Làng Hạ chẳng có nổi cỗ kiệu long đình. Hằng năm, đến kỵ thánh, ông từ ra đình thấp bó hương đen. Họ may mới có năm đi chợ xa tậu được con bò đát về mổ chia ba giáp rồi ngoài sân đình có tối chèo. Thế đã linh đình rồi.

Các cụ kể: ông thành hoàng làng ta hóa thiêng lắm. Nửa đêm, người đi úp cá trộm, người thò tay khoắng vào chũm, phải con rắn lục cắn, người ngã xuống ngay trên cái nom. Được giờ linh, chỗ ấy mỗi đùn thành gò đến tận bây giờ. Người thiêng lắm, nhà bị mất trộm, bị lừa, hay ai cầu xin thế nào, hay đem lễ ra đình khẩn.

Có được thế nào cũng chỉ nghe vậy. Cái làng Hạ chỉ uống nước lã mà chèo hát suông, ai cũng bĩu môi, ấy thế mà rồi nhiều người kéo đến xem đông thế, vui xem hát nhạt xem bói, bao giờ chả vậy.

Phường về lúc xế trưa. Cả bọn qua chợ đã ngã vào hàng cơm. Gồng gánh lội bộ từ sớm mai bên kia sông sang, đến quá bữa mới được lưng cơm. ấy thế mà mới cạn bát rượu, bác trùm đã ngã nghiêng đứng lên.

- Hôm nay được ngày, làng đương mong, trống gọi đấy.

Đã có người ra ngóng cổng làng.

- Hát lấy may, hôm nay tốt ngày.

Mấy cô gánh dâu ở ngoài bãi về.

- Còn hát lấy duyên nữa, các cụ ạ.

Tiếng con trai con gái ở đâu cười vang động. Nhưng trong đám chẳng thấy có nữ.

Phường Bắc đã được tiếng kếp nam đóng nữ khéo đến đổi tan trò rồi mà trai các làng còn quanh quẩn nhòm ngó đến khi sáng ngày ra, trông vào mái lều trong tam quan chỉ thấy toàn đàn ông còn ngái ngủ ngồi lổm nhổm.

Có chàng ngơ ngác hỏi:

- Cái cô Châu Long tối hôm qua đâu nhỉ?

Bác trùm cười hề hề nói:

- Con ma gốc gạo bắt cô ấy đi từ tan trò tối hôm qua rồi, không biết à?

Ôi chao, chẳng cứ trai làng mê vai Châu Long đêm chèo để thương để nhớ đến cả cho bao nhiêu cô gái trong làng nữa kia.

Tung, tung... Bung nhóc... Bung bung nhóc... Chiếc chiếu mộc thủng giữa đã được nhà mỗ trải ra sân cửa đình. Đôi hòm gỗ nhà phường kê đằng góc che tàu lá dừa. Đào kép thì đến đằng ấy, ngồi ghé lên mặt hòm cạnh cái đèn hoa kỳ.

Bôi phấn, vẽ râu, kẻ lông mày, thay xống áo xong rồi vào chiếu ra vai.

Nhà mỗ cũng đã đóng cọc chằng thừng, kê chiếc ghé dài ra, một ông kỳ mục chút khăn mặc áo dài thâm ngồi bên cái trống cầm châu. Cũng không ai biết cầm châu thương phạt câu hát, mà chỉ thỉnh thoảng điểm tiếng tùng, tiếng các giữ nhịp cho âm đám, lại còn ra về người bè trên ở chôn đình trung.

Trống và nhị theo tiếng hát vỡ nước đã réo rắt rào rạt nổi. Chung quanh ngoài kia tùm tùm người cha tới đám đã biết tối nay tích Lưu Bình, Dương Lễ - tích trò éo le mà có hậu được hát mở hàng.

Trời đã tối hẳn. Một chiếc đèn ba dây treo lên cành nhãn. Người ra vai đứng giữa chiếu mà bốn phía nhìn được, lại thuộc cả tích diễn, cả câu hát. Cái lúc Lưu Bình sang thăm Dương Lễ đỗ được bổ về làm tri huyện sở tại. Này này thẳng lính lệ sắp bung ra cái mâm gỗ có quả cà bát làm bằng nắm đất thó lẩn lóc. Thế mà như thật. Lưu Bình cau mặt phui áo đi. Lưu Bình vừa vào khuất thì nàng ba Châu Long đã khăn gói bước ra, quan Dương Lễ đứng trong hát với ra dặn dò vợ đi nuôi bạn.

Nàng Ba đuổi theo Lưu Bình, đến quán Nghênh Xuân thì gặp Lưu Bình đương đắm đắm nhìn dòng nước chảy, Lưu Bình hẳn chí định trăm mình chết trôi sao? Châu Long bước vòng qua, hát mấy câu đường trường thì vừa tới kịp.

Châu Long khuyên nhủ rồi đưa Lưu Bình về nhà. Từ đấy, canh cử và đèn sách bên nhau, hẹn bao giờ đại đăng khoa thì tiểu đăng khoa. Chỉ trên mặt chiếc chiếu, quanh quanh với bước đi và câu hát mà đủ mọi sự tình, đêm hôm và mưa nắng, mùa hạ sang mùa xuân, mấy năm qua. Luống những đầu mày cuối mắt mà ra hờ hững, mà lại dường như dính dính một câu thương nhớ ở đâu rơi xuống, đấy là Châu Long tự thân hay là ông trời xanh trong đêm đen kia than thở bỏ lời hộ người.

Những tưởng lúc chiều đông tựa cửa

Ngao ngán thay cho cảnh vợ xa chồng. Ngao ngán thay cho cảnh vợ xa chồng.

ôi a... tình bằng... thế mà mê toi lẩn lóc cả cái sân đình. Chị em cái Vối, cái Nụ

thương Châu Long quá. Châu Long đẹp thế, mỗi lúc một đẹp hơn, thương hơn. Tấm áo nâu non vạt thắt quả găng, cái khăn thâm mỏ quạ mà như cô tiên, cô tiên giáng trần tu duyên tích đức. Thương quá. Nước mắt cái Vôi ứa ra lúc nào, đêm tối chẳng ai trông thấy ai, Vôi mặc cho nước mắt chan chứa xuống. Chốc chốc, cái Nụ lại kéo áo chị, nhất là đến những khi đêm hôm Châu Long ngồi trong khung cửa, Dương Lễ nằm ngoài trường kỷ đọc sách, chốc lại buông sách xuống đứng lên những toan bước vào. Nụ lại kéo áo Vôi, không biết là nó muốn Lưu Bình bước vào buồng cửa hay nó bảo chàng đừng... Mà sao lúc ấy tiếng hát Châu Long trong vắt, hay thế, yêu thế. Chị em Vôi cứ như người thất thần cho đến khi trống tan trò, mọi người gọi nhau tìm đóm làm đuốc về, bấy giờ mới như sự tỉnh ra.

Đêm mười sáu, trăng tháng giêng, trời mù mịt trăng sương. Đóm đuốc về các ngã, bỗng rậm rịch bọn người chạy lại.

- Bắt lấy nó! Bắt lấy nó cho ông!

Qua điếm canh, thấy mấy người bị trói giắt cánh khuỷu vào chỗ cái giá cắm đinh ba, câu liêm.

- Kẻ trộm à?

- Ăn trộm người thôi!

- Thiên hạ đến chim gái làng thì cứ việc gô cổ lại.

Một người nói to:

- Chúng ông công con phường chèo thì bận gì đến nhà chúng mày!

Thì ra lúc tan trò, lũ này háu quá chui vào kéo cô Châu Long. Bọn trai làng xông tới, bắt được trói về đây. Bây giờ không biết thế nào, đâm ra lục đục cãi vã. Người nói chõ vào: 'Gái làng chẳng phải, họ hàng cũng không, khéo ghen hã'. Cứ thế ầm ĩ, loạn xạ.

- Đứa nào chửi ông? Đứa nào?

Như sắp choảng nhau to đến nơi.

Chị em Vôi chạy vội vào trong xóm. Nụ cười rinh rích: 'Thế mới rồi hoi, chẳng bận gì đến ai mà cũng nhiều sự'. Vôi nói:

- Nhưng mà thấy đẹp quá đâm ra đỏ mắt, tiếc của giời.

Hai chị em tới nhà. Mẹ đã cài cửa liếp. Vách trong, tiếng tằm ăn rồi trên nong nghe rào rào. Vôi và Nụ chui vào cái giường nan vầu không mễ lót lá chuối khô trong bếp. Hai đứa đắp chung cái chiếu đơn, co quắp mãi chưa ngủ được.

Vôi nói:

- Cái Châu Long đẹp nhỉ, tao cũng mê.

Nụ lặng im rồi thì thào:

- Nó là thằng kếp giả gái đấy, thằng kếp thế em mới thích.

- Mà chỉ nói nhảm!

Chị em lại quần quai, trần trọc. Mỗi người một ý nghĩ cũng nên, cái ngủ khó đến quá. Chẳng mấy lúc đã mờ sáng. Vói trở dậy đi hái dâu. Vói sắp quang sọt sớm hơn mọi khi, lúc mẹ cha dậy mở then liếp. Nụ để ý. Nụ ngờ phải. Vói không xuống bãi ngay. Vói rón rén vào góc cột tam quan, đến chỗ bọn phùng chèo nằm. Cả đêm không chớp mắt, có lúc mơ mơ màng màng ngỡ Nụ là cái Châu Long. Thế mới bơ vơ!

Nhiều người nhà phùng còn vùi đầu trong ổ rom. Một bác đã có tuổi, quần cái khăn tai chó, nhận ra bác ấy đêm qua ra vai lính hầu quan Dương Lễ bung cái mâm gỗ với quả cà giả vờ. Tần ngần, không biết hỏi thế nào, cứ đứng một lúc rồi Vói mới xuống bãi dâu.

Đến bên con đìa cạn trơ bùn, thấy có người lúi húi nhấc cái chũm đơm cá. Sáng sớm còn rét cắt ruột mà anh chàng giơ cái lưng trần trùng trọc, có lẽ đêm ngủ cởi trần. Hai con mắt sắc đuôi lá rằm, cái môi đỏ như đường ăn miếng trầu cay thế kia, trông đích là cái Châu Long đêm qua. Con Nụ tinh quá. Vói ngây người, buông chiếc đòn gánh xuống mà không biết. Rồi áp úng:

- Có phải... có phải...

Chàng nọ nhấc cái chũm bê bết bùn lên, nói tự nhiên:

- Phải, cái nàng ba Châu Long ấy mà. Đi đâu sớm thế?

Vói nhác thấy trên mặt người ta còn một mảng phấn hay vôi dính chỗ hàng lông mày rậm. Nhưng miệng nhanh nhẩu thì vẫn xinh, vẫn cái duyên đêm qua.

Vói che nón lên.

- Em ra bãi hái dâu.

- ở chỗ này, con chấu con chạch cũng chẳng được. Ngoài bãi có đìa nước...

- Có đìa, nhưng chẳng biết có cá không?

- Con nhái cũng được bữa đấy.

Rồi chàng ta xoe quần lên tận bẹn, vẫn cởi trần tơ hơ thế vác cái nơm. Tay đôi bước thông dong, như vẫn xuống bãi thường ngày.

Cả nửa buổi trong cánh dâu chẳng úp được con quái gì. Mà Vói thì lại quang sọt về không.

Khuya hôm ấy, Vói ôm Nụ, cười khê: - Nó không phải con gái. ừ...

- Em đã bảo thế rồi mà.

- Sao mà biết, mà là con ma xó à?

- Trông hai cái chân to như bàn cuốc, em biết ngay.

Vói buông Nụ ra. Quả là con bé khôn hơn con ma.

Đêm nay phường ra chèo Trương Viên, ngày mai rã đám. Vói nói:

- Tích Trương Viên buồn lắm, tao chẳng đi xem nữa đâu.

Nụ đi một mình. Một lúc đã về, lạch cạch cậy liếp. Vói vẫn chưa ngủ. Nhưng hai chị em không nằm ôm nhau như mọi đêm. Nụ lẳng lẳng xuống ổ rom cửa bếp. Một lát, đã nghe tiếng thở ròn ròn. Nó đi cày ải cả buổi, ngủ mệt. Vói cũng xuống bãi hái dâu cả ngày, mỏi bã vai. Nhưng Vói không ngủ. Vói không muốn ngủ. Sớm mai, người ta đi rồi. Đã hện gà gáy tan canh ra cổng làng chờ nhau. Rồi bao giờ mới lại gặp? Tiếng gà xa xa mới tha thướt, còn khuya. Hai mắt Vói cứ chong chong.

Trong bóng tối, Vói chợt nghe không thấy Nụ cựa quậy trong ổ lá, im cả tiếng chập chòn. Vói lạ. Rồi Vói giật mình. Vói nhòem dậy. Thấy gian bếp như lạnh hẳn. Vói sờ cái thùng vẫn vắt vác áo. Không thấy chiếc thắt lưng tam giang Vói đã để sẵn ra đấy đợi thắt.

Vói quờ tay vào ổ rom. Chẳng thấy Nụ đâu.

Vói chạy ra ngõ. Qua điếm canh, vẫn thấy mấy người trai làng khác, không biết có bị trời không, chúng nó ngả vào nhau ngủ ngời rụi đầu vào vách điếm. Đêm rã đám mà vẫn còn đuổi đánh nhau chuyện gheo gái.

Cái cổng tam quan lợp lá tối lù lù như mọc cây rom. Vừa lúc trong chân tre các xóm, tiếng gà gáy tan canh sôi lên. Trong ổ rom đã có người lúi húi dậy, ra nhóm lửa.

Đám chèo gồng gánh đi sớm. Cho đến lúc đi hết người cũng chẳng thấy người ta đâu.

Vói về dựng cửa liếp. Mẹ ngồi trong ổ rom, hỏi vóng ra:

- Cái Nụ đấy à?

Vói bật khóc nức nở:

- Cái Nụ đi theo thằng phường chèo rồi.

Tháng giêng năm sau, làng Hạ lại chèo hát như mọi khi. Năm nay có phường xứ Đông lên xin đám, hôm mở đầu cũng ra tích Lưu Bình, Dương Lễ cho làng nước được bói chèo lấy may. Người ta lại cứ việc cười làng Hạ nghèo rớt, năm sớm kỵ thánh chẳng lo nổi con bò chia hàng giáp, chỉ hát chèo uống nước mưa, biết có ma nào đi xem. Thế mà rồi lại cũng như mọi năm, tối nào cũng đông bọn ngồi, và nửa đêm còn rình rập đuổi bọn trai lạ gheo gái làng, vừa quát chửi nhau, vừa cười hê hê.

Năm nay có cái tò mò, cái khác mọi khi là nhiều cô con gái trong làng, từ lúc bọn phường xứ Đông vừa ăn uống ở chợ xuống, đã ra nhòm ngó phường này có nàng Châu Long thật hay Châu Long giả.

Câu chuyện cái Nụ đi theo thằng Châu Long năm trước hãy còn râm ran. áp Tết vừa rồi, Nụ cùng chồng ẵm thằng cu con về tạ tội với mẹ. Có chai rượu và một cành cau bỏ trong cái tay nải, chồng đeo trên vai.

Vói vừa quảy đôi sọt lá dâu về đến ngõ. Anh chàng nhác trông đã nhận ra cô này mới phải cô hái dâu cái sáng sớm hôm mình đi đánh chũm ngoài đìa. Có chết không, lúc gà gáy ấy còn tối đất, chỉ nhớ cái thắt lưng nhiều tam giang, thế là lòi nhau đi.

Nụ bé con ra trước mặt Vói, cầm hai bàn tay thẳng cún chưa đầy tuổi tôi đỏ hỏn hỏn.

Nụ cười cười:

- Con lạy bá đi nào!

ThuvienOnline

## Gặp lại

Tôi có việc đến Phnôm Pênh. Thời kỳ 1962 phức tạp, ở Phnôm Pênh có cả hai tòa đại diện ngoại giao miền bắc và miền nam Việt Nam. Gần Sài Gòn quá, nếu lộ tông tích, sẽ xây ra bất trắc. Phải làm thế nào, nhớ khi la cà quá xá không ai biết là người ở Hà Nội tới. Bộ đồ mùa thu mới pha len xanh nhạt, túi áo vét cài mảnh khăn trắng nhỏ, bắt chước làm dáng kiểu Sihanuc, thời đó thịnh hành ở Phnôm Pênh.

Tối ấy, chơi sà-nhảy bè nổi Trăng Sáng trên sông Mê Công. Giữa trời nước, giả vẻ thôn dã. ánh điện vụn ra, mờ mờ trắng sông. Từ chỗ này đến chân cầu Chang Va, nhấp nhô, óng ánh những sà-nhảy, những quán ăn trên sóng.

Người ta vừa ăn, vừa nhảy, vừa nằm ngời rủ rủ trong những ngăn buồng vách bên sà-n. Tôi ngồi một chỗ, nghe sóng ì ọp dưới chân và ngoài kia sáng trắng- trắng giải lặn tẩn như mắt lưới.

Một cô gái nhảy đến ngồi bên. Mụ Tú Bà, chẳng biết người ta hay người Tàu, mặc áo 'xường xám' xanh, bước thon thót như con châu chấu ma. Sai phái con em đến với khách, mụ đã sắp cỗ cả.

- Mời anh...

- Không nhảy nhót gì đâu. Cút đi nhé?

Nghe mắng yêu và thấy tôi tợp cả ly rượu mạnh không pha đá, cô gái nhảy tỏ vẻ hiểu rồi.

- Em ngồi với anh vậy.

- Cứ đi, lúc nào nhảy mỗi hẵng lại đây nghỉ chơi.

'Anh đuổi em thật à. Cảm ơn nhé?'. Tiếng cảm ơn chưa dứt người đã đi thoáng ra đằng trước. Nó chỉ mong có thế. Nó đã lĩnh tích kê ghép đôi với tôi, giờ lại được đi tìm khách, nhận tích kê tiền lần nữa. Có lẽ chúng nó bảo nhau hay mụ áo xường xám đã



khéo để mắt, một cô khác vẫn đến.

- Cho em ngồi hầu anh.

- Cứ việc.

Một lát, không thấy tôi nói gì, nó bảo:

- Cho em đi nhé ?

- Cứ việc!

- Cảm ơn anh yêu.

Nó đi luôn. Nhà hàng đã tính một suất, lại được đi tìm khách. Lãi quá. Có đĩa vừa ló ra, tôi đã hát tay. Nó cười nhõn, đi ngay. Lại đĩa khác.

Chẳng sao, đàn cá mài mài đến rìa mồi. Chắc tôi được tiếng chơi sang nhất hội đêm nay rồi.

Cô này khuôn mặt quen như đã gặp ở đâu. Thoáng hiện về như gần mà như xa, dáng dấp một người chết đã lâu. Vong hồn cô Đạm Tiên nào đêm nay theo nhau đến tận chôn sông nước chân mây này. Tôi im lặng. Cô gái mặt trái xoan nhẹ nhõm. Nếu không gặp ở đây không thể tưởng là một cô gái giăng hoa.

- Sao anh cứ nhìn em thết!

- Xin lỗi em.

- Em mới có lỗi. Không biết anh đến, em mặc đơ thể này thì không phải với anh.

- Chẳng sao.

- Anh đưa em về nhà thay đồ rồi em mới dám ra với anh. Anh lái cho em, em ở gần đây thôi.

- Anh mới bên Singapore sang, chưa mua xe.

Tôi đâu biết Singapore chốn nào! ấy là tôi đã được nghe kinh nghiệm đến Phnôm Pênh tỏ vẻ sành sỏi thì phải nào Casino núi Bokor dưới Kampot, rồi bãi tắm Kép, rồi nơi ăn chơi 'Kép nhỏ' trên sông cách đây vài cây, rồi ông Sihanuc mới thuê từ Pháp về trưng bày cả phòng ba bức tranh của danh họa Buffet. Rồi bản ca khúc mới nhất của ông Sihanuc về Phnôm Pênh, rồi... Bây giờ Singapore sống hoa lệ, Hồng Kông không bèn gót. Nói ở Singapore về, làng chơi thêm rõ rãi, mà gái chơi thì lác mắt. Quả nhiên bài thuốc Singapore nghiệm tức thì, cô gái nhìn tôi, mắt đăm đăm, thuần hơn. Ôi chao, sao mà nhớ ai kia, sao mà nhớ.

- Em ở đây?

- Em mới lên.

- ở Sài Gòn?

Cô gái nhảy mỉm cười, cúi xuống, nhắc ly rượu của tôi, uống một ngụm.

- Em theo người ta đi cư vào nam. ở ngoài ấy, em đi nhảy các đồn biên thù, Tiên Yên ra Hà Cối, Đầm Hà... Anh biết Hà Cối chứ? Đến khi tụi Tây vào Sài Gòn, nó hợp đồng đem chúng em đi. Được ít lâu, Tây rút về nước, cho rơi luôn, thế là bơ vơ.

- ở Sài Gòn làm ăn còn được.

- Anh chưa biết à? Dưới Sài Gòn nó cấm các 'ba' rồi. Anh cũng người ngoài à?

- Bao giờ hết loạn mới được về với mẹ cái hĩm.

- Không che được mắt thánh đâu. Anh ở Hà Nội vào.

- Em đẹp lắm. Em giống một người ngày xưa của anh.

Cô gái lung linh mắt, cười.

- Hay là người ta đẩy?

- Người ta chết rồi.

Nhưng cô gái đã khản khoản:

- Em có thằng em ở phố Hàng Giày. Hôm nào anh về cho em gửi nó mấy chữ. Đòi em gian truân lắm . . .

Lát sau, tôi về cùng với những ông chủ tiệc đã tha tôi đến đây. Tôi ôm người gái nháy. Chúng tôi hôn nhau, hôn thật. Nước mắt cô ấy mặn mặn trên môi. Cuộc chia tay phút chốc đâm ra não nùng.

Sài Gòn giải phóng được ít lâu, thành phố vẫn còn ngổn ngang những phân vân, những ngõ ngàng. Ngày trước tôi đã từng qua lại nên không lạ mắt lắm. Có vài dinh cơ và nhà cao tầng mới còn thì đại để vẫn thế. Đường xe lửa điện không còn nhưng những cột đèn cột điện từ đầu thế kỷ vẫn đứng như những bộ xương người sụn lưng lọm khọm vì bị chằng chịt cơ man từng nạm dây điện vắt qua. Còn nhận ra nhà hàng Thanh Thế xưa đầu tiên bán kem Nhật và cái tiệm cơm chay vẫn chật chội thế ở trước ga xe lửa Mỹ, cánh cửa và bàn ghế xám xịt màu nước dưa.

Tôi rồi rã, thỉnh thoảng ngồi xích lô rong phố.

Tôi hỏi người đạp xe:

- Quảng Ngãi vô hả?

- Chưa biết Quảng Ngãi ở đâu. Nghe bố con kể quê Quảng Ngãi thôi.

- Làm ăn thế nào?

- Cũng vậy vậy. Bây giờ khó nhiều. Các ông giải phóng không đi xích lô, các ông bảo vì thương người lao động, thế thì chết mẹ con rồi.

Tôi cười ha ha.

Mặc nhiên, cậu xích lô đời bỏ quê Quảng Ngãi ấy với cái ông Bắc di cư dờm cứ chuyện với lên với xuống thoải mái râm ran cả đường. Tôi hẹn cậu ấy vài hôm lại đến Thanh Đa gọi tôi đi dạo một vài cuộc. Đôi khi, ghé quán làm châu bia 3 con 3 còm. Tôi rủ, nhưng cậu xích lô không dám vào. Chắc e ngại có thật ông này dân di cư hay thế nào.

ở đường Đồng Khánh, ở chợ Đũi, chợ An Đông, những tiệm nháy, những nhà hàng đều còn đóng cửa nghe ngóng. Mấy quán bia tạm bợ lấp ló quầng ánh đèn không hắt sáng ra đến vỉa hè.

Quán ấy ở chợ An Đông. Trong tôi có cái chán chường, chán mà vẫn đi, đi chơi kiểu lấp sỏ như thế. Bia chai con hổ, con báo hay con ba ba, lờ mờ quá, nhưng mỗi khách vào thì cứ tự nhiên, một cô em đến bên cạnh, nửa đùa nửa thật làm quen.

- Anh cho em uống với.

- 'Con hổ' nhé.

- Dạ.

Cô ấy đã bung ra chai bia và ly trà đá. Cung cách thế biết là đi làm quán bia không công, chỉ ăn vào khách. Chốc nữa, những ly trà rồi tính với chủ thành một chai, hai chai, ba chai... Cũng như cái tích kê vào 'ba' ở Phnôm Pênh ấy mà.

Ô hay, tôi lại thấy cái cô gái nháy ở Phnôm Pênh tôi năm trước bảo là có cậu em ở phố Hàng Giày. Cô đến ngồi với tôi. Tôi vẫn nhớ, mà tôi cũng đã quên rồi. Cái khuôn mặt hao hao ai ở tuổi mười tám đôi mươi dường như chỉ tưởng ra thế. Cho được ngậm ngùi thôi.

Hơn mười năm rồi, cô ấy bây giờ ốm hom hem, mặt phần nhưng cái cổ để mộc, ngẩng lại, nổi vằn mấy đường gân xanh. Mùi nước hoa, xà phòng thơm không át được hơi thở tanh tanh. Đêm xưa, cái hôn nước mắt trào xuống, chứ không phải người này.

- Anh mới vô?

- Bên Đa Kao thôi .

- Em cũng ở Đa Kao.

-Người như cua bò biết sao hết.- Rồi tôi hỏi trống không.

- Di cư à?

Cô gái buông một tiếng nhạt thếch.

- Không.

Chuyện tỉ tê, lông bông lảng nhãng. Cô không nhận ra tôi. Khách làng chơi, làm sao nhớ được. Thế cũng nhẹ mình.

Mấy năm sau, đôi ba khi lại vào Sài Gòn. Nhưng không nghĩ đến chợ An Đông. Cũng thường chơi nhởi vậy mà ít đi ăn. Món ăn Bắc ở đây tuy được chuộng nhưng quà Bắc sai vị Bắc, đậm ngán. Thịt rựa mặn phải có da có mỡ, đặng này là đĩa xương rựa mặn, nước lợ như đường.

Những ngày cuối thu miền bắc hình như cũng làm cho trời đất phương nam dịu đi. Gió hây hây, những đóm lá me vàng rụng lả tăn. Mát mẻ đôi chút, hay nghĩ đến thịt chó. Chúng tôi đi quán thịt chó Huế ở Lãng Ông- có người mách quán ấy cũng như quán bà cô đầu già ở hẻm đường xe lửa gần chợ Đũi, những nơi còn ăn được. Nhưng thịt chó Ba La, Phú Lỗ chứ, sao lại Huế? Chậc, thì cứ đi xem nào.

Chữ 'Thịt chó Huế' sơn vào mảnh tôn treo bên góc cây me cổ thụ, trước cái lều vách tôn, mái tôn, lá me rụng xuống đã bao nhiêu năm, dày kệp, mục đen như những mái rạ thời nào ở các làng miền bắc. Cơ chừng mà rúc vào cái hang cái hốc này chén món cầu nhục có khi lại hay.

Nhưng những cái trước mắt đã làm cho chúng tôi iu dần. Hai chiếc bàn trống hốc. Bếp núc đằng sau vách, thấy làn khói than được lên xanh len lét. Dưới gầm tấm ván bên,

có đến ba bốn nhóc lằm lụi chui ra. Không biết chúng rúc vào ngạch hay ngủ trong ấy. Toàn con gái, ba đứa, bốn đứa, đứa nào cũng tóc xoăn xù, có đứa da đen nhẻm. Chưa hết, đằng sau nhà, tiếng búa, tiếng dao lạch xạch chặt củi, đụng vào vách tôn, kêu kên kên. Có tiếng người đàn bà đương rít lên, rủa: 'Chúng bay chết đi! Chết hết đi!'

Biết có khách, bật im. Một người đàn bà bước ra, tay còn cầm cái roi lò ô. Chao ôi, lại người ấy, vẫn người ấy. Đồi người ta, nhiều sự đã qua không nghĩ đến thì nó cứ trở lại như những ám ảnh không dứt ra được. Nàng đã tã lằm, lã lằm, không còn chút nào hao hao giống ai, mặt trề xuống, má hõm lõm, mớ tóc phi dê lờ phờ.

Người đàn bà đơn đả:

- Chào các ông, mời các ông.

- Đã bán mở hàng chưa?

- Vắng hả? Hôm này rằm. Chỉ có khách tri âm, tri kỷ, khách nghiên mới đến thôi.

- à...

- Thịt chó Huế có gì hay nào?

- Hay lắm. Các nơi khác thì chỉ bảy món, ở đây mười bốn món ạ, thứ thiệt. Chính gốc chứ không phải giả cày như các ông bắc leo cây đâu. Các ông ngồi, mời...

Câu nói dài dòng tưởng không thể chấp nối kịp về con người, cuộc đời với giọng kẻ lể. Có thể coi như câu chuyện làm quà, để đưa đây, để bán hàng, để lấy cái kiếm sống, biết thế nào. Lúc thì bảo là ở Hà Nội, lúc thì di cư, lúc thì quê đâu đâu, cái mà tôi trông thấy từ năm là gái nhảy ở sòng bè Trắng Sáng bên Nam Vang, rồi cô bia ôm chợ An Đông, rồi bao nhiêu năm sau, lã lốc đến quán thịt chó Huế mười bốn món này. Trước mặt đây, một lũ lĩ con gái, đứa da nhò, đứa đen bóng, lêu đêu, tóc xoăn tít. Đằng sau con người ấy, còn gì nữa?

Chỉ một thoáng đã lần lượt bày biện các thức ra đủ. Thế mà khoái mắt, người xoi thịt

cày thích ăn uống trật tự, quy củ món trước món sau. Lũ trẻ con lóc nhóc ấy mà được việc. Bung bê từng món, hơn cả món chó Hà Nội bây giờ xô bồ, khách vừa gọi đã lia ra cả thực đơn, chưa có đĩa bún, đã ngót mắt bát rửa mặn, đúng rửa mặn. Mỡ và bì tiết ra một thứ nước sền sệt màu mặn chín quánh như mỡ. Bát sáo bốc mùi xương hầm, không ngọt lợ nước dừa. Đích thị tay nghề thịt chó Cầu Đơ Hà Đông. Chứ kiểu cách nơi khác làm thế nào được. Sáo này thế là xài tốt, vậy cũng chưa vắng người thiện nghệ, người sành. Cái ngày rằm chén thịt nặng thì xúi quẩy, thế mà vẫn có khách tới ngồi bàn bên. Hai ba con chó dự trữ lục đục gặm xương dưới gầm nhà, gầm phản. Lũ trẻ con - mấy đứa bé nhất đã ngồi lên ván từ lúc nào, trố mắt hau háu nhìn sang khách như thèm ăn, như xem vô tuyến, còn hai nhóc đứng trực cửa bếp, chuyển món vào. Lúc đã bung đến bát sáo và đĩa bún, thế là xong, mấy mẹ con cùng bước ra.

Tôi bảo:

- Ngồi uống vui với bọn này. Chẳng mấy khi...

Chị ngồi vào ngay. Tôi hỏi:

- Uống tối chứ?

Vẫn nhớ đêm ở sành nhảy trên sông Mê Công cô đã uống chung với tôi ly 'uých ky xéch'. Cái hôn nóng nhày nhựa. Tôi cảm tưởng môi cô ấy thế. Nhưng mà môi nào chứ không thể cái môi trẻ của mụ gà rù rúm rỏ này. Sành nhảy bóng nhoáng khác cái cũ chó, cho nên nhớ mà như không, tội thế.

Tôi nói :

- Thịt chó này được.

- Ba tôi truyền nghề đó.

- Rửa mặn kiểu bắc.

- ông làm như quê ông cái gì cũng nhất. Còn khuya!

Hai con mắt mu bào húp híp chăm chăm nhìn tôi.

Cái tối hôm ở Singapore về, 'pôxét' cài 'mùi xoa' trắng một mới, nhớ không? So với bây giờ thì người ấy đã tã đã gà rù lăm, gà rù lăm rồi, không nhất nữa đâu, đừng có vênh. Tôi lặng người như nghe ai chửi rửa ở đâu. Làm về quên đi, quên rồi, nhưng mà cái câu rủa rói 'gà toi, gà rù, gà tã' mà tôi vừa thầm nghĩ về nó, bây giờ nó quăng đập cả vào mặt tôi, tím mặt tôi. Không còn 'như con bướm lượn vành mà chơi' đâu nhé, tôi ơi là tôi ơi. Ấy con người có thói thường ít tự biết.

Một chiếc xích lô lọc cọc nhô vào đỗ dưới gốc me ngoài cửa. Thành linh thằng bé xích lô quê Quảng Ngãi nhô vào. Nó nhìn tôi, nó reo lên:

- Chào bác, bác đến...

Một ông bạn cầm chén, hướng vào tôi:

- Nhận con, mày nhận con mày đi. Cái thằng này bạc như vôi. Ngủ với người ta rồi quên. Hề, hề, hề... Mày đã nghe hết mẹ mày xỉ vả ba mày về cái tội lòng thông. Đích đáng, đích đáng. Mời các ông, mời bà, mày nữa, một chén tái hồi Kim Trọng nào.

Thằng bé xích lô ngẩn mặt nghe giọng ông say lè nhè. Tôi thấy nước mắt người đàn bà lã chã. Bỗng nghe văng vẳng cái câu năm xưa: 'Đời em gian truân lăm' như vừa nói vừa khóc. Tôi tưởng là quả thật tôi đã có ăn nằm với người ta. Chén rượu Hóc Môn hẫ hoi mà sao vị nó cài cài không đậm như mọi khi.

10-1995



## Đi tắm đêm

Văn bắt đầu kể câu chuyện như sau:

Nghi hè năm ấy, Hiếu rủ tôi và Căn, Bích, Hiền về quê anh ta nghỉ mát. Nhân thể vừa thi trượt xong, chán không buồn ở Hà Nội nữa, tôi nhận lời ngay. Quê Hiếu ở ngay bên bờ sông Đuống, cách núi Thiên Thai độ hơn một cây số Đàng ở Hà Nội đông đúc được thả về quê mát mẻ, tôi thấy người khỏe hẳn lên, quên khuấy ngay cả cái buồn hồng thi. Lại thêm được một lũ bạn đùa như quỷ sứ làm cho tôi giá có khóc cũng phải cười.

Làng ven sông có một phong cảnh khá nên thơ. Chiều chiều rợp nắng, chúng tôi thường ngồi thuyền đi dạo mát trên sông Đuống. Dòng sông đào lờ lờ chảy giữa hai bên bờ chen nhau những hàng dâu mát rượi, những rặng tre lã ngọn quỳên trên mặt nước. Đàng xa, nổi lên nền lá xanh một dịp cầu tre mảnh khảnh. Cảnh trí như hết một bức tranh thủy mặc.

Nhà Hiếu ở gần một bến nước. Người vùng ấy gọi là bến Đá vì ở đây có mấy phiến đá rất lớn. Bến Đá là một chỗ rửa ráy, giặt giũ của cả xóm. Bởi thế chúng tôi thường được ngắm những cô gái làng ra bến quẩy nước. Gái sông Đuống xinh chẳng kém gì gái Lim, lại thêm được cái tính chua ngoa thì không đâu bằng! Tụi Căn - Bích - hai kiện tướng trong làng môi mép cũng phải chịu thua. Họ ví von rất khéo đến nỗi không mở mồm nói vào đâu được nữa. Thế nào cũng bị chặn cứng lưỡi. Một là các cô giỏi biện bác, hai là giọng của các cô rất hay. Chúng tôi đành đứng ngẩn ra cả lũ nghe các cô ví. Họ xỏ xiên cay độc mà chúng tôi cũng đành khóa miệng. Nhưng sự thất bại của chúng tôi phần lớn tại Hiếu, vì Hiếu là người hiền lành, sợ các cô. Anh thường ngăn cản chúng tôi trong các cuộc đấu khẩu. Anh thường ngăn cản chúng tôi trong các cuộc đấu khẩu. Mà chúng tôi cũng nể Hiếu, nên lăm phen cũng phải nín thít. Ở xóm có độ bốn năm cô, chúng tôi phải kiêng mặt.

Độ ấy vào khoảng trung tuần tháng 5, một đêm trăng sáng. Trừ Hiếu hay đi ngủ sớm, còn chúng tôi bắc ghế ra sân ngồi chơi. Bỗng lắng nghe tiếng cười đùa từ bờ sông vắng lại. Căn lò mò ra cửa nghe ngóng. Một lát Căn hốt hải chạy về rủ chúng tôi đi chơi. Tôi hỏi đi đâu? Anh để ngón tay lên ngang miệng làm dấu bí mật và dẫn chúng tôi ra khỏi ngõ, đi về phía bờ sông, chỗ có tiếng cười ban nãy đưa lại.

Anh bắt ai nấy đều phải im lặng và theo mệnh lệnh của anh, vì anh tuyên bố sẽ có cuộc vui rất lý thú. Chúng tôi ngậm miệng kể trước người sau đi nường vào bóng

những cây trúc mọc sát vệ đường, về phía bờ sông. Không biết là trò quỷ quái gì, nhưng cũng cứ đi. Chừng hơn trăm thước đã trông thấy Bến Đá. Một dịp cười dòn tan từ dưới nước hắt lên. Chúng tôi tiến mấy bước nữa rồi đứng lại. Trời ơi có anh nào nào đoán được chúng tôi trông thấy những gì không? Bích, Hiền và tôi đứng ngây người. Căn cố vẽ ranh mãnh leo tót lên một cây khế to, dòm xuống. Trên mặt sông bốn cô gái đang tắm, các cô đang đùa với sóng. Cho đến hôm nay, trông mặt Hồ Tây này, tôi còn nhớ cảnh ấy như tối hôm qua.

Những thành vai trắng nõn, tóc buông lòa xòa trên mặt nước, gợn những vòng vàng vì ánh trăng phau trong những truyện thần kỳ, hay ít nhất cảnh này cũng chỉ ở trong mộng. Nhưng nghe tiếng nói thì tôi lại nhớ là gái làng, và đây là sự thực, sự thực như tôi và các anh. Các cô đùa nghịch tự nhiên vì không biết có ai nhìn trộm. Cô nọ té cô kia, đuổi nhau í ới cả một góc sông. Đến khi các cô rục rịch sắp lên, chúng tôi lùi về hết. Chỉ còn Căn nấp trên cây khế. Các cô kéo về qua cửa nhà Hiếu. Chúng tôi nhận mặt được cả bốn đều là 'cua' ngoa ngoắt nhất xóm.

Căn thao thức không ngủ. Thịnh thoảng đang nằm chúng tôi lại bị hấn dựng dậy, vừa lay, vừa nói rít lên.

Chúng nó đẹp như tiên sa .

Rồi hấn vùng chạy ra sân. Trăng sáng trong im lặng. Căn chấp tay sau lưng ngửa mặt nhìn trăng, nhìn trời, rồi lại quay vào. Suốt đêm cứ lùng cùn như thế! Có lẽ anh chàng bị 'cảm' nặng quá! Ngay hôm sau, Căn chơi gì cũng chán, chỉ mong chóng đến tối. Câu chuyện đêm qua, Căn yêu cầu chúng tôi đừng nói gì cho Hiếu biết, vì nếu Hiếu biết thì thế nào hấn cũng gàn.

Đến đêm, khi nghe tiếng cười ánh ỏi phía sông, nhưng chúng tôi không anh nào muốn đi ... xem cả. Vì chúng tôi sợ người trong xóm biết thì ê mặt. Rồi chúng tôi không đi. Chỉ có Căn không bỏ. Năm sáu đêm liền đêm nào hấn cũng mò mẫm.

Một đêm chúng tôi còn thức, chỉ có Hiếu đã ngủ, Căn vừa đi ... xem một lúc thì có tiếng huỳnh huych từ phía sông chạy lại và văng vẳng tiếng cười rít lên.

Chúng tôi còn đang ngỡ ngác, chợt cánh cửa mở tung. Căn ướt lướt thướt chạy vào. Anh vừa thở vừa bảo Hiếu ra đóng cửa. Chúng tôi nhìn Căn, không nhin được cười, đầu tóc quần áo chỗ nào cũng ướt như chuột lột.

Hiếu và Bích xúm lại hỏi. Căn không trả lời và đứng im, chỉ tay ra ngõ. Một lát sau có tiếng cười dữ dội và ồ ạt như muốn ném vào trong này. Căn tái mặt vào thay quần áo. Một câu hát bóng nói lên giữa tiếng cười.

*Lạ chi mà phải đi dòm*

*Để người quân tử lặn tòm xuống sông*

Căn tức ngậy người. Anh rừ rì kể chuyện. Ô thì ra cái anh chàng ma quái ấy trèo lên cây khế, cho rõ mới trèo lên tận ngọn, để thoả lòng nhìn hoa. Chẳng ngờ cành khế giòn. Đang leo ... leo ... bỗng cành khế gãy, ném thẳng anh chàng xuống nước. Người quân tử lặn tòm xuống sông, vội lội vào bờ, quàng chân lên cổ chạy một mạch về. Căn cay đến tím ruột. Mấy đêm sau, tuy các cô vẫn đi tắm như thường mà Căn không dám đi ... xem nữa. Chúng tôi nói pha, anh chỉ mỉm cười.

Từ buổi ấy, anh đi ngủ rất sớm. Có lẽ để tránh những tiếng cười, câu ví như ném muối vào mặt mỗi khi các cô đi tắm về.

Và chừng như anh suy nghĩ lung lăm thì phải!

Băng đi một dạo, trời tối không có trăng, các cô không đi tắm đêm. Căn đã nguôi ngoai, lại vui vẻ như thường. Và ngược lại tâm tính lúc trước, Căn có phần nô giỡn hơn xưa. Quá nữa, anh lại mong đến tuần trăng để lại đi ... xem. Chúng tôi thường hỏi pha:

- Thế mà vẫn chưa chừa?

Anh chỉ mỉm cười vơ vẩn nói một câu mà anh thường nói:

- Cóc cần!

Đến tuần trăng, các cô, đêm khuya sau những buổi giã gạo hay dệt vải, lại ra bến Đá tắm. Một buổi tối Căn bỗng nhiên nói luôn mồm:

- Sướng quá! Thì ... nghĩ ra rồi!

Câu nói không đầu không đuôi khiến cho Hiếu cũng phải lấy làm lạ hỏi chúng tôi. Tôi không biết hơn Hiếu, cả Bích, Hiền cũng vậy. Đêm ấy Căn không đi ngủ sớm với Hiếu giống như mọi tối. Chúng tôi hỏi:

- Thức để đi chắc?

Căn cười mỉa mai:

-Mấy chẳng đi, đã bảo tôi cóc cần mà!

Bích hó háy:

- À ra thế kia đấy.

Hiền lấy giọng hát nhại:

- Lạ chi mà phải đi dòm

- Để người quân tử lặn tòm xuống sông .

Căn phá lên cười :

- Để rồi anh xem đứa nào lặn tòm xuống sông .

Tôi nói kháy:

- Thách đấy!

- Không phải thách tối nay có đứa biết tay tôi!

Đội xem tối nay đũa nào biết tay anh Căn!

Đêm ấy trăng sáng quá. Vì sáng quá, chỗ nào cũng trắng ánh trăng, nên phong cảnh nhuốm một vẻ rờn rợn.

Bây giờ vào khoảng nửa đêm. Vừa nghe tiếng ầm ì ngoài sông. Căn đã lủi lủi đi.

Chúng tôi nhìn nhau cười. Nhưng rồi Căn về ngay, khoác đi một cái áo dài trắng.

Chúng tôi càng lạ nữa. Không hiểu ra anh làm trò gì.

Thế chỉ mười lăm phút sau, Căn lại lủi lủi về, lần này về với một bọc to tướng. Chúng tôi ra xem. Ô hay! Một đống những áo những quần, những thắt lưng. Chúng tôi đã trông thấy cái thâm ý của anh rồi.

Thì ra anh chơi khăm. Lúc các cô mãi đùa nhau tíu tít dưới nước, không ngờ ở trên bờ có kẻ ma mãnh đã nhẹ tay dỡ mất tất cả đống áo. Thật là không ai ngờ, Căn lại cẩn thận khoác áo trắng lẫn ánh trăng. Mà ngờ thế nào được!

Đây cũng giống như chuyện chú tiểu ăn cắp cánh tiên, nhưng đàn ông này chú tiểu phụ không được nhã sự và 'sự thực' mất một tí. Căn lật đật dắt chúng tôi lại ra trèo lên một cây nhãn to ngay trước cổng để xem [i] thế sự xoay vần ra sao [i]

Đường đi từ trong xóm ra đến Bến Đá là một con đường cụt, đến bến là hết, không rẽ đâu cả. Từ nhà Hiếu ra bến, hai bên đường có mấy nếp nhà nhỏ và vườn rau. Thế mới rầy rà, nấp trong cây nhãn bùm tum, không ai ngó thấy, chúng tôi có thể nhìn ra xa đến bến được. Tuy anh nào cũng phàn nàn về lối chơi ác, nhưng ai lại cũng ngầm bằng lòng vì sự trả thù đích đáng ấy.

Trăng sáng vàng vạc như ban ngày. Các cô vẫn đùa ì ùm dưới nước. Lúc sau một cô lên trước bỗng kêu thất thanh, rồi nhảy tùm ngay xuống. Rồi bốn cái thân hình trắng nhễ trắng nhại lướt thướt chạy lên.

Như những nàng tiên trần truồng tìm cánh, các cô lẳng lặng đi hết gốc cây này qua bụi cỏ khác. Sau chùng hiểu chắc có đũa nào nghịch ác, các cô đứng lặng nhìn nhau.

Bấy giờ trời trong xanh không gợn mây. Ánh trăng tha hồ tò mò. Các cô khép nép nhưng khép nép cũng vô hiệu. Các anh cứ tưởng tượng giản dị như thế này. Trên một phiến đá lớn kê ngang trước mặt nước, trong trăng sáng, nước dưới ánh trăng cũng sáng, bốn thiếu nữ trắng như ngà, loay hoay cô nọ dựa cô kia. Các cô muốn tránh ánh trăng sáng quá, nhưng ánh trăng hóm hỉnh, chỗ nào cũng có!

Chợt một cô chỉ tay về phía cổng, chỗ cây nhãn của chúng tôi, bốn cái mặt đều ngó về phía ấy. Bỗng mấy tiếng rú nổi lên, các cô ôm mặt nhảy đại cả xuống sông.

Tôi tưởng các cô trông thấy chúng tôi. Nhưng Căn đã ôm bụng, mồm môi nhin cười và chỉ tay xuống bờ giậu phía sau lưng: thì ra cái áo trắng dài đã được cắm vào một

cọc giậu dưới bóng cây, ban đêm xa trông hệt như hình người đứng . Các cô cứ bì bõm dưới nước không dám ló mặt lên nữa. Chúng tôi nghĩ thương hại bảo Căn cất cái áo bù nhìn đi. Căn cười:

- Mấy khi đi được dịp thế này. Mà giá bây giờ có cất cái áo đi, dù thính các cô cũng chẳng dám lên để dẫn xác đi qua đây về nhà.

Văn ngừng kể. Cả bọn cười rũ rượi

Thịnh hấp tấp:

- Thế sao nữa hở anh?

Văn:

- Chúng tôi cũng không biết ra sao nữa. Vì bấy giờ đã khuya quá, khuya hơn thế này nhiều. Đến gần hai giờ sáng, chúng tôi buồn ngủ đến díp cả mắt lại mà trông xuống sông vẫn thấy những cái bóng người lập lờ và lặng im.

- Tội nghiệp dễ thường các cô phải ở đến sáng?

Hải trợn mắt :

- Ô đến sáng? Đến sáng thì chết. Sao nữa?

Rồi chúng tôi về đi ngủ, cũng lấy cả cái áo dài trắng về. Đòi nào các cô dám ở tô hồ đến sáng. Nó lại ác một cái, trừ con đường độc đạo đi qua nhà Hiếu - mà cố nhiên các cô sợ người rình không dám đi qua. - muốn vào trong xóm, không có lối nào khác. Có lẽ rồi các cô lội qua dọc sông, xé rào vườn rau nào đó, chui lên rồi lẩn vào đầu xóm trên vì thấy chó trong xóm cứ cắn đồ xô về một phía. Hôm sau mục chủ vườn nheo nhéo chửi mãi đứa kẻ trộm chui qua vườn giẫm nát mấy luống rau.

Trúc đoán:

- Có lẽ các cô bò?

Văn reo lên:

- Chính thị. Vì sợ sáng trăng mà đi cao lênh khênh quá!

Chúng tôi ra xem: mấy luống cà luống cải đồ có cả vết chân lẫn vết tay. Từ đấy các cô kệt không dám đi tầm đêm, mà cũng chừa ví von với chúng tôi nữa. Có lẽ các cô đoán ngờ ngợ . Hễ gặp đâu, mặt các cô đỏ như cà chua chín rồi lẩn mắt.

**Tô Hoài (1942)**

## Lấy chồng làng khác

Một phiên chợ áp Tết, những đứa trẻ phụ việc cho mẹ, chúng lớn lên được hai nhà gả cho nhau, đám cưới trong trận mưa rào đầu mùa, rồi lễ cheo ở đình làng, rồi người đàn ông đi buôn xa bị hổ ăn thịt, người đàn bà vẫn giữ lễ về quê chồng giỗ với đứa con bây giờ 'chân nó dài bằng cái sào nứa'... Với bấy nhiêu tình tiết, bấy nhiêu câu chuyện dằng dặc gần cả một đời người, cùng rất nhiều những thói tục của làng Bắc Bộ xưa được gói trong truyện ngắn vẫn thênh thang rất thú vị này.

Thật thì cũng làng trên chạ dưới trong hàng huyện, chẳng xa mấy. Đứng gốc cây đề ngoài cổng đồng trông qua bờ đìa, mờ mờ trong lùm cây muỗm cỏ thụ nhô lên hai cái cột trụ tam quan đình, những hôm quang trời, bên này cũng thấy được lẩn đê chắn ngang tầm mắt. Thế mà ngỡ như đám mây trắng mùa hạ lững thững mãi mới sang đến bên ấy. Nghĩ ra thì là cách trở, cả đời cô Vải cứ tưởng như thế.

Mấy phiên áp Tết, chợ huyện đông như nôm cối. Bà Chòi quảy ống dang ra chợ. Vườn nhà bà có búi dang, tết nào cũng được vài gánh, đỡ tiền chợ. Vừa khéo, vào một chạp, những bụi dang vừa già ống, chẻ lạt được. Tết nhất, mái bếp nhà nào cũng giắt nắm lạt, lăm việc phải cần đến.

Ở chợ, có những mặt hàng chỉ Tết mới có bán. Bác tuần chợ xếp cả ra bãi ngoài. Gánh lá dong, ống dang, những quảy thùng mật, lão hàng gạo dứa, chợ Tết người ta sắm bó đũa, cái gáo, cái muôi mới, mấy con bò buộc tận ngoài rệ sông, bò rông ò ò lẩn tiếng lợn eng éc trong rọ.

Chợ trước, gánh ống dang của bà Chòi đến nửa buổi đã hết tiệt. Cũng đã đào, chặt ống cả trăm cái, nhưng còn phơi nóc chuồng lợn, chưa se mặt. Phiên này phải đi hai gánh đôn một mới có thể đủ bán. Bà Chòi nhắc gánh rồi nói:

- Cái Vải ra quảy đỡ cho tao mấy được.

Vải buộc thành bốn bó dang nặng. Vải quảy, mẹ chỉ phải vác một bó. Chưa đến nửa buổi, cả gánh dang còn có mấy ống điếc, ống lép. Hàng bên kia, bà bán mật đong không ngớt muôi. Hàng ống dang, hàng mật chạy tay, nhà nào chẳng gói bánh, cột bếp lại lũng liếng miếng thịt bò quán lạt, rồi nôi chè con ong, chè bà cốt ngọt lừ.

Bà hàng mật hấp tấp sang hàng bà Chòi:

- Nhờ bà để mắt trông giúp hàng nhà cháu một mấy. Quái, cái thằng chết toi, chỉ sai đi chặt mấy cái ống nứa đựng mật mà mất mặt từ nãy.

Rồi bà lão chạy qua đám chọi gà đầu bãi thì thấy thằng con dựng đứng ống nứa bên



nách, đương châu hầu xem đá gà - hay là nó cũng đánh gá, người chăm chú, người tíu tíu cá cược. Mấy tay chủ gà loay hoay mặt đỏ lựng hay đỏ cay cú.

Con trai bà bán mật ngồi ngậy mặt ra. Bà lão kêu 'Chết thật! Chết thật!'. Rồi, vào lời ngật nắm tóc đuôi hoa voi. Thằng con phải chống hai tay xuống như con gọng vó mới khỏi ngã ngửa ra. Rồi nó đứng lên vác bó ống nửa cong cổ chạy.

Chỉ một chốc, những ống dang, những ống nửa đựng mật đã hết sạch. Hai bà lão thông thả ăn trầu, môi cắn chỉ nhai bồm bẻm. Thằng con trai xách những thùng mật ra bờ sông té nước gột. Cái Vải nhà bà Chồi đã lồng quang gánh để đẩy, vào trong chợ, dạo xem hàng tết.

Bà bán mật vuốt quét trầu bắm mép hỏi bà Chồi: - Cái cháu quấy dang là thứ mấy nhà ta?

- Cháu thứ ba bà ạ.

Bà bán mật hỏi ngay một câu: - Bà cho tôi nhé?

Bà Chồi còn chưa biết thế nào, bà kia quét vôi lấy miếng trầu mời đơn đả: - Cái thằng quấy mật ấy.

Rồi đưa bà Chồi miếng trầu mới tằm. Bà Chồi nhỏ bã trầu vào gốc cây, quay lại nhón tay lấy miếng trầu mới của bà bạn hàng. Và nói:

- Ôi chà, con Vải nhà tôi ấy à, có nhón mà chẳng có khôn đâu. Bà xem đấy, mặt trời đã lấp bóng đa rồi mà còn lượn chợ, rõ con nhà.

Bà bán mật lại vuốt mép, nhỏ quét trầu rồi cũng nói ời ời:

- Thì cái thằng hai nhà tôi cũng như cái đụn rạ. Đấy, đi theo đỡ mẹ mà lại rúc vào đám chợ gà.

Câu chuyện qua lại mắng vui mắng yêu giữa hai bà về con cái mà rồi nên duyên chúng nó.

Tháng ba năm ấy, cô Vải lấy chồng bên Lở. Bấy giờ đã có mưa mới. Những trận mưa rào đầu mùa như mưa dứ, chốc ào ào chốc tạnh; con ngòi ngoài đìa có lúc nước ngập đến gối, đến bụng.

Họ nhà trai sang đón dâu, các lão ông lão bà, các cô phù dâu thoạt chỉ xống áo như người đi làm đồng. Người xắn quần, người ôm váy, bì bõm lội. Sang đến đồng Lở, đám rước dâu ghé vào cái quán gốc cây muồm, như khách đường xa nghỉ chân. Bấy giờ mới lấy trong tay nải ra những buồng cau, những hũ rượu. Rồi thì áo the, khăn vó của ông cầm hương, các bà váy chồi thâm lồng ngoài váy nâu da bò, các cô thì khăn vuông mỏ quạ tua dây hoa đỏ. Chú rể đi lẫn trong đám trai, áo năm thân nhuộm cày. Đã tinh tươm ra đám đón dâu. Đi vào đường làng, ông cầm hương áo the khăn lượt chít, vừa lội ngòi quần xắn móng heo, vẫn đi chân không - cả đám rước dâu chân đất,

chả cứ một ông cầm hương. Hương đen thơm nghi ngút trước hai người đội mâm cau, mâm rượu phủ vuông lụa điều.

Vào trong xóm, nhấp nhô người lớn trẻ con các ngõ đổ ra. Trẻ con cuống quýt chằng dây, vớ được dây mướp, dây gấc, cái thắt lưng dải yếm cũng chằng ra - chỉ kiêng không được chằng thừng. Chằng chịt như mạng nhện, những cái dây cản bước, như không muốn người con gái đi lấy chồng làng xa. Ấy thế nhưng đã có người nhà trai lo sẵn, xong cả. Trẻ nhỏ chỉ khó cho thêm vui. Mỗi cái dây nhận một phong bao giấy điều. Mở ra, thấy mấy đồng chinh, đồng kẽm, đũa nào cũng hí hửng, giựt giây mở đường.

Đám đón dâu có lời nói trước, đôi bên đã thoả thuận từ con lợn, thúng gạo, gánh rượu, quan tiền. Nhà trai nhà gái ăn cỗ mỗi bên, bởi vì đường đất cách trở, hai họ chỉ miếng trâu và chén rượu hủ hê rồi lễ tạ xin dâu về.

Đám rước dâu đã ồn ào ra đến đầu ngõ. Bà Chòi đứng trong cổng ném vốc muối theo rồi cúi mặt, quay vào. Còn Vải thì cảm thấy đi đâu chưa biết, nhưng thế là xa nhà từ đây. Nước mắt Vải đầm cả hai bên má.

Rước dâu về, hai họ lại tay nải đeo vai, xúm xít hỗn độn như đi chợ tết. Mặt trời đã ngả đằng sau chân tre, sương mờ khắp cánh đồng. Hai bên bờ nghe tiếng nhái, tiếng chẫu.

Vải ngược mặt lên, chỉ thấy bóng tối mờ mịt. Mới vài bước đường mà xa, sao mà thật xa.

Lội xuống ngòi, đã nhá nhem tối, tiếng chân bì bõm, nhưng chẳng trông thấy chân ai. Vải quay nhìn lại bóng tối lẩn nhẩn.

Được mấy hôm, ăn cỗ lại mặt rồi, vợ chồng Vải về làng ngoại làm lễ nộp cheo. Lấy chồng làng khác, lệ phải có lễ cheo mới được làng nhận rể.

Chồng xách cái rọ mới đan nhốt con gà trống thiến, con gà mái rồi ra cổng đồng, như người đi làm, chỉ khác đầu quấn cái khăn lượt, lại mặc cái áo năm thân nhuộm cày, như hôm đám cưới. Ra tới cầu ngói thì ngòi đợi vợ. Đến lúc trông thấy Vải trong khoanh tre đi ra thì chồng đứng dậy, lại cung cúc đi. Người đi trước cách quãng người đi sau, vào đến gốc đề đầu xóm Vải mới mở khăn vuông lấy cái áo dài nâu non mặc. Vạt áo thắt quả găng, lật phất bay lẫn hai dải yếm lụa. Áo váy tinh tươm rồi, Vải lại càng đi nán xa. Vải chẳng muốn ai trong làng gặp vợ chồng đi tay đôi. Vào đến cổng ngán, Vải đã thấy chồng cắt tiết xong cả hai con gà, đương nhấc nồi nước sôi ra cầu ao gội làm lông.

Vải vào bếp. Chẳng đợi mẹ bảo, Vải cầm dao cắt tàu lá chuối lột lên cái nong rồi dỡ chỗ xôi. Ngả chiếc mâm gỗ đơm xôi, mùi hương nhà trên quyện khói xôi ngào ngạt.



Con gà thiên đã được vót từ khi nãy để ghếch trên miệng nồi rồi người khứa chân, khứa cánh với mỏ, đặt nguyên cả con lên đỉnh mâm xôi để ra miệng vại dưới gốc cau. Trên mỏ con gà, từ lúc nào ai đã cài ngậm cái hoa đơn đỏ.

Bây giờ, vợ chồng lại khăn áo chỉnh tề. Vợ đội mâm xôi, chồng hai tay bung hũ rượu, hai người đem lễ ra đình. Vào tam quan, vợ hạ mâm xôi xuống cửa bên. Chồng ấn lại vành khăn lượt trên đầu cho chặt, vợ từ từ đưa mâm xôi lên. Chồng trình trọng đội mâm, một tay nắm cổ hũ rượu nút lá chuối khô.

Vợ bước theo, vào trước bậc cửa đình thì đứng lại đấy, đàn bà con gái xưa rày không được đặt chân vào chốn đình trung. Vợ đứng nhìn băng quơ ra ao làng. Năm xưa mùa này, những hôm nắng to cả lũ đem sào ra bắt ốc nhồi nổi lên tránh nóng trong chân bụi cước tằm.

Nghe tiếng người rì rào, không phải tiếng quát lác. Mùi hương đưa ra có lẽ năm hương chồng vừa thắp thêm. Vải cũng không dám ngoảnh mặt nhìn vào.

Người mõ ở ngoài lều bờ sông tắt tưới bước tới. Đòn gánh xỏ một bên quang có chiếc thúng trong để con dao phay với cái thớt. Chỉ vậy, nhưng bởi vào nơi trang nghiêm phải có ý, không dám khua múa con dao cái thớt.

Chồng hai tay đặt hũ rượu lên hương án cùng với mâm xôi con gà. Rồi quỳ xuống lễ thánh, xong xuôi bước ra vái hai bên các ông chức việc, các quan viên rồi cứ chấp hai tay, cúi đầu so vai lom khom bước lùi qua bậc cửa đình.

Ở nhà, mâm rượu con gà mái đã sẵn sàng. Đám chén mời ông chú, có lão ông cầm hương hôm đưa dâu cháu.

Sáng nắng thế mà giữa trưa đổ cơn mưa. Trận mưa rào đầu mùa ào ạt một lúc lại tạnh. Hai vợ chồng trở về bên Lữ.

Có hơi rượu chénh choáng, chồng chạy cung cúc như ma đuổi. Nước mưa đồng cao dồn về, con ngòi ngập đến thất lung. Nhìn lại, chưa thấy vợ, chồng ngồi đợi.

Vải đã ra khỏi cổng đồng. Trông hút đồng sâu, chỉ thấy bóng nước lấp loáng. Chắc là có khi nó lội qua ngòi rồi. Người trong xóm lác đác ra bờ tre bắt cá rô rạch. Gặp Vải, có người chào, có người hỏi chót nhả: 'Thím về bên nhà... Sang báo tin cho mẹ Chồi à... cái bụng trông ngon mắt thế kia rồi...!'

Vải đỏ mặt cúi xuống vuốt cái khăn vuông bọc đĩa xôi và cái tỏi gà. Lại nhớ năm ngoái, năm kia, Vải chạy tớn lên theo chúng bạn ra bờ chuôm bắt cá rạch.

Cánh đồng mù mịt trắng những nước. Con ngòi ngập cả lên bờ cỏ. Đàn đĩa trâu, đĩa hệ lượn lên lượn xuống cung quăng tìm chân tay người thò xuống nước.

Vải đã ra đến bờ ngòi. Chồng đương ngồi úp mặt xuống đầu gối, dăng ngủ. Nhưng không, như anh ả đã đánh hơi thấy vợ. Anh ả ngẩng mặt nhăn nhó cười, hai con mắt

rượu vắn vắn đỏ.

Hỏi:

- Nhà mày có lợi được không?

Vợ lắc đầu, nhìn lại đằng xa. Chồng cười tùm:

- Cống nhè?

Vợ lại lắc đầu, vắn tần ngần ngoảnh mặt trở lại. Chồng đứng lên, xoe ống quần, buộc hai dải áo vào bụng. Anh ta đương nghĩ nói thế nào để đỡ, để dọa, để vợ cho cống.

Thì vợ đã bít tay ôm cổ chồng, rún lên, chân đạp như trẻ con chơi hún đu. Hai tay chồng ôm chặt đít váy vợ rồi lợi xuống nước.

Chồng nói lồm:

- Này này buồng xuống cho đĩa cắn nhè!

Vợ đá chân xuống mặt nước, như trêu tức. Những đàn đĩa đối nhau nhao nhao lượn theo. Đã thế, ông dìm cho một cái. Nhưng chị ả đã cong chân lên làm anh ả loạng choạng suýt ngã. Thì vừa sang đến bờ bên kia.

Hai con đĩa trâu bám vào bắp chân chồng như hai quả chuối bứt. Máu chảy loã lợi xuống gót, xuống cổ.

Vải tụt trên lưng chồng xuống. Nhìn hai con đĩa lủng lẳng ở ống chân chồng, ả nguyệt một cái.

- Rõ đáng đời!

Chồng nhìn quanh, chỉ thấy bóng nước bóng cỏ. Chẳng nói chẳng rằng, lẳng vợ một cái ngã bệt xuống. Tóc váy vợ, làm một quẩn.

Rồi anh chàng ngủ một giấc mê mết. Đến lúc thấy lạnh bên bả vai mới mở mắt, bốn bên vắng lặng. Ngôi sao hôm lay láy đã lên đằng kia.

Hàng năm, vợ chồng Vải về bên ngoại vào tết nhất hay các dịp góp giỗ. Cẩn thận, giữ lệ. Khi con gà, hũ rượu, lại có khi vác cả bó mía, dựng bên bàn thờ làm gậy cúng các cụ. Khi nào gặp mưa, nước ú trong ngòi, chồng lại cõng vợ, rồi cõng cả con sang bờ bên kia.

Năm ấy, chỉ có hai mẹ con về bên ngoại góp giỗ. Nguyên vì anh theo bạn buôn lên Mùong mua mía về kéo mật bán chợ tết. Khi lên theo đường bộ, về thì cho mía lên bè xuôi sông Đà. Năm nào cũng đi thế. Chuyến ấy ngược, dọc đường cả bọn ngủ lại cửa rừng dốc Cun. Nửa đêm, con hổ ra ăn thịt mất anh ấy.

Năm năm, mẹ con nhà Vải vẫn giữ lệ về góp giỗ. Khi qua ngòi, gặp nước đầy hay nước cạn, mẹ Vải cũng cõng con lợi. Cu con đã lên chín, lên mười, 'chân nó dài bằng cái sào nứa' - người ta cười thế, mẹ vẫn cõng con lợi sang - người ta lại bảo nhà này chiều con quá.

## Tình buồn

Ngày trước ai đi lấy chồng như bà Tư người ta bĩu môi chửi là gái nứng đi theo không và khinh ra mặt. Ông Tư nghề thợ ngõa, quanh năm đeo hòm vắc cưa, cầm cân nẩy mực đi ăn cơm tứ chiếng. Năm ấy, bỗng dung đưa về một người con gái. Làng nước thì chào cô này chữa buộm, đưa trai đầu lòng ấy không phải con phó Tứ. Có người bảo là anh thợ mộc cuôm con gái chủ nhà. Cô ấy người dưới Nam, nghe rõ giọng kẻ bẻ. Lại người thì nói cái tiếng ấy là người chẳng đâu xa vùng bên kia sông thôi. Không biết thế nào.

Bà con rồi cũng gọi là thím Tứ, cô Tứ. Dần dà rồi sự khinh khi của người ta cũng nhạt dần. Đến khi con cái trong nhà đã lớn và thời thế đã thay đổi thì cũng chẳng còn ai rồi hơi bói móc gốc rễ cái người đàn bà ngày trước khấn gởi lấy chồng theo không ấy nữa. Thời buổi mới, cho qua.

Vợ chồng phó Tứ có ba người con. Chồng đặt tên con cái theo thú chơi cờ bạc sáu mặt con thò lò, nghe cũng buồn cười một tý nhưng rồi chỉ sinh ba con, nên chỉ có được thằng Nhất, cái Nhị, cái Tam. Thế rồi đứa nào cũng khá cả. Thằng Nhất học hết phổ thông, được làm anh giáo trường làng. Cô Nhị, cô Tam lấy chồng làng bên, những con rể có chức vị, có máu mặt. Người nào cũng khi chủ tịch, khi chủ nhiệm, khi bí thư...

Một năm kia ông Tư ốm. Rồi ông mất nhẹ nhàng như người đi ngủ. Chẳng bao lâu, thấp thoáng đấy mà bà phó Tứ đã lợm khộm lúc nào. Từ khi ông mất, bà không ở hẳn với con nào. Cứ liêu liêu mỗi nhà ít lâu, nhưng tết nhất hay giỗ chạp thì thế nào bà cũng về ở với nhà con trai. Mới mấy năm trước, còn đi ra ruộng làm được rổ cua dưới đồng sâu về, lấm như vùi. Mấy năm nay thì chịu tho rồi, chỉ loanh quanh nhặt nhanh cái rau cái cỏ trong bờ rào. Tính nét đâm ra lấm cặm dần, ăn đấy lại quên đấy.

Bà Tư ngồi rười rượi trông ra ngoài ngõ, có người đi qua, chào hỏi : “ Bà đã xoi cơm chưa?” Vừa xong bữa hẳn hoi, mà bà Tư ngây mặt ra rồi hừ một cái: “ Nào đã cơm cháo gì đâu!” Người con dâu trưởng đã để ý cái nhặng tính tai ác ấy của bà mẹ chồng từ lâu. Có lần chị cũng nói trong bữa ăn, nhưng nói vui thôi. Bà buông đũa xuống, đứng lên : “ Tôi vu oan giá họa cho ai để tôi chết không nhắm mắt à!”

Các cháu cũng không dám nói cợt bà như thế. Tường chỉ ở nhà giáo Nhất có thể có “chó dữ mất láng giềng, dâu dữ mất họ “ bà lão mới hay dở chứng, nhưng cả những khi ở bên nhà các cô Nhị, cô Tam bà cũng vùng vằng, mà trước mặt các con gái, bà còn rửa xả ác khẩu gắp mảy: “ Là con chó dại cắn càn thì mới mở mồm ra ăn không nói có thể.” Cả năm nay bà lão ngại đi, chỉ ở nhà giáo Nhất không sang nhà các con

gái. Thịnh thoảng hai cô em đèo cho anh yến gạo và ít tiền. Được cái anh em nhà này vốn cũng dễ dãi, êm thắm.

Nhưng mà người ta cái tuổi càng gông đeo trĩu cổ thì lại càng trái tính trái nết hơn. Bao nhiêu nết na và kỹ tính thời con gái nhanh nhẹn ve vé việc nhà việc cửa cô Tứ xưa thì bà lão Tứ bây giờ vẫn còn nhớ cả đấy, nhưng bà lão thì chỉ còn làm trò cho lũ trẻ con.

Người ta trước kia không tuyên toàng đoảng như chúng mày bây giờ đâu. Nồi cơm bung lên nhớ lọt rế, sới cơm thì có đũa cả, đàn bà con gái phải ngồi đầu nôi... Không vét nôi quền quẹt – vét nôi là điềm năm ấy đói kém, mà cũng là nhà keo kiệt mới thối ít cơm thế. Dầu con trong nhà, giá có ăn được ba bát thì cũng chỉ thông thả hai lưng, mà khéo đứng lên sớm hơn trước cả nhà. Bà lão vẫn thuộc in những thói phép thế. Bà hay mắng: “Bố chúng mày là thầy giáo mà chúng mày ăn uống hùng hục như lợn thế thì bố chúng mày đi bảo người ta học cái gì!” Bà ria róc thế, các cháu chỉ cười hô hô. Không phải chúng nó cười những cái cổ tích nhiều khê của bà đâu. Mà chúng nó cười cái khác, cái hêm của bà. Chẳng là những răn dạy khuôn phép của bà lão bây giờ lẫn lộn cả với những cái dở hơi. Thói quen trên dưới nhường nhịn vẫn nhớ đời mà con người thì già đi, ít ai nhận ra tuổi đã khác thì cũng sinh lấm tính khác.

Ăn nói thì phải chóng đói. Mà người già ở trong làng, cả đời chưa chắc đã được đủ ngày hai bữa. Bụng còn thòm thèm, nhưng lại nghĩ, nghĩ bây giờ chẳng còn làm ra của nả cho nhà này, mắt kèm nhèm đuổi con gà cũng không nên, thì nên bót mồm bót miệng lại. Nhưng mà thế thì đói, làm thế nào.

Khi nhà vắng, bà lão Tứ lần xuống bếp. Bà lão sờ soạn các thứ từ chõng ăn cơm lên chạn. Có bát tương, bà lão thò hai ngón tay chấm rồi đưa vào miệng móm mút chùn chụt. Chỗ cơm nguội còn đến lưng liễn. Bà lão bóc một nắm to. Mỗi lần bóc, bà lão lại lấy tay san phẳng vun khéo lại như thế. Hai hàm răng bà lão đã rụng hết, lâu nay chỉ nhai bằng lợi. Hình như của ăn vụng bao giờ cũng ngon hơn hay là bà lão đương đói, lại đứng trong bếp một mình, cho nên cứ việc bóc bãi, nhai nuốt mặc sức tự nhiên.

Bà lão tưởng thế thôi chứ không phải lúc ấy chỉ có một mình bà lão đâu. Hai con mắt bà lão bị nhài quạt, bấy lâu chỉ còn thấy mờ mờ, đi trong nhà quen bước chân và người thì nhìn bóng mà đoán ra.

Mấy đứa nhóc tụ tập ngoài hiên. Trẻ con thích nghịch ác, chúng nó bầm lưng nhau im lặng xem bà ăn vụng. Bà mút tương, bà húp nước dưa, bà bóc cơm... Chốc bà lại hốt hoảng nhìn ra. Nhưng chẳng nhìn thấy gì cả.

Có đưa thích quá, thúc cùi tay vào sườn đứa kia. Thằng nọ kêu toáng:

- Ối!

Bà lão Tứ giật mình, đặt vội cái liễn vào trạn, khép hai cánh gỗ lại, quay mặt ra hỏi ngay ngẩn tự nhiên:

- Đứa nào về đấy?

Bà lão còn lúng túng chưa biết nói thêm thế nào, một đứa đã hét to:

- Một, hai, ba...

Rồi cả lũ ồn ào cười một lượt:

- Bà ăn vụng cơm! Một, hai, bà. Bà...

- Cha mẹ đẻ chúng mày!

- Mép bà còn dính hạt cơm kia kìa. Cơm lại vãi dưới đất nữa...

- Cha mẹ chúng mày! Tao thề có thổ thần hai vai, tao mà ăn trộm một hột cơm của nhà chúng mày thì giò chu đất diệt tao.

- Ê, ê... Một, hai...

- Tao thề...

Hôm ấy câu chuyện vui, trẻ con khoái quá kể với bố mẹ ngay ở bữa ăn. Bà lão đặt bát cơm ăn dở xuống, run run đứng dậy, nước mắt rùng rùng, ra ngồi ngoài ngõ. Vợ giáo Nhất chỉ tùm tùm cười, giáo Nhất thì quát chúng nó im. Giáo Nhất vốn người dễ tính, mãi đến chiều mới nói với mẹ:

- Bận sau bà cứ ăn cơm cho no, đừng phải làm thế.

- Tôi thề, tôi thề có quỷ thần hai vai, tôi không...

- Con chỉ xin mẹ thế thôi. Đến bữa cứ ăn đủ, đừng nhường nhịn mà khổ thân, mà để các cháu nói hỗn thế nó sinh hư ra.

Sáng hôm sau, nhà lại vắng như mọi hôm, bà lão Tứ nghe ngóng xung quanh im ả, rồi lần lần vào bếp, Những đứa trẻ lại đến đứng ngoài hiên từ lúc nào, thêm cả mấy đứa hàng xóm cũng sang xem “trò chơi” bà ăn vụng.

Bà lão Tứ bốc cục cơm, móm mém nhai. Thì...

- Một, hai, ba...

- Bà già ăn vụng! Một, hai... Bà già...

Bà lão trợn hai con mắt cùi nhăn, lật đặt đóng cánh cửa trạn

- Đẻ mẹ chúng mày!

- Một, hai, ba...

- Có quỷ thần hai vai...

Thường mỗi buổi sáng lại có trò chơi ấy của trẻ con. Ngồi vào mâm, có hôm quen bố mắng, lại lờ miệng riu rít kể. Bà lão lại bỏ bát cơm lẫn thẩn ra ngồi ngoài ngõ. Giáo

Nhất phải quát: “ Không được hỗn!” Rồi những đứa trẻ cũng sợ bố, không dám huyền thuyên, bắt chước cả bà bóc com, nhưng mỗi buổi sáng chúng nó vẫn rủ nhau rón rén đến đứng xem bà vào bếp ăn vụng. Mẹ chúng nó chép miệng nói trống không: “ Cả tôi bà cũng lần xuống bếp, chẳng cứ ban ngày!”

Giáo Nhất im lặng. Nông nổi nhà này cũng lắm éo le. Vợ giáo Nhất chẳng ưa mẹ chồng, nhưng nể chồng nên chẳng bao giờ nói một lời nặng nhẹ như cái câu thề gian mai mỉa “Cha mẹ nuôi con bằng trời bằng bể, con nuôi cha mẹ không kể từng ngày”, nhà không một tiếng bác tiếng chửi về gánh nặng cụ già. Nhưng mọi việc phải làm cho mẹ, Nhất càng đáng tất. Nhất không cho mẹ ra cầu ao, sợ nhờ bà cụ lấy bẫy sa chân thì khôn. Nhất tự tay giặt sòng áo cho mẹ. Vợ Nhất làm như không để ý.

Cái sự trẻ con xác xược thì giáo Nhất cũng chỉ coi như một bụi mình lật vạt dẹp đi thôi. Nhưng mà việc đòi đòi thay như mưa nắng có con kiến và con người vẫn xoay ở trong, và chẳng, nghĩ hay chẳng nghĩ thì rồi cái việc ấy, cái ngày ấy cũng đến. Mỗi năm mỗi tuổi, bà lão Tứ ngày một yếu. Rồi bà lão Tứ ốm. Cái việc ấy, cái ngày ấy đương tới rồi.

Bà lão Tứ không dậy được. Rồi cũng chẳng ăn uống gì nữa. Giáo Nhất che chiếu lên một gian bên, kê cái giường ra phía ngoài cho sang một chút, rồi bẻ hai quăng nan giường, dưới đặt một thúng tro. Lại cắt thủng cái chiếu để bà cụ nằm lọt một phần lưng vào chỗ giường khoét, cho tiện đáì ia.

Nhà có người ốm cứ buồn thiu như ngày mưa dầm, ấy là bà con xóm giềng rồi các thầy cô, học trò trường làng và trường bên đến thăm hỏi, quà bánh, lúc nào cũng có người ra vào.

Nhất bung bát cháo vào giường mẹ. Mấy hôm nay bà lão không nghiêng người được, Nhất ngồi đút từng thìa cháo cho mẹ. Bà lão ngoẹo cổ ra cổ nuốt, trông tội tội như con cá ngáp trên cạn.

Cũng hết được lưng cháo. Nhất đặt cái bát, kéo lại mếp chiếu lệch góc trong. Một lúc, bà lão bỗng bảo Nhất:

- Mẹ có việc nhờ anh.
- Có gì thì mẹ bảo.
- Mẹ không phải người làng này.
- Mẹ cứ lần thân nghĩ ngợi điều ấy làm gì!
- Không, mẹ có nghĩ đâu, Mẹ chỉ muốn nhờ con.
- Vâng,
- Quê mẹ ở Giang Hạ bên kia sông thôi,



- À làng Giang, làng Hạ.

- Làng Hạ, con ạ. Hôm nào con sang Hạ vào xóm Đồng, bây giờ già rồi thì không biết tên là gì, nhưng ngày trước tên là Cõi, anh cả Cõi. Con nói rằng ông có được thư thả thì mẹ tôi mời ông sang chơi.

Nhất còn muốn hỏi thêm mẹ thế nào nữa, nhưng bà lão đã lặng lẽ nghiêng mặt vào vách.

Cái người ngày trước tên là Cõi, cái anh cả Cõi ấy là tôi. Bây giờ tên tôi vẫn là Cõi, bởi tôi, vẫn bà cô ông mãnh thế. Có điều, đã tuổi tác, theo tục lễ và thói quen kính nể. Ít người réo tên tục người già ra nữa mà làng xóm gọi tôi là ông Ba, cụ Ba – chỉ có mấy mẹ con bán bánh đúc tương ở chợ hay ở chót nhà thỉnh thoảng cứ gọi đùa lão Cõi, hay ông mãnh Cõi.

Anh giáo Nhất chấp tay nói:

- Mẹ cháu có lời thưa với ông...

Chỉ mới nghe thoáng thế thôi, tôi đã như thấy ngay cả rồi. Như là có thần linh giao nhau khi người ta cũng nghĩ đến nhau hay là bởi nét mặt người này, cái mũi và con mắt phẳng phất cô ấy đến thế.

Mấy chục năm đã qua. Nhưng mấy chục năm ở quãng giữa trống không. Người trong cuộc thì ngỡ như chẳng có khoảng cách. Cô ấy ngày trước, con nhà khá giả vườn trên ao dưới. Mà tôi thì bố mẹ nghèo quá. Dây dợ đầu đầu vương tơ khi trai gái đương thì, cái duyên cái nợ mà gặp nhau thôi. Cô ấy bảo tôi: “Anh về nói với mẹ bỏ cái nghề cấp thúng đi khâu mướn thì...” Tôi bực mình, mát mẻ: “Nếu mẹ không bỏ được việc khâu mướn ăn cơm nhà người thì giá có được ngày nhờ người đến đánh tiếng chắc ông phó Lý bố em cho tuần cầm ba toong ra đuổi, chứ gì!”

Thế là cô ấy lại khóc, chỉ khóc.

Làm sao cho mẹ tôi vứt đi đâu được việc khâu mướn ăn cơm khoán, bố con tôi thôi đi bỏ cùi thuê và các em tôi ngày không cấp cái bị bật quai ra cửa đình nhặt lá đa về phơi lấy cái đun, chúng tôi như con săn sắt, con mài mài trong ao làm sao bỗng thành con cá hoá rồng được. Làng xóm cũng biết cuộc đàn đứ ẻo le này. Ông phó Lý đã đánh cô con gái thừa sống thiếu chết. Có khi xích chân vào cột buồng cả phiên chợ. Nhưng mà dường như cô ấy lại càng bỗng bật như điên. Xềnh ra lại đi tìm tôi. Có khi khóc đến hết nước mắt rồi cô bảo tôi hay là bây giờ cùng ra cái đầm đầu làng nhảy xuống trầm mình. Tôi phải chấp tay van lạy níu cô ấy lại.

Thế rồi chỉ một việc nhẹ nhàng, vừa tan hoang lại vừa xong. Bố mẹ cô ấy đã tìm gả được chồng cho con gái. Đất làng này, môn đăng hộ đối những nhà phó lý, trưởng bạ thường thường bậc trung, trước sân có hang cau, vườn sau chuồng lợn, ao bèo thì

cũng chẳng mấy khó khăn. Mà cô ấy cũng chẳng tai tiếng đâu đến nỗi. Những chuyện trai gái phải lòng nhau coi như chuyện trẻ con mà người ta đồn đại đông dài chứ phải đâu gái chửa hoang, quân giang há la liếm lên tinh hang cơm quán trọ. Thế nào thì mọi chuyện gả bán cũng như trăm nghìn đám cha mẹ đặt đâu ngồi đấy thôi.

Rồi nhà nọ đi xem mặt, chạm ngõ, ăn hỏi lại đã qua một cái tết tháng bảy, đến dạo cơm mới tháng mười thì cưới. Một hôm, cô ấy đi chợ rồi không về nữa. Thế là biệt tăm từ ngày ấy.

Bây giờ anh giáo Nhất mới nhớ lại và nhận ra hình như cả một hồi con trẻ không khi nào mẹ đi xem hội hè đình đám chèo hát ở đâu, cũng chẳng biết mặt cái chợ huyện, mà quanh năm chỉ như gái đẽ chỉ chít khăn vuông sùm sụp, ra chợ hôm lèo tèo mấy mủng cá tép ươn của nhà chài dưới sông đem lên làng lúc xẩm tối. Con người gan liền đến thế. Chẳng được đẹp phận như người ta, thôi thì coi như một đời vùi vào chiêm bao, chỉ có một mình mình biết.

Cái lão ba Cối tôi theo giáo Nhất về bên sông ngay hôm ấy. Hai ông con qua đò ngang. Chiếc đò ngang xưa kia, ừ con đò ngang ngày ấy. Có lẽ như từ bao giờ vẫn thế. Bên này ới bên kia, con đò tai ngễnh ngãng, chênh mảng, ẹo ọt, lững lờ sang. Năm xưa, đã có những giêng hai, mưa bụi như phấn hoa ngô bay, những chuyến đò đầy, đưa người vào xem hội làng trong cánh đồng.

Còn đương băng khuâng về những ngày nào, thì mũi đò đã đụng bờ cát. Anh giáo Nhất vác cái xe đạp lên trước làm chòng chành con đò ọp ẹp. Ông lão Cối đứng dậy, chị nhà đò một tay bế con, một tay giữ chiếc bơi chèo cho ông lão níu lấy, lẩy bẩy lần lên. Rồi tôi lại vẫn đương đi về ngày xưa. Tôi vừa lập cập vừa xăm xăm bước. Anh giáo

“mời ông lên xe cho con đèo ông đỡ mời”, nhưng tôi bảo anh cho tôi đi thanh thân thế này. Xóm nhà anh tôi cũng biết rồi, chỗ khoanh tre quăng sông dưới kia chứ đâu. Nghĩ thế thì tôi bồi hồi giật mình. Làm sao chỉ vài bước chân mà cả đời tôi không nghĩ được ra, không tìm ra cô ấy ở đâu. Mà cô ấy dường như vẫn biết tôi.

Nếp nhà ba gian lợp lá mía, đứng tre trát xi măng xám nhạt. Trước sân, hai cây mít xum xuê lá. Một vườn xoan sau nhà. Cái cổng rong cành rào trống hốc, con chó cũng chui lọt. Nhà tuy ngăn nắp nhưng chẳng có cửa nả, cũng không cửa giả nên hồn. Tôi bỗng ngỡ tôi đương đi về nhà tôi. Ừ giá mà ngày ấy chúng tôi lấy được nhau thì nhà cửa, vườn tược, con cái cũng đại khái như thế này. Ngày ngày ra sông xuống đồng kiếm cái ăn, cả đời người chẳng có điều phải nghĩ xa nghĩ gần. Ở trong làng xóm,



ngẩng mặt lên bốn phía bờ tre mù mịt, quan tâm đâu đến ngoài kia thế nào, tôi đương đi về nhà tôi đây.

Tôi ngồi xuống chiếc ghế đầu kê đầu giường bà lão. Lũ trẻ lại đã lấp ló ngoài hiên. Từ hôm bà ốm, mỗi buổi sáng trẻ con không còn trò chơi xem bà ăn vụng nữa. Chúng nó cũng buồn. Bây giờ chỉ còn ngồi ngóng khách đến chơi thăm bà – nhưng nhiều người chỉ toàn người làng, nhìn mãi cũng chán mắt, lại tản ra ngoài vườn nhặt quả xoan non đánh chắt, chơi đồ lá.

Không, bà lão nằm ốm liệt giường kia không phải là cô ấy. Trong tưởng tượng của tôi chưa bao giờ nghĩ ra nông nỗi buồn thảm này. Tôi ngồi im. Tôi nghĩ thầm, tôi cầu mong không phải. Thì cũng đâu phải, cô ấy ngày xưa, ngày xưa cơ mà.

Tôi cởi gói bánh lúc nãy đi qua mua ngoài chợ và rồi lại lặng im chẳng biết nên nói thế nào.

- Nhà vẫn ở dưới Hạ, chỗ cái bụi duối to ấy hả ông?

- Vẫn đấy. Nhưng cây duối thì làng xẻ đóng bàn cho trẻ học rồi, bà ạ.

- Ông thứ lỗi cho tôi.

- Làm gì mà phải nặng lời thế. Có thuốc thang ít lâu cho khoẻ rồi còn đi hội làng trong, sắp sang tháng hai rồi đấy.

Trên khuôn mặt méo thoảng một nét cười mếu.

- Ông vẫn chúa hay pha trò! Ông ơi, tôi chết không nhắm mắt được, tôi không giữ được lời với ông.

- Đã bảo thôi mà. Ngồi dậy ăn bánh, cái bánh nếp mật ở chợ bây giờ chúng nó làm cũng khá.

- Ông bỏ lỗi cho tôi.

- Thôi mà...

- Ông nói đi, ông bỏ lỗi cho tôi.

Tôi run rẩy đưa hai tay lên mặt con người gái năm xưa. Mặt người ốm trắng nhợt lạnh như đá mà nước mắt thì nóng ẩm đầm đìa lòng bàn tay tôi. Tôi sờ đến hai con mắt, hai con mắt mềm mềm nhắm, tôi dừng tay. Anh giáo Nhất quỳ xuống, ôm hai đầu gối tôi :” Ông ơi, mẹ cháu đi rồi”. Tôi vượt lại hai con mắt vừa nhắm. Thôi thế bà ấy đi rồi, cô ấy đi rồi.

Người con dâu đứng ở chân giường ôm mặt khóc nức nở. Lũ trẻ con chạy tán loạn ra vườn, tiếng khóc ánh ỏi, léc téc như những con chim sẻ bay vỡ đàn.

## Nhà nghèo

Họ thường cãi nhau vì những chuyện rất nhỏ nhen, không có nghĩa. Cái đó cũng đã thành một thói quen. Lúc nào họ ngửa miệng, muốn to tiếng, là to tiếng liền. Hàng xóm bốn bên bị nghe chán cả tai, không buồn nghe nữa.

Cũng như thế, hôm nay hai vợ chồng anh Duyệt cãi nhau làm ầm lên. Đầu tiên, có gì đâu! Khốn nạn, câu chuyện rắc rối chỉ chớm như thế này:

Anh Duyệt thì nằm trong nhà, ghếch hai chân lên cột, ư ử mấy câu Kiều lầy: Trăm năm trong cõi người ta. Chữ tài chữ mệnh mấy là ghét nhau. Anh ngâm dương có hứng. Cái cột nhà rung lạch cạch với hai bàn chân. Chị Duyệt ngồi đụp áo ngoài sân. Bỗng nhiên, không hiểu việc gì, chị ta muốn tìm cái Gái. Trông ngoài đầu ngõ không có. Chị gọi:

- Gái ơi!

Không có tiếng đáp. Chị réo:

- Ối... Gái ... ời ơi ... Gái ...

Vẫn im. Chị lại réo:

- Ối ... Gái ... Cha đẻ mẹ con chết dẫm, ngã xuống ao xuống chuôm nào rồi !

Đương ngâm vịnh có người làm rầm rĩ, hồng mắt thú. Anh Duyệt nói trở ra:

- Làm cái gì mà nặng lên thế! Có im đi không?

Chị không im. Chị nói thêm:

- Người ta gọi nó mà cũng cấm hả?

Chưa thôi, chị lại đay:

- Năm chông lên đây, hát với hồng, được cái tích sự gì !

Cái chỗ này mới là cái tức. Vợ anh bảo anh năm chông lên đây, hát với hồng. Ra ý mĩa anh không đi làm bữa nay, vô tích sự đây. Này, trời ! thực con đàn bà kia ăn nói những điều phụ công phụ của quá đỗi. Cả năm anh đi làm quần quật. Họa có ngày “đăng ấy” người ta hết việc, mới được nghỉ như hôm nay. Rồi rãi thì anh nằm một tý, chứ sao. Nó láo quá. Anh ta bèn mắng:

- Tao bảo cho con què biết rằng hai cái bàn tay này mà rời việc ra độ mười bữa, thì mẹ con nhà chúng mày rã họng ra! Đừng có...

Anh cũng không biết “đừng có” thế nào nữa. Anh im. Chị Duyệt đáp rằng:

- Người ta làm lắm người ta ăn nhiều chứ! Đây què thì đây cũng làm sao. Thử sờ lên gáy mà xem.

Thế là người ta đã nói cạnh nhau. Chị Duyệt vốn có tật ở chân bên phải từ thuở lọt lòng. Không bước được ngay ngắn chị đi tập tễng, tập tễng như con vịt què. Đã mang tật lại là con nhà nghèo, nên ngót ba mươi tuổi chị mới lấy chồng. Mà chồng cũng chẳng được ra hồn chồng. Anh Duyệt nguyên là người ở đâu đến ngụ cư ở đây. Ngụ cư đi làm mướn, chứ cũng chẳng danh giá gì, lại thêm lưng có cái bướu. Bướu đi thực ưỡn ngực mà nom vẫn như đeo thè lè chiếc nệm rượu giữa lưng. Khi anh gặp chị, thì đôi bên đã là cảnh xế muộn chợ chiều cả rồi, cũng dư dãi mà lấy nhau tự nhiên. Và họ sinh con đẻ cái với nhau cũng thực là dư dãi và tự nhiên. Hai năm một, ba năm đôi thắm thoát có mấy lứa mà đã riu rít được những ba đứa. Con Gái, con bé đầu lòng. Rồi thằng Cường, thằng Chân. ấy là bỏ mất hai đứa về sau, nếu không, còn lít nhít những năm đứa. Thêm ba miệng con ăn, cũng đã là khổ lắm rồi. Nhiều khi vợ chồng cãi nhau om sòm lên cũng chỉ vì vấn đề mấy đứa trẻ nhãi ăn không ngồi rồi đó. Con Gái nhớn, đã biết nhiều lần cha mẹ cãi nhau, nó hóc thút thít. Thằng Cường thì dắt thằng Chân, xúm lại xem. Chúng nó đứng tây ngậy. Mắt ghéch lên, hai tay chấp ngoạt sau mông, ra điều nghe ngóng.

Bữa nay, hai vợ chồng cãi nhau, thì chúng đi chơi vắng. Nhưng đến lúc con bão cãi nhau nổi hăng chúng ở đâu lù lù dẫn nhau về. Con Gái cũng thằng Chân. Thằng bé

ngắt ngưỡng ngủ, ngoạo một bên đầu, dãi và nước mũi chảy lòng thòng. Thằng Cẩng chập chững đi sau lưng chị. Nó giả cách đờng làm quan. Cầm cái roi lá nó cứ phết đen đét vào cánh tay chị Gái, và chửi rầm rĩ. Nhưng vào đến trong sân, nghe tiếng bố mẹ nói to, Gái đứng yên mà Cẩng thì tung hứng, Chỉ có thằng Chân vẫn ngủ khò khè. Lúc ấy, cậu quá anh Duyệt vừa nói nặng vợ một câu.

Anh vừa nói xong, thì người vợ vừa trông thấy lũ con dẫn nhau vào, chị ta liền lu luoa:

- Ấy đấy, chúng mày về mà nghe bố chúng mày chửi tao.

Cậu, anh Duyệt văng:

- Ủ, ông chửi cha con què đấy.

Lập tức mẹ Duyệt ôm mặt, khóc tỉ tỉ. Rồi mẹ lên điệu kể lể. Nhưng không phải là kể lể với chồng, hay với ba đứa con, mà là kể lể nỉ non với cái bức vách trước mặt. Mẹ khóc kể rằng:

- Ôi thiên địa trời đất ơi! ôi cha ơi! ôi mẹ ơi! tôi ăn ở với người ta chẳng gì cũng năm bảy mặt con, con sống, con chết có, mà nỡ nào người ta réo ông réo cha tôi lên. Cái thân tôi cực nhục trăm đường.

Tôi buộc bụng nuôi con... hu ... hu ...

- Mày đẻ lắm thì mày nuôi nhiều ....

- Ôi ông cả bà lớn ơi! ... A bấy lâu tôi nằm (ở) với ... chó đấy a ...

Anh Duyệt ùng ùng chạy ra, định thụi.

- Chó này!

Nhưng anh chưa thụi, vợ anh đã lăn kênh ra. Tay chân múa lên đành đạch. Miệng rên rĩ:

- Anh đánh chết tôi đi! Anh đánh chết tôi đi !

Hai đứa con thấy bố làm dữ, sợ quá ôm đứu lấy nhau khóc inh ỏi. Nằm trên vai chị, bị thức giấc, thằng Chân cũng bật khóc theo. Cả một góc xóm vắng lên những con chó, nằm ròi chẳng biết chuyện gì, cũng hóng mồm cắn xuống. Anh Duyệt tức lắm rồi, con nóng kéo đến đầu anh. Những chiếc gân xanh ở xung quanh trán và cổ nổi chiếc đũa lên. Giậm hai chân bạch bạch, anh quát:

- Ông giết chết cả lũ! Ông giết chết cả lũ, rồi ông đâm cổ ông xau. Những của nợ kia, ông xử chúng mày trước, rồi đến con mẹ chúng mày.

Những của nợ khiếp vía, bấu nhau, chạy miết. Chị Duyệt cũng lật đật trở dậy, ôm váy lạch đạch ra ngõ. Duyệt quay vào bếp, tìm được con dao phay hồng học chạy ra, thì cái sân đã không còn ai. Anh quẳng con dao đánh “choeng” một tiếng xuống đất.

- Từ giờ đến chiều ông bắt được đứa nào thì ông giết chết tươi. Ồi trời ôi! Chúng mày làm khổ ông! Ông mà đến nỗi thân tàn ma dại thế này, cũng vì chúng mày. Chứ một mình ông đâu đến nỗi.

Ngoài ngõ có tiếng nheo nheo đáp vào:

- Nào tôi ăn tàn phá hại gì của ai? Nào tôi bòn rút của chìm của nổi gì của ai? Một lời nói một đọi máu, ăn nói còn có trời đất, có quỷ thần hai vai chứ!

Thế này thì Duyệt uất đến chết được. Nó cứ núp ngoài kia mà dội vào từng tiếng. Anh đuôi, nó lại chạy. Anh uất quá, uất quá. Uất run mười đầu ngón tay bần bật. Anh phải đập một cái gì cho đã. Trong nhà chẳng có thứ gì khả dĩ đập được. Cái giường, cái án thư, cái cột, toàn những đồ gỗ đau tay. Có con dao, thì anh đã đập lên đập xuống nhiều bận rồi.

Ngoài cửa, con mụ lăm điều lại la trời, la đất. Trời ở đâu mà la. Đất thì giẫm dưới chân đó. Kêu lắm mỗi miệng. Nhưng mà như chọc dao vào trong óc anh. Vụt một ý, anh Duyệt cũng kêu rất lớn:

- À, mày đã khỏe to hòng, ông đốt nhà cho mà xem.

- Anh đốt nhà thì hàng xóm bắt vạ anh.

- Thì ông đi ngồi tù cho chúng mày đi ăn mày cả lượt....

Mụ vợ đứng ngoài bờ rào, ngó thấy chồng hăm hở, hục hặc đi tì lửa, vội kêu chóc:

- Ôi ông cả bà lớn ôi! Nó đốt nhà... Thằng Duyện nó đốt nhà ... Nó ...

Chẳng có ông cả bà lớn nào chạy đến. Ai cũng đi làm muộn, cửa ngõ đóng trở ra. Nhưng rồi loanh quanh mãi vẫn chưa thấy anh Duyện đốt được nhà.

Thì ra, bởi vì nhà không có một chút lửa. Đã hai năm nay, chưa mua được một bao diêm nhỏ. Mỗi bận thổi com, cái Gái vẫn phải ra tận đầu xóm xin lửa. Và tối thì đi ngủ cùng mặt trời. Biết vậy, chị Duyện yên trí, lại sắp hờ trời hờ đất. Xong đã nào thôi.

- Mày tưởng ông sợ? Ông đi xin lửa cho mà xem.

Có lẽ anh toan chạy đi xin lửa thực. Và chị vợ cũng sửa soạn kêu nữa. Nhưng trên không trung, từ ban nãy, ông trời bao la đơng đau bụng, xám xịt lại. Bụng ông sôi ục ục, reo róc róc. Bấy giờ bỗng nổi gió giật, lạnh ngắt, rồi đổ xuống một trận mưa lớn.

-----  
Bấy giờ là đầu mùa hè. Trời đất rất ít mưa. Những đã có trận nào thì mưa rõ cho ra chuyện.

Trận mưa đó thực to. Trời đen kịt. Nước xối xuống rào rào, trắng xóa. ở những vườn chuối, nước dội lũng bùng như trống đánh. Từng cơn gió chạy dài rít lên đập đùng đùng. Những mảng sân thấp, nước ngập lung thềm. Được độ một lúc lâu, mưa dần dần ngớt. Những đám mây nước tầng mỏng bay nhanh như biển. Mặt trời ló ra. Trời đất sáng ngời. Màu lá cây xanh mướt. Những con chim sáo sậu nhanh nhẩu bay linh tinh, hót từng hồi véo von thực dài. Mưa tạnh.

Bấy giờ khắp làng bày ra một cảnh lạ mắt. ở các ngõ lối nhỏ chạy ra từng đám người. Đàn ông thì cởi trần tròng trọc, đánh chiếc khố đơn. Đàn bà phong thanh cái yếm, đội sùm sụp chiếc nón. Còn trẻ con thì trần truồng như những viên đá cuội. Người ta chạy đồ xô ra các ngạch cổng, các bờ ruộng và các luống vườn. ở tay mỗi người cầm một cái giỏ. Họ chen nhau, chạy tới tấp.

à, trời vừa mưa xong. ở những mặt sân đất, sôi bong bóng. Trong các lỗ giun ngập nước quẩn quại tòi lên. Trong các bụi cây ròi và ướt, từng đàn nhái và từng đàn châu nhậy ra. Nhờ có trời mưa ngập nước, con giun con sâu nhoi lên, chúng ra kiếm ăn. Những con nhái cồm mình lấm tẩm xanh. Những con nhái chỉ dòng dọc trắng chạy suốt lưng. Những ông nhái cụ, to và đen nhũ con cóc, nhảy oai vệ và chậm chạp. Châu cũng đủ các hạng to nhỏ. Những chúng lớn hơn nhái, da dê bóng mỡ, thân hình có chạnh, có góc rõ ràng. Đôi mắt lồi cuờm lơ láo. Vòng chân xếp lại, nhảy thoăn thoắt, rất nhẹ. Chúng đớp kiến và giun nhanh quá. Cái mồm há ra đỏ hây, tép một cái lại ngậm. Tép, tép, tép. Chúng đớp nhoay nhoáy. Chúng kéo ra kiếm ăn.

Và người ta cũng kéo đi cả đàn cả lũ để bắt nhái và bắt châu.

---

Không hẹn, mà cha, con, chồng, vợ nhà Duyên cũng ập nhau trong cái đám đông đi bắt nhái bắt châu này. Mưa tạnh, chị Duyên chẳng biết trú ở đâu xon xon chạy về lấy giỏ. Thì chị đã thấy khuyết hai cái rổ treo trên đầu bếp. Anh Duyên và cái Gái đi ra vườn ròi. Thằng Chân và thằng Cẳng đã được con bé nhót cẩn thận vào bằm phở, bốn bề chắn gỗ kín đáo. hai đứa trẻ loanh quanh cứ bò lúp ló như hai con chó con. Chị và bố chúng đi bắt nhái. Anh Duyên đã quên giận vợ, nghĩ đến bữa cơm chiều nhiều hơn. Bữa cơm mà cái thịt nhái nướng thơm phức, chấm với muối ớt, nhai dòn rau rầu, ngon tuyệt.

Chị Duyên cung cúc vác giỏ chạy. Người ta đã đồ ra nhiều quá không bắt mau, hết mắt. Chị gặp chồng. Cái thằng phải gió đó chịu khó vờ nhái ra ráng. Mặt nó không sưng sĩa lên nữa. áy vậy mà lúc nãy nó đã hùng hổ định giết con, giết vợ và đốt nhà.

Chị Duyên gặp cái Gái. Nó giơ giỏ lên khoe với u. Cái giỏ đã được lưng lưng. ở trong

nhái xô nhau oe oé. Con Gái nhe hai hàm răng súu đen xín, cười toét. Rồi nó lại lư mư vác giỏ xuống một vệt ao gần đấy. Trong khi mẹ nó tắt tả đi ra miệt đầu đình.

Gái rón rén bước. Nó vạch xem từng ngọn cỏ. Những cây cỏ nước xanh om, vươn cao ngọn, lòa xòa cửa vào người, khiến nó ngứa ngáy khó chịu. Nhưng mỗi lần túm hoặc vồ được một chú nhái bẻ gãy hai chân sau bỏ tót vào giỏ, thì nó lại cười tùm tùm một mình. Nó lần theo vệt ao, khuất sau mấy rặng dừa đại lồm chồm. Nhái nhảy lồm bồm xuống nước. Những chòm dừa xòe những cẳng tay gai góc ra xung quanh.

---

Cuộc bắt nhái đã vãn. Ai nẩy ra về. Anh Duyên xách giỏ về trước. Thứ đến chị Duyên. Thằng Chân và thằng Cẳng phải tù trong gùm phản đang khóc be be. Chị Duyên đưa cái giỏ nhái của mình cho chồng rồi chạy lại gỡ gạch, bẻ hai đứa con ra. Chị nựng con cho chúng nín. Anh Duyên ngồi ngẩn ngơ nhìn hai giỏ nhái. Nét mặt anh đờ đẫn. Có lẽ anh đương tưởng tượng đến bữa nhắm thú vị chiều nay. Bỗng chị Duyên nói:

- Này, con Gái chưa về nhỉ? Nhà đi gọi nó xem...

Giọng chị ả dịu lại. Chính anh Duyên cũng không còn tưởng tượng được rằng lúc nãy mình vừa cãi nhau kịch liệt với vợ. Anh đứng dậy, đi ra ngõ. Vừa đi, anh vừa lầm bầm: “Tiên nhân con tuyệt tự, đi đâu thì chết đập ở đấy”. Rồi anh gọi:

- Ó! Gái!....

Ở trong sân, vợ anh nói với ra:

- Nó đi về phía ao nhà ông cả Tràng ấy. Để mẹ con ranh con!

Anh Duyên lội xuống bờ ao nhà ông cả Tràng, về phí có nhiều cây dừa đại, thì anh trông thấy cái Gái. Nhưng anh thấy cái Gái nằm gục trên cỏ, hai tay ôm khư khư cái giỏ nhái. Lũng nó trần xám ngắt. Chân tay nó co queo lại. Vừa lúc ấy, miệng nó ngoáp ngoáp mấy cái; đôi mắt lộn lờng trắng lên mấy lần. Rồi nhắm hẳn. Chân tay nó duỗi ra. Con bé giãy chết rồi.



Người bố nhìn đứa con gãy chết rú lên một tiếng quái gở. Tuy cuống lắ, nhưng anh cũng còn nhìn thấy ở ngay bên vệ ao trên lớp bùn phẳng mới nguyên một lối bò dài như cái sào lúa còn hằn lại.

Duyệt cúi lay xác con bé. Anh nghĩ chột rằng bấy lâu nó vào cửa vợ chồng anh, cực khổ trăm đường. Trong người nó có bao nhiêu xương sườn, giờ hết cả ra. Thương ơi! bây giờ nó bỏ nó đi. Hai hàng nước mắt nhỏ ròn ròn. Anh ghé vai, xốc con bé lên. Hai tay nó còn mềm hơi nóng. Nhưng hai chân đã cứng nhắ. Anh cõng xác con, chạy về.

**Tô Hoài, Bến Ray, Tháng Chạp 1942**

ThuvienOnline

## Hoa bìm biển

Ông Thái sắp vào Sài Gòn. Những năm mới nghỉ hưu, ông Thái cũng hay đi. Khi Hải Phòng, khi Nam Định. Hồi ấy các quốc doanh, các loại hợp tác xã mở tới tấp người ta cần đến nghề kế toán, tài vụ của ông. Tay nghề đã ngời xó của ông Thái đâm ra còn dùng được. Lắm nơi sổ sách chổng chát, vài ba tháng lại tìm nhờ ông. Nào quyết toán, nào dự chi, những con số ma.

Ông Thái cũng chưa được vào Nam lần nào, từ khi thống nhất. Ông Thái chưa trông tận mắt cái máy bay bao giờ.

Nhưng làm như đã quen, rất thường. Ông Thái nói: 'Trong Nam người ta thoáng lắm. Máy bay hay tàu hỏa thì ăn nhằm vào đâu!'

Ông Thái nói hách thế, nhưng cũng không gọi ai tò mò. Ông Thái nói, ông Thái đi đâu cũng chẳng khác ông ngồi ở cái cửa sổ tầng bốn, cả ngày dăm dăm ngắm ra. Ông Thái đi Sài Gòn. Viết thế này, còn có thể đọc được, nhưng ngồi nghe ông kể, chắc chẳng ai tin. Một hôm, ông Thái nhận ra ngay thư của người con gái bốn mươi lăm năm trước, tên là Vân.

'Kính gửi ông Thới... Tôi có một người bạn thân kể là ngày xưa quen ông. Bạn tôi có ý tìm ông từ khi mới giải phóng, có nhiều người kháng chiến về Sài Gòn. Nhưng không biết hỏi ai. Rồi cũng lại ngại, bởi vì đã bao nhiêu nước chảy qua cầu, cây đa bến cũ chẳng còn như xưa. ẽ quên đi, nhưng rồi lại mong. Vậy cận trạng ông ra sao, gia đình khang an thế nào...'

Chữ ký loằng ngoằng cuối thư. Đàn bà là chúa hay vô ý. Ngày ấy, chỉ Vân gọi mình là Thới. 'Muốn lấy vợ Nam Kỳ phải kêu là Thới. Thái, Thái nghe kỳ muốn chết'. Thì còn 'người bạn thân' nào nữa. Hay là sợ quên nhau, nhắc khéo. Ôi chao!

Ông Thái trả lời, đề thẳng kính gửi bà Huỳnh Thị Vân. Rồi nhận được một thư dài, giấy xanh, khổ giấy như trước kia. Trong thư, Vân nói mừng lắm, mừng anh vẫn nhớ chữ em. Ông Thái buồn cười vì cô ấy vờ như đánh tam cúc lại để hờ bài cho người ta xem.

Rồi thư từ qua lại, hai người kể hoàn cảnh của nhau. Bà Vân lấy chồng người Ấn Độ, có cửa hiệu tơ lụa. Sau khi Tây thua ở ệện Biên Phủ, vợ chồng rời Sài Gòn, nhưng không về Bombay, mà sang Mỹ. Bốn đứa con đều có chồng, có vợ, ở riêng cả. Chồng bà mất đã lâu.

Bà Vân gửi ảnh cho ông Thái và bảo ông cho bà một cái mới chụp. Ông Thái đã không thể nhận ra bà nếu không có dòng chữ đề tặng. Trong hình, một bà già tóc cúp

ngắn chấm tai - một của các bà đứng tuổi ở châu Âu bây giờ. Ờ, mình bảy mươi ba thì Vân bảy mươi một rồi. 'Em phải uống thuốc tiêu mỡ. Tụt cân nhiều đấy. Nay còn 92'. Cái cô Vân học trò trường bà sơ Bồ Câu Trắng ở Sài Gòn, ngày xưa mảnh mai như liễu, tứ nhắc bổng lên được cơ mà.

Cụ Thái lặng lẽ đốt cái ảnh. Cụ cũng không gửi ảnh của cụ. Không phải vì cụ bà hay con cháu tọc mạch. Mà cái ảnh bà Vân kia lạnh ngắt, chẳng một nét nào bận đến cụ. Một ngày kia, ông Thái nhận được một lá thư rất hay của bà Vân. Thế nào mà cái ông lão hàng ngày ngồi rù rù, người trong nhà đã quen mắt, như nhìn chỗ để xe đạp, cái ghế, cái tủ thuốc. Nhưng ông lão tự thấy khác. Ông thấy ông vẫn sống, mà sống có lửa, ngọn lửa tình đương bốc trong ông. Thư bà Vân hẹn ông tháng ấy ngày ấy ông vào Sài Gòn gặp bà. Cái hẹn còn xa, nhưng đích xác là ngày tháng thế.

Và tám ngàn phiếu bà Vân gửi cũng khiến ông nghĩ. Số tiền đủ mua một vé máy bay khứ hồi. Bà ấy gửi vừa khảm. Thế này là thế nào? Thế nào nữa, bà ấy tặng mình tiền tàu xe. Ta là cán bộ, theo kháng chiến cả đời đến tóc rụng, răng rụng rồi, chứ mình đâu phải người nhà người ta ngồi hóng của.

Đánh giá nhau hay lắm, phải lắm. Nhưng ông Thái cũng không nghĩ thế được lâu. Giá bà ấy cứ gửi nhiều nhiều một chút cũng hay... Không được, thế là coi nhau chẳng ra gì. Bà ấy trọng mình, phải trọng mình chứ.

Chuyện ông đi kháng chiến kể ra cũng vừa bình thường, lại cũng khúc khuỷu như mỗi tình này. Nếu ngày ấy quân Nhật không chiếm Đông Dương, tàu hỏa vẫn thông thương bắc nam, có khi ông đã lấy bà ấy rồi cũng nên. Nói 'có khi', bởi hai người chỉ là trai gái lứa tuổi không dung gặp nhau. Vân ở Sa Đéc, nhà gửi lên Sài Gòn học. Thái làm công nhật cho một hiệu thuốc hoa liễu với các thứ cao đan hoàn tán ở Hà Nội chuyên đi quảng cáo và tính sổ cho đại lý các tỉnh.

Khi bắt đầu kháng chiến, ông Thái đương làm kế toán cho một hãng bảo hiểm nhân thọ ở Hải Phòng. Ông có việc lên Hà Nội. Đêm ấy nổ súng. Thế là nghẽn lại. Vợ ông và đứa con trai bị kẹt dưới Hải Phòng. Ông theo người ta tản cư ra vùng tự do, rồi vào làm cơ quan, vẫn nghề kế toán. Đến tuổi, ông về hưu. Thành con đỡ kỹ sư đã đi làm. Nó hay nói đùa láo lếu như nhiều người bây giờ: 'Giá ngày ấy bố bị Tây bắt đi tù ít lâu, có phải đã làm quan to, lương hưu khá hơn không'. Ông không thèm nói lại. Bây giờ và trước kia khác nhau lắm. Khác nhau cả cách nhìn cái ghế. Mà ông thì già rồi. Cháu ông mua về bốn chiếc ghế đẩu. Ông nhận ngay ra là gỗ nội, đồ dờm. Đạo cơ quan tránh máy bay Mỹ sơ tán về Bùng, ông thấy người làng đi vác về những cây nội mới hạ ở đường Sơn Tây mở rộng, đem ném xuống ao ngâm. Vài hôm, vớt lên cưa từng khoanh rồi để thành thớt, đánh bóng đồ sẫm. Mấy ngày áp tết quảy ra bán

ngoài phố - tét nhất, nhiều nhà sắm cái thớt mới. Vô ý vợ phải cái thớt gỗ tươi ấy chỉ thái mạnh vài nhát dao, đã toác. Trông cái gỗ bung nước, biết ngay. Nhưng thằng cháu ông cười như reo lên: 'Không cần gỗ lim, gỗ lát. Chỉ cần kiểu mô đéc, giường Đức, ghế Nhật, hồng thì mua cái khác, mốt khác. Thời buổi gấp gáp, ông ạ'.

Có lẽ chúng nó phải. Người cao tuổi như mình, bàn chân cũng khô đét, giày dép thôi cả long đĩnh, há mồm. áo sơ mi, bao nhiêu năm nay chẳng phải may sắm. Không biết ngoài cửa sổ, các ve cổ áo sơ mi đã to huếch hoác, lại cụp lại, lại hùn hoãn, nhỏ tý... Ông Thái đi Sài Gòn, quần áo và đôi dép râu cũng vậy như mọi khi. Ông không định khác. Không thiếu thôn, mà quen xuềnh xoàng rồi. Nhưng có lẽ nên đi lắp mấy cái răng giả. Răng hàm chẳng còn cái nào. Nhưng cười huếch mép cũng không hở. Chỉ rầy rà mấy lỗ hồng răng cửa hàm trên. Soi gương, thấy phiền thật. Nhưng rồi ông lại ngại.

Những cái răng đã gãy từ đời nào, đời nào. Bà ấy cho là ông phát rò hay sao, tự dung lại đi làm răng giả.

Ông Thái không lo bà ấy sinh nghi. Nhưng ông tưởng tượng ra một sự kỳ quặc, có thể xảy ra lắm. Thế nào thì ông Thái cũng phải hôn bà Vân. Chao ôi, những cái hôn triền miên đầm đìa đêm xưa bên sông Sài Gòn. Bây giờ mà thế a, nhỡ những cái răng giả rời ra, rơi vào họng ai. Chẳng lẽ lại bảo hãy khoan để tháo răng ra đã, rồi hãy...

Thôi thôi, đã mặc mạc thì thế nào cứ thế. Cái hẹn tháng bảy dần dà tới... Ông Thái cứ lúc bông bột, lúc lại thâm kệ. Nghĩ toàn chuyện cản trở. Ngót hai tháng thư mới tới nơi, thì tin thế nào được ngày hẹn quá xa. Nhưng sự thật như cái đinh tai ác cứ nhô lên dần. Sắp tới rồi. Ông lại nghĩ àm ừ: Hôm ấy mình cứ bay vào à? Không có bà ấy ra đón thì sao. Ông cũng có người quen, nhưng thành linh dò đến nhà người ta, không tiện...

Rồi ông Thái nhận được một bức điện.

Rồi cháu gái đón ông ở sân bay Tân Sơn Nhất. Bây giờ cháu đang đưa ông về nhà. Không đến khách sạn, nhà trọ. Cũng đỡ rắc rối.

Căn nhà nhỏ trong một hẻm sâu hun hút. Những hình ảnh lảng vảng, ông Thái như lững lờ trôi trong đám mây.

Năm xưa, ông Thái gặp bà Vân ở Sa Đéc. Thầy ký công nhật đi tính sổ đại lý. Thị xã nhỏ bé, Thái dạo qua một cửa hiệu vàng bạc. Thấy trong hàng có một cô gái ngồi bên máy khâu. ở Nam Kỳ hồi ấy, mỗi nhà sắm cái máy khâu Sanhde cũng là một lối chơi. Cô gái xinh quá, đúng dáng những người đẹp mẫu của Thái. Tuổi trẻ đâu cũng xông, thế là Thái bước vào. Cô gái vào nhà trong một thoáng rồi ra ngay. Người con trai đã kịp nhận thấy cô mới thay tấm quần lụa trắng muốt. Anh chàng gà trống tơ nghĩ vơ

vào rằng thế là ăn tiền rồi.

Ông Thái nhìn qua cửa sổ mở. Bà Vân hết tấm ảnh bán thân nhận được năm trước. Có điều khác, đây là người thật, một bà lão khỏe mạnh, to đùng. Hình như bà Vân đang dở tay làm gì, nhắc cái phích hay bày ấm chén. Bà chưa vội ra mở cửa. Nhận xét đầu tiên ấy khiến ông Thái buồn buồn. Chỉ đến lúc thoáng thấy bóng mình lù rù chiếc mũ cối như cái mu rùa trên đầu, hôm đi ông mượn của thằng cháu, ông mới ngó ngoai và lại hơi ngượng.

Bà Vân nhìn ông, chào ông một câu đột ngột:

- Anh ốm quá!

Ông Thái đã sắp sẵn một câu đùa tình tứ. 'Em trẻ, em trẻ lắm'. Nhưng bị một câu phủ đầu mất vui, lại nhớ cái răng cửa hồng, ông Thái chỉ mỉm cười.

Chẳng mấy lúc, cũng may, ông Thái đã cảm thấy như ở nhà nhà mình thương yêu êm ấm, không phải căn hộ tẻ nhạt ở ngoài kia bây giờ. Bà Vân và cháu gái lên xuống dọn mâm bát. Nhớ lần về chơi nhà Vân dưới Sa Đéc. Cả nhà vòn vỡ, phong tục Nam Kỳ sao mà đáng yêu. Ông Thái đương trở lại cái gia đình tưởng tượng, hai người yên vui về già.

Bức tranh vẽ rồi lại xóa, lại vẽ, lúc hồng rực, lúc đen nhem. Ông Năm lấy trong tủ ra chai rượu ngâm thuốc. Ông Thái cười. Đã quen, không còn ngại hàm răng trống.

- Rượu thuốc à?

- Sâm em mua ở Băng Cốc về biếu anh Năm ngâm.

- Có bia hơi...

Bà Vân nhăn mũi:

- Bia hại thận, nghe. Rượu thuốc...

Ông Thái im, chột lại thiu thiu như mọi khi ở nhà.

Nhưng ông Thái với bà Vân cũng có phút giây mơ màng.

Bà Vân bảo: - Chúng ta đi vườn Bờ Rô.

Nhớ lúc nãy ngoài đường, xe máy liên hồi tạt qua mặt, ông ngại:

- Làm gì?

- Ôi anh quên rồi sao! Cái năm hội chợ Sài Gòn, đêm hôm đó chơi vườn Bờ Rô.

Ông Thái lúng túng vì câu trách yêu. Ông Năm ở buồng trong góp chuyện ra.

- Bộ cô Ba tưởng vẫn cái vườn Bờ Rô năm cô Ba ở Sài Gòn à? Không đâu. Bây giờ vườn Bờ Rô, vườn Chuối loạn dữ, nhất là ban đêm. Không đi dạo được đâu.

Ông Năm gỡ cho ông Thái một cuộc đi chơi không hào hứng. Nhưng câu chuyện bên bàn nước vẫn lai rai. Tiếng mưa xầm xập xuống mái tôn nhà nào xung quanh, chẳng

biết là đương ở đâu. Trời cũng giúp làm nhạt cái kỷ niệm vườn Bờ Rô rồi.

- Ngày mai đi Vũng Tàu.

- Vũng Tàu à?

- Trước em định nghỉ Long Hải. Nghe nói bên ấy yên tĩnh. Nhưng anh Năm nói Long Hải vắng lắm. ở Vũng Tàu hơn. Anh Năm với các cháu cũng đi.

- Cả nhà cùng đi cho vui.

Bà Vân cười:

- Không, anh Năm không đi chơi. Anh biểu anh Thới là cán bộ cách mạng, phải bảo vệ anh, không được lơ là cảnh giác. Ông nói như đọc báo vậy.

- Bảo vệ tôi à?

- Anh Năm biểu thế.

Ông Thái vừa buồn cười, vừa nhớ ra. Nhưng lại thú vị. Ông đã trông thấy ở Hà Nội những cán bộ có người bảo vệ. Ông cán bộ đi bách bộ cũng có người đeo súng ngắn sau lưng áo, đi cạnh. Ông cán bộ may ô quần đùi mặt đỏ lựng chạy tập thể đục buổi sáng bên bờ hồ, có hai thanh niên áo đại cán trịnh trọng, vắn súng giắt lưng, lững thững chạy hai bên. Ông Thái như con kiến, ông muốn bò đi đâu thì đi. Bây giờ nghe có người nói đi bảo vệ ông. Cũng sượng.

Bà Vân nhìn ông Thái, nheo mắt, tinh nghịch:

- Nhưng mà anh Năm không đi nữa!

Ông Thái cũng rờn:

- Không phải bảo vệ à?

- Em bảo anh Năm là ra Vũng Tàu ở khách sạn, ở boong-ga-lô mới lo bảo vệ, chứ ở chùa thì thôi, cửa Phật mà. Anh Năm thấy thế ưng được.

Rồi bà Vân lại cười:

- Có vậy mới được đi đôi!

Không biết bà Vân mừng thật hay chỉ là nói đùa. ột nhiên, bà Vân nói:

- Anh có còn nhớ chị Hậu không?

- Chị Hậu...

- Có lần anh vô Sài Gòn, em ra ga xe lửa Mỹ đón, có chị Hậu...

Thật ông Thái đã nhớ ra. Không những thế, ông Thái còn đương bản trong đầu khi nghe đến tên người đàn bà ấy. Những liêu lĩnh của tuổi trẻ thì vô vàn, nhưng đã nguội lạnh, xếp xó trong ký ức từ nửa thế kỷ rồi.

Vân trọ học nhà Hậu. Hậu hơn tuổi Vân, ở nhà giúp tiệm may của mẹ. Hậu theo Vân ra ga để 'ngó mặt thẳng Hai'. Hậu chưa biết Thái. Nhưng Thái thoát trông thấy Hậu đã cảm giác gờn gợn kỳ lạ. Đôi mắt bồ câu lóng lánh đầm như làn nước muốn hút người

ta trầm mình vào. Cô Hậu nhìn Thái. Thái đoán được đôi mắt ấy nói gì.

Đêm ấy, Thái nghỉ lại nhà Hậu. Mai, Vân và Thái về Sa ééc sớm. Thái nằm ngoài phòng khách. Vân và Hậu ngủ buồng cạnh đấy, cái giường to kê bên cửa sổ. Nửa đêm, chợt tỉnh, trời vẫn xầm xập mưa như đêm nay thế này.

Thái tha thiết nhớ hai con mắt Hậu. Thái lần ra, thò tay vào màn, mà Thái đã để ý, biết Hậu nằm cạnh cửa màn. Tay Thái vừa đụng vào cánh tay Hậu, thì một bàn tay ai nắm lấy, vuốt từ từ lên mặt Thái. Cái hôn dài vùi vào nhau, tưởng như hai làn môi không bao giờ rời ra được nữa.

Sáng hôm sau, đôi mắt Hậu khác hẳn, lay láy long lanh quang đặng như trời mưa tạnh. Rồi Thái và Vân về Sa ééc. Đến hôm lên đường ra Hà Nội không tạt được vào nhà Hậu. Người trai đào hoa không quên, nhưng cũng chẳng nhớ hơn nữa. Từ đấy, không khi nào còn gặp lại.

Ông Thái hỏi:

- Thế chị Hậu rồi sau ra sao? Giờ ở đâu?

- Cũng chẳng lấy ai!

Người đàn ông đam mê ngày trước chợt bồi hồi vu vơ. Bây giờ lòng yêu thành nỗi buồn ngủi cho ai có lẽ vẫn chờ mình từ sau đêm ấy, mà mình thì đương nhắm nhía cái đau của người ta.

- Rồi thế nào....

- Chị ấy đi tu.

- Cái năm em sang Mỹ, em có xuống chùa chào chị. Em vẫn được thư từ. Chị ở Vũng Tàu.

Ông Thái nhắc lại như trẻ con học nói:

- Ở Vũng Tàu.

Bà Vân nói:

- Em được thư thấy nói thầy đau, có khi về người Phật mất. Ta xuống thăm thầy nhân thể.

Ông Thái lễ phép rụt rè:

- Vâng.

- Bây giờ gặp thầy, anh cũng không nhận ra được đâu. Mà thầy quy y đổi tên nhà Phật rồi.

Bãi Dứa ở Vũng Tàu, một bên gò ghè sườn núi, một bên bờ đá. Chỉ có một bãi tắm nhỏ ở chân dốc sang bãi Sau bên kia. Nhưng lọt giữa những tảng đá lờm chờm, đôi chỗ hùm xuống một vùng cát choen hoản phẳng lý như manh chiếu cói trắng.

Dọc triền núi, ẩn hiện những ngôi chùa nhỏ, công đức của các nhà giàu trên Sài Gòn.



Đã thành phong tục đem ảnh và bài vị người đã khuất lên chùa, tương tự ngày trước nhà có cửa cúng ruộng hậu.

Ông Thái và bà Vân xuống ô-tô ngoài bến rồi đi xích lô về bãi Dừa. Từ lúc gần đến Vũng Tàu, ông Thái đã lẩn thẩn sợ thế nào ấy. Sợ cả cái dáng bà Vân đi phăm phăm, tiêu tiêu như vút đi, tiền xe, tiền ăn sáng, tiền cho ăn mày. Được cái trông bà Vân không khác mấy bà luống tuổi. Khăn vuông lụa trắng, áo xuyên đen, quần lĩnh đen giản dị. Chẳng ai có thể đoán được bà ấy đã xa đất nước mấy chục năm qua. Ông Thái ngồi sau bà, lưng tựa đệm xe. Như con cá nằm trong cái kẹp thế lực.

Hai người lên bậc gạch một ngôi chùa, đi dưới đường chỉ thấy thấp thoáng mấy cảnh đại khảng khiu nhô ra. Bà Vân vào thẳng nhà hậu. Ông Thái còn quáng mắt trong căn nhà tối ảm, bà Vân đã tới trước bộ ván, ngồi sụp xuống đất, chắp hai tay:

- Bạch thầy, còn là Vân, con mới ở Mỹ về.

Trên phản, một người nằm, hai chân nê nặng trắng bệch. Có tiếng khe khẽ:

- À... Vân...

Một cô tiểu ngoại hiên bước vào. Cô tiểu đỡ người ốm ngồi lên. Bà thờ khó nhọc, như con mèo gù, bà tựa lưng vào tường và vai cô tiểu đỡ... Ông Thái đã nhìn rõ. Không thể là cô Hậu năm nao. Cái đầu bà lão búng vàng như nghệ, phù to ra.

Một cô tiểu bưng nước mời khách, đặt trên án thư bên cạnh. Bà Vân nói:

- Bạch thầy, thầy có nhớ ai đây không.

Nhà sư ngược cặp mắt trắng lò dò:

- Ông Thái ngày xưa đó.

Bóng mờ khuôn mặt xỉ không động đậy.

Các chùa ven bãi Dừa đều có nhà khách, vào mùa nắng, cho cả người chơi biển trọ.

Ăn chay theo bếp nhà chùa. Hình như cũng vắng vẻ.

Bà Vân và ông Thái nghỉ ngoài nhà tổ. Gian giữa, một tượng Quan Âm. Mùi hương phảng phất, nằm trông lên thấy cái bệ tòa sen thếp vàng ánh. Bên một kệ đặt những khung ảnh người đã mất được đem gởi hậu. Ông Thái mắc cái màn nâu dưới chân kệ ảnh. Bà Vân nằm trên phản đầu gian bên. Như vợ chồng già vãn cảnh chùa, đường xa nghỉ lại.

Ngày ngày bà Vân ra bãi tắm. Bà Vân nói: 'Em khỏe được là nhờ biển. Nhà em bên kia ở ngay cạnh nước. Hằng ngày cả thành phố tắm biển'. Bà Vân rủ ông Thái tắm. Nhưng ông Thái lắc đầu. Bà Vân cũng không ép thêm. Bà Vân lội xuống nước. Ông Thái đội mũ cối, quần áo bộ đội xanh nhạt, ngồi cái quán cóc cạnh gốc dừa trên bờ. Ông ngồi trông quần áo cho bà Vân. Đôi lúc cao hứng, ông lội cả đôi dép râu đi dọc mép nước. Khi về, bà Vân vào chỗ dội nước ngọt thay quần áo, ông Thái cầm cái túi



đứng ngoài.

Bà Vân đã ra bãi. Ông Thái ở vườn chùa vào nhà hậu. Ôi, năm mươi năm trước xa vời vợi, ở phía nửa trái đất bên kia. Ông Thái vẫn không thể nào tưởng cái cô Hậu ấy là bà sư liệt giường này. Không, không, ngày xưa đã qua rồi. Nghĩ thương thương, ông Thái bước vào.

Cô tiểu đến nâng sư thầy. Nhưng bà không giơ tay. Bà vẫn nằm nguyên đấy. Ông Thái lặng lẽ ngồi xuống ven giường. Ông Thái nghe tiếng thều thào như vắng đầu tới:  
- Ông già quá rồi.

Ông Thái đã muốn nói mấy câu gì đó. Nhưng ông không nói được nữa, ông ngồi yên. Nhà sư từ từ quay mặt vào tường.

Ông Thái lững thững ra bãi. Ông Thái ngồi cái quần bà Vân gửi quần áo. Sóng biển lăn tăn, bà Vân đứng ở chỗ nước ngập ngang vai. Trông thấy ông Thái, bà Vân giơ tay vẫy vẫy.

Ông Thái vẫn chưa dứt cái đau, cái ngán ngẩm vừa rồi: 'Ông già quá rồi', ông cũng sắp tịch rồi, câu nói thổi bay mất hào hứng và lòng thương người của ông. Ông Thái nhìn bà Vân vùng vẫy thành thoi dưới nước. Ông thở dài, bồng câu kính: 'Hay là cái đêm ấy nó biết. Nó thù đến tận bây giờ nên mới đầy ải mình ra đây'. Ông Thái nhấp một ngụm rượu rồi lại nhẹ nhàng nghĩ có thể không phải thế.

Bà Vân đã lên. Bộ quần áo tắm vẫn xanh, cánh tay và bộ đùi hộ pháp phục phịch đã boi bắt nắng. Ông Thái thờ ơ nhìn. Bà Vân giơ ngón tay. Nách bà trắng bạch. Mọi hôm vẫn thấy mà không để ý. Ông lẩn thẩn đoán không biết bà ấy nhỏ hay tự nhiên thế.

Bà Vân giơ tay net đùa:

- Cắm uống bia nghe.

Ông Thái mỉm cười giơ ly rượu.

- Rượu thuốc. Rượu thuốc vẫn uống nhắm với ô mai ở bùng binh chợ Bến Thành, từ ngày xưa đấy.

Vào đội nước ngọt, thay quần áo ra, hai người lững thững về. Bà Vân tự nhiên nói:

- Chúng mình có duyên, nhưng không có nợ.

Có lẽ câu ông Thái vừa nói đã khiến bà Vân nghĩ ngợi. Ông Thái băng khuâng, mũi lòng.

Hôm rời Vũng Tàu, ông Thái nhổ ngoài bãi cát một cái dây cây dại, không có tên. Lá dày tựa lá thài lài, hoa màu xanh nhợt nhạt, man dại như hoa bìm bìm. Ông cắm vào cái vỏ bia 33, đem về.

Mấy hôm sau, ông Thái lại đã ở nhà. Ông lại ngồi ở cái góc buồng tầng bốn trông ra cái cửa sổ mới được trang trí thêm hộp bia trồng dây hoa bìm bìm.

Những nhánh ba lá vào mùa thu đã ngả màu vàng gắt. Không ai biết được cuộc phiêu lưu kỳ lạ ông Thái vừa trải. Ông im lặng như chiếc phát trần dựng xó tường. Cái phát trần thỉnh thoảng bà ấy còn lấy ra phẩy bụi, ông thì chẳng ai đụng đến. Ông lặng lẽ. Ngồi xuống, không có rượu gặm nhấm lại kỷ niệm. Thói quen nghề nghiệp kế toán ông Thái tính một tuần lễ vừa qua mỗi người chỉ nói được ba câu đùa vui. Cứ vậy mà dự phòng, dự chi, thế mà còn hơn. Nếu nợ nhau thì có lẽ chỉ còn câu gắt và im lặng như bây giờ.

Hai cái răng cửa đã rụng nốt. Hàm trên nhăn thín, môi cúp xát vào lợi. Móm hẳn. Đã lâu lắm không nhận được thư của Vân. Ngộ như năm nao Vân lại về có gọi Thới vào, Thới cũng không đi nữa. Ông Thái quả quyết thế. Nhưng rồi cả năm cũng không được tin tức. Có lẽ ở bên ấy bà Vân cũng đương nghĩ như ông Thái. Một hôm, con mèo nhà ai nhảy cửa sổ, làm rơi ụp cái vỏ bia trồng dây hoa bìm bìm. Ông Thái cũng chẳng buồn xuống nhặt lên.

Thư Viện © 2018

## Cầu và cống

Năm 1945, một hãng vô tuyến truyền hình Nhật làm một phóng sự tài liệu về “Nạn đói chết trên 3 triệu người ở Bắc Việt Nam 1945”. Tôi đã giúp đoàn làm phim những mắt thấy tai nghe của tôi về nạn đói khủng khiếp những năm ấy, qua quyển *Tự truyện* của tôi mà đạo diễn của phim đã đọc trước bằng bản dịch tiếng Nhật ở Tokyo. Ý nghĩa và nội dung những tài liệu thu thập đưa lên phim, các bạn Nhật muốn tới được một câu trả lời: Nạn đói năm 1945 ở miền Bắc Việt Nam do đâu gây nên - tất nhiên, không phải vì mất mùa, bấy giờ lúa đang chín ngoài đồng mà người thì chết đói trong làng, vậy tội ác ấy do chính quyền Pháp hay Nhật? Những mắt thấy tai nghe của ông đã thấy thế nào?

Thời kỳ này, từ 1940 trở đi, sự thống trị có sách lược của Nhật đã dần dần đè nặng xuống Đông Dương rồi sau cùng, ngày 9/3/1945 lật đổ hẳn chính quyền Pháp. Vấn đề phức tạp và tế nhị.

Đoàn quay phim Nhật đã cùng nhà nhiếp ảnh Võ An Ninh về Nam Định, Thái Bình quay tại chỗ mà những năm 1944, 1945, Võ An Ninh đã chụp những bức ảnh người đói, người chết đói ở đây. Các bạn cũng nhờ tôi dẫn đến những nơi xảy ra nạn đói đã được kể trong tác phẩm của tôi. Đây là vùng chợ Bưởi và phường Nghĩa Đô bây giờ. Những chỗ cần quay, đã xong. Nhưng người đạo diễn phim lại hỏi tôi, anh Nguyễn Quý Quý dịch:

- Trong hồi ký của ông có kể ở một cái cầu có nhiều người chết đói, xin ông chỉ cho chúng tôi quay chỗ sông có cái cầu ấy.

Nhớ lại, trong sách tôi viết không đoạn nào có cái cầu qua sông có người chết đói.

Cái cầu tôi viết có nhiều người chết đói là cầu chợ Bưởi. Người dịch sách tôi đã nhầm cái cầu chợ ra cái cầu sông.

Cũng không chỉ là cái nhầm của người dịch, mà ở vùng tôi - huyện Từ Liêm, người ta dùng lẫn lộn chữ cầu và chữ cống và hai nghĩa chỉ cả hai thứ đều được. Hầu hết các cầu qua sông Tô Lịch quãng ấy đều được gọi là cống, như cái cầu chỗ cuối xóm Đông Lân làng Hồ Khẩu gọi là cống Đỡ, cầu qua sông Tô Lịch sang làng Hạ Yên Quyết gọi là cống Cốt, cầu sang các làng Mọc gọi là cống Mọc.

Ở những chợ xép, cái mái tranh cắm cọc làm chỗ bán hàng gọi là lều chợ, nhưng ở chợ to, nhiều hàng quán ngồi dưới mái lợp ngói, mái bằng xi măng hay tôn, thì gọi là cầu chợ (cầu chợ Bưởi, cầu chợ Cửa Nam). Ở đầu làng, có ngôi nhà nhỏ, lợp ngói, trong để chiếc võng vong và những cái đòn khiêng khi làng có đám ma, cạnh đó là

gian cho nhà người làm mỗ trú ngụ, chỗ ấy không gọi là nhà, mà là cũng gọi là cầu, cái cầu, cầu Ngói. Trong cánh đồng giữa làng Nghĩa Đô vào làng Cổ Nhuế có cái quán chỉ có cột và mái ngói, cho người làm đồng lên nghỉ trưa, người qua đường ngồi tránh nắng, làng nước gọi là cầu Điều. Gọi là cầu chứ không gọi là nhà cầu. Nhà cầu (nhà đi vệ sinh) có nghĩa khác hẳn.

Lại như cầu Giấy cũng có thể hai nghĩa, hai sự khác nhau. Theo sách Việt sử lược, năm Vĩnh Trị thứ tư (1679) trùng tu lại cầu Tây Dương, có ghi lời (dịch nghĩa) văn bia: “*Xã Thượng Yên Quyết có cầu qua sông Tô...cận kinh văn vật...hội tuyền sum vầy...nơi ngoạ ô thông bốn phương năm ngả trên đường thiên lý*”. Và trong văn bia tả cầu “*thượng gia hạ trì, cầu dài mười lăm gian mái lợp ngói*. Và “*nghe làm giấy ở cạnh cầu Tây Dương có từ đời Trần*”.

Cầu Giấy không phải tên nôm của cầu Tây Dương. Nhưng trong vùng dùng chữ chỉ cái cầu có hai nghĩa, nên gọi là cầu qua sông, cầu Giấy cũng được. Tuy nhiên, truy cho đến ngọn nguồn thì lại thấy ra những chi tiết xác thực hơn.

Trong cách gọi đường đi lối lại cũ, người ta gọi là lên Bưởi, xuống Giấy, xuống Cót, xuống Mọc. Như vậy, Giấy cũng là tên một làng mà cầu Giấy có thể là tên cái chợ bán giấy. Ở cạnh chợ Bưởi, đầu làng Yên Thái, có cái cầu Dài (một gian nhà cầu chợ trống hai phía dài tới trên trăm thước) và cầu Vuông là những quán chợ ngày phiên chợ giấy chuyên bán giấy của các làng Yên Thái, Yên Thọ, Đông Xã, Hồ Khẩu. Vậy thì cầu Giấy có thể là tên cái chợ bán giấy bên cạnh cầu qua sông. Làng Yên Hoà làm giấy thì phải có chợ bán giấy, cầu bán giấy mà cầu “*thượng gia hạ trì dài mười lăm gian lợp ngói*” không thể đủ chỗ cho cái chợ bán giấy của cả làng. Chợ cầu Giấy hiện nay cũng ở cạnh cầu qua sông.

Cầu thượng gia hạ trì (trên là nhà, dưới là nước, sông hồ) ở cầu Giấy xưa cũng như ở nhiều nơi vẫn còn đến bây giờ, những chiếc cầu độc đáo thế ở Sài Sơn (Hà Tây), ở Quần Anh (Nam Định), ở Huế - trên huyện Hà Quảng tỉnh Cao Bằng cũn có nhiều cầu lợp mái qua suối Pác Bó, vừa cầu qua sông, vừa chỗ hóng mát. Ngày xưa, với các bậc tài danh, cầu thượng gia trì còn là nơi nâng chén tiễn biệt “*đoản đình*”, “*trường đình*” ngày nay còn thấy để lại trong thơ văn.

## Chợ, Kê Chợ

Bộ mặt đời sống xã hội của một vùng là cái chợ. Chữ “kê” là một từ cổ, chỉ một vùng. Lại cũng chỉ một nơi đô hội, như Kê Chợ cũng là Thăng Long, Hà Nội. Một vùng như Kê Sở cũng là Thăng Long, Hà Nội. Một vùng như Kê Sở (thôn Quán La), Kê Nành (xã Ninh Hiệp), Kê Bưởi (vùng Bưởi), Kê Cáo (các làng ở Xuân Tảo). Tên gọi Hà Nội là sau này, còn những tên Thăng Long, Đông Quan, Đông Đô thay đổi mỗi thời kỳ, nhưng lúc nào đất này dân gian, phổ phưong vẫn gọi là Kê Chợ.

Ở Kê Chợ, không kê những chợ còn tên trong bản đồ và chỉ thấy trong thơ phú như chợ cầu Đông, chợ Vĩng, ta hãy đếm thì thấy những chợ búa, những cái chợ ở Kê Chợ ngày càng nhiều. Một lễ giản dị, có người thì có chợ. Ở đây, người ta tìm kiếm, đổi chác, mua bán cái ăn, cái dùng cho đời sống. Cái chợ thật quý, nhưng không thể đặt ra chợ, kéo người tới mua bán, khu vực ấy chợ búa đã vừa phải. Quý thế cho nên khi có thêm một chợ mới người ta không dùng chữ hoa mỹ như khai trương, khánh thành, mà gọi thân thương là ngày mở chợ, cưới chợ.

Khi chợ cầu Đông, chợ Gạo không còn, vùng phố cổ băm sáu phố phưong, có chợ Đồng Xuân. Cầu chợ xây cốt thép, mái bằng thật cao lợp tôn. Hà Nội có ba chợ chính: chợ Đồng Xuân, chợ Cửa Nam, chợ Hôm, chợ có cầu có quán, nhà thầu vé chợ, phu quét chợ, phu gánh nước rửa chợ, chợ họp giờ giấc sớm tối. Khai trương một cái chợ thật đông vui. Ngày đầu mở chợ có cúng lễ, chèo hát, người chơi chợ, xem chợ nô nức như hội. Cưới chợ thật linh đình. Các cụ già quanh hồ Tây còn kể cho con cháu nghe mãi về những trò vui trong ngày cưới chợ Bưởi.

Chợ Hàng Da, chợ Đuối so tuổi thì chỉ mới như các “chợ xanh” bây giờ, chợ họp đúng họp ngồi trong lều cọc tre lợp vỉ buồm trên bãi trống. Gọi là chợ Đuối, không phải là chợ bị đuối – như có bài báo đã cắt nghĩa, mà chợ chính họp cả ngày đến chiều. Người kéo chuông, đánh trống báo tan chợ - chợ Đồng Xuân là năm giờ chiều. Phu quét, phun nước, rửa chợ rồi khoá cổng chợ. Chợ Hôm - chữ chợ hôm, chợ mai đã ra chợ chiều, chợ sớm rồi. Vì phải đến quá trưa, người đánh giậm, kếp vó, đơm dó các ao đầm ở Đuối Cá mới kịp đem cá cua, tôm tép, ốc ếch vào chợ Hôm. Mặc dù chợ chiều đông người hơn buổi sáng, nhưng cũng chập tối thì đuối chợ. Hàng quán, gồng gánh rau cỏ, cá mú, mắm muối chợ Hôm dọn ra bán nốt ở bãi cỏ gần Vân Hồ, chỗ làng Thổ Giao. Chợ Đuối tiện cho người về muộn lo bữa chiều. Gần chợ Hôm mới có chợ Đuối, phố xa nơi ấy còn hoang vắng khác trên chợ Hàng Da và Cửa Nam giữa phố, hiếm đất trống.

Ba đầu ô có ba chợ to: chợ Bưởi, chợ Mơ, chợ Dừa. Những cái chợ nửa tỉnh nửa quê này còn là chợ đổi vai, rau đậu đem bán đêm và sáng sớm. Người mua buôn rồi gánh, rồi thò vào các chợ trong, như các chợ đổi vai ở Cầu Giấy, ở Nhật Tân và Bắc Qua bây giờ.

Còn những chợ có phiên, có hạn, nhưng chỉ là chợ hè phố, như phiên chợ tư ngày 1 và ngày 6 trong tháng ở phố Hàng Đào. Các làng canh củi trong Hà Đông ra bán the lụa và mua tơ của các nhà buôn phố Hàng Đào, Hàng Gai. Chợ hoa phố sông Tô Lịch (Hàng Lược), các làng Quảng Bá, Nhật Tân vào bán cành đào, chậu hoa cúc chỉ có chợ trong hai phiên áp Tết.

Có những chợ thấp thoáng ra đời rồi lại mất ngay do biến thiên của đời sống và lịch sử thành phố. Đầu 1946, khi Pháp chiếm lại Hà Nội, thành phố còn thừa thớt người có một cái chợ nơi mua bán thức ăn rau củ ở ngay phố Tràng Tiền, Hàng Khay bên hồ Gươm. Cũng như đầu 1954, Pháp rút khỏi Hà Nội, người di cư vào Nam nhiều, cũng tự nhiên thành cái “chợ giời” bên hồ Thiên Quang, người đem ra đây bán thống bán tháo đủ thứ - sau này, chợ Giời cố định gọi là chợ Hoà Bình mới dọn cả xuống gần chùa Vua.

Thành phố càng đông người thì chợ mọc càng nhanh, có lều quán, cầu chợ hẳn hoi. Chợ Gia Ngư liền chợ Hàng Bè, lòng đường thành chợ. Chợ 19/12 còn gọi là chợ Âm Phủ. Thành tên ấy do sự tích đầu 1947, Pháp chiếm lại Hà Nội, rác rưởi và những xác người chết đường, không phân biệt là bộ đội, là dân thường, được đem về chôn vào hẻm này, rồi đắp lên một gò cỏ dại ở giữa xây một cái lư hương bằng xi măng. Có người nhầm là mộ “chiến sĩ vô danh” của Pháp dựng. Quãng 1959, thành phố đã chuyển những hài cốt ở đây ra nghĩa trang Văn Điển, để mở chợ 19/12, kỷ niệm ngày 19/12/1946 Hà Nội nổ súng đánh Pháp, cũng là ngày toàn quốc kháng chiến. Chợ Châu Long cũng ra đời trong thời kỳ Pháp chiếm lại Hà Nội – trước kia đây là bãi cỏ trước cửa chùa Châu Long. Không phải có chùa Châu Long, phố Châu Long (trước phố này là Ấng Toan Bonnê) thì tất nhiên có chợ Châu Long cổ như giáo sư Trần có lần bảo thế.

Bên đường vào Hà Đông, có chợ Ngã Tư Sở. Rồi ở cầu Mới, thêm chợ Xanh. Thành tên chợ Xanh không phải vì mặt tường các cửa mậu dịch ở đây quét vôi màu xanh, mà tên chợ Xanh còn chỉ chung các nơi bán rau đậu của cái chợ cóc nay chỗ này mai chỗ khác, nếu bị dồn đuổi. Nhưng chợ Xanh đầu đường vẫn tồn tại và lúc nào cũng hót hải. Bởi vào trong chợ phải tằn phiên khoá xe, gửi xe, đằng này người vợ bó rau, bánh đậu chỉ dừng lại là mua được, mà người bán hàng cũng xe đạp thò rong ruổi, tiện cả đôi bên.

Cho đến tháng 12/1995, ở nội ngoại thành Hà Nội có 135 cái chợ qui mô, chợ mới sau cùng là chợ Long Biên – không kể chợ xanh, chợ cóc, chợ chộp nhoáng bắt chợ đầu hôm sớm mai. Mới có siêu thị ở gác chợ Hôm mua hàng tự chọn, không phải người đứng bán. Nghe nói có siêu thị đã đóng cửa vì vắng khách. Cái chợ cũng như cửa hàng bán thức ăn sống, vài hôm hàng ế thì phải dẹp tiệm, không thể thử thách lâu được. Rồi còn mới mẻ ra sao nữa chưa biết.

Cũng là cái chợ, nhưng ở đất Kẻ Chợ xưa nay mỗi thời có những nét khác nhau. Có điều mỗi ngày thành phố càng đông thì một nhiều chợ hơn

ThuvienOnline



## Nhuộm răng

“*Răng đen ai nhuộm cho mình...*”, hàm răng đen thối ấy chắc phải thật ưu nhìn cho nên mới thành được câu hát tình tứ đến như thế. Răng hạt huyền, răng hạt na, răng đen rung rúc, đẹp chưa. Người răng trắng thì bị chế giễu, mỉa mai: răng trắng tênh, trắng nhờn, răng ngựa, răng chó, răng ma, răng me Tây răng Khách...

Ngoài nửa thế kỉ trước, từ phố phường ra các làng, đàn ông cho chí đàn bà, trẻ con xấp xỉ mười tuổi, ai cũng nhuộm răng đỏ cánh dán vài năm, rồi nhuộm răng đen, mỗi năm lại nhuộm lại, đến già rụng răng mới chịu để răng cái mà nhợt nhạt mất màu.

Thế mà bây giờ ai cũng răng trắng. Họa may còn sót lại đôi bà cụ già trong làng xưa đã nhuộm răng đen. Có cụ đã cạo răng trắng, hàm trong răng nhờ nhờ mà thôi.

Không đâu còn các bà các cô mặc váy nâu váy lĩnh, thì chẳng ai nhuộm răng nữa, phong tục và trang điểm đã đổi thay.

Ngày trước, nhuộm răng thật mất công phu.

Bảy tám tuổi, bắt đầu nhuộm răng đỏ. Chưa biết làm thuốc thì chị, thì mẹ làm cho.

Lên chợ mua cục cánh kiến. Tán nhỏ ra bột, đổ rượu vào quấy sánh lên. Một mảnh lá chuối cắt miếng dài bằng hàm răng, phết cánh kiến. Tỏi tỏi áp mảnh lá chuối cánh kiến vào hai hàm rồi mím miệng lại. Làm thế, cho đến một buổi sáng soi gương nhìn thấy hàm răng lên màu cánh dán. Thế là mừng rơn, vì đã ngậm cánh kiến ròng rã cả phiên, tối ngủ mê hay nghiền răng lá thuốc ruột ra ngoài miệng. Có khi không kiên cữ được, ăn tạp quá, thuốc bong ra. Phải nhuộm mấy phiên chợ mới được hàm răng đỏ bóng thế.

Có hàm răng cánh dán mấy năm rồi nhuộm răng đen. Được màu đỏ lót rồi, răng đen càng bền. Xem ra, bọn con gái nhuộm răng nhiều hơn.

Những cô con gái đương xuân nhuộm răng đen vào tháng chạp áp Tết. Ý khoe có hàm răng đẹp những ngày tháng giêng đi chơi chùa.

Thuốc nhuộm răng đen gồm nhiều vị, không giản dị bừa nhuộm răng đỏ. Ở phố Hàng Phèn hay chợ Cửa Nam, chợ Đồng Xuân đều bán thuốc nhuộm gói sẵn, nhưng các cô chê thuốc chợ hay pha phách, nhuộm lâu cũng chưa cắn. Nhà chế thuốc lấy, chịu khó mất công, nhưng ăn chắc.

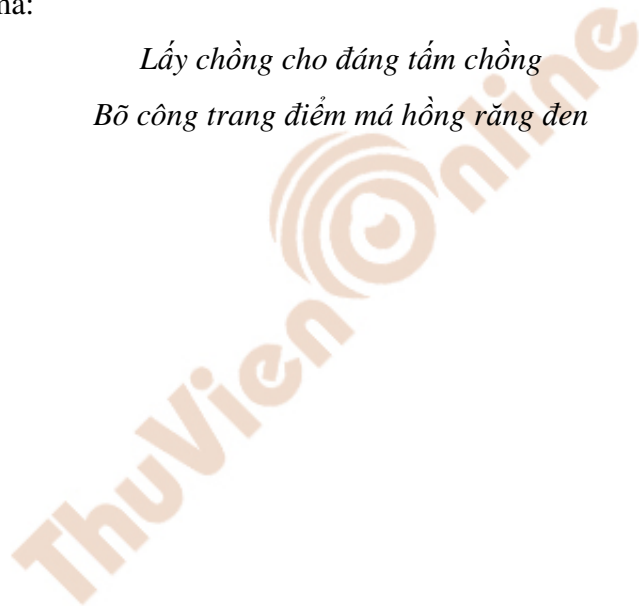
Mua các thứ ở hàng xén hay của người làng Đại Ôn bán lá thuốc ngoài chợ: phèn đen, quế chi, đinh hương, vỏ lựu khô, đem tán nhỏ thành bột, trộn lại. Đổ dấm thanh vào chảo, vừa đun vừa quấy đều đặc quánh lên như bột nếp.



Buổi tối, cắt lá chuối già thành miếng, phết thuốc nhuộm, áp vào hai hàm răng. Phải giữ gìn cả phiên chợ mà khó lắm, còn khó hơn nhuộm răng đỏ. Các cô mười tám đôi mươi cũng chẳng khác trẻ nhỏ. Không thể ngồi ngậm thuốc thức thâu đêm, chỉ một chốc đã ngủ lả ra giừơng. Cũng nghiêng răng, cũng giẫy đạp, có khi còn tợn hơn cả trẻ con. Lát thuốc bị chuối ra, đêm sau phải áp lại. Ấ nào cũng gây đi vì nhuộm răng. Bời đêm vất vả, cứ húp cháo hoa hai ba phiên dài dài...

Nhưng rồi soi gương thấy dần dần hai hàm răng lên nước đen mờ rồi đen nhánh. Bảy giừơ mới đốt miếng sọ dừa đặt lên mảnh sắt tây. Rồi tối đến, miết than sọ dừa vào hàm răng đen. Qua cái khó rồi, than sọ dừa chát trắng vào răng, không phải dán lá chuối. Các cụ bảo chất than sọ dừa màu thuốc mới chắc, mới bền, mới bóng. Nhuộm răng cầu kỳ đấy. Để mà:

*Lấy chồng cho đáng tâm chồng  
Bõ công trang điểm má hồng răng đen*



## Cái áo dài

Ở nước ta, các dân tộc, Kinh, Thái, Mường, Tày, Nùng, Dao và một số dân tộc anh em khác, trong trang phục có cái áo dài mà cả đàn ông và đàn bà xưa kia đều mặc. Cái áo dài của mỗi người ở mỗi thời kỳ đều có thay đổi. Bởi quần áo, khăn mũ, giày dép không đơn giản chỉ che thân và sạch sẽ mà mọi thứ sấm sửa còn điễm trang làm vui làm đẹp cho con người các lứa tuổi.

Đầu thế kỷ, đàn ông mặc áo dài trong mọi dịp, từ đi lại ngoài đường đến trong giao tiếp. Bây giờ áo dài nam giới chỉ thấy ở làng quê và các cụ trong đám thứ, tế lễ, hội hè hoặc ở trên sân khấu, ở các cuộc biểu diễn, hò hát, ca nhạc dân tộc.

Áo dài của các bà, các cô, một thời, ở một số nơi cũng không mặc, vì điều kiện sinh hoạt và làm ăn, vì có sự bài bác cho là cổ hủ. Nhưng nay thì đã mặc nhiều. Tuy nhiên, cũng không nhiều khắp lượt, và ở đâu cũng có như trước kia mà phần nhiều chỉ thường ở phường phố và những dịp long trọng đi họp, dự liên hoan, đám cưới. Có thể do nay sẵn vải vóc mới, lắm một ăn mặc và mọi điều kiện khác trước, cái ăn, cái mặc cũng không đứng yên một chỗ.

Chuyện cái áo dài cũng là một ghi nhớ đáng chép lại cho lịch sử ăn mặc. Cũng là áo dài, nhưng không phải cái nào cũng giống cái nào. Ở mỗi vùng, ở mỗi tầng lớp, may mặc đều khác nhau. Ở đây lấy làm ví dụ cái áo dài của phụ nữ Hà Nội và các làng mạc xung quanh mà tôi được biết.

Xưa kia, áo dài của giới nữ, áo dài trong làng không như cái áo dài hàng phố, nơi phồn hoa đô hội ganh đua, nơi chuộng ăn chắc mặc bền, và áo của người giàu có, sang trọng không may may, đơn giản như áo người nghèo khó. Kiểu cách và màu sắc, cái áo ở tuổi con gái khác tuổi nà dòng, khác tuổi già. Có điều không phải là khác hẳn, mà lứa tuổi cũng như trong làng ngoài phố đều lai nhau, bắt chước nhau, cái chính là trong làng bắt chước phố phường.

Các cô trong làng, lớn lên, mặc áo tứ thân và váy chồi - về sau mặc quần, còn cái váy thì dần dần biến mất. Có nhà khá giả, con gái tóc trên đầu còn để trái đào đã mặc áo tứ thân, thắt lưng con cón. Gọi áo tứ thân, vì đằng trước hai vạt dài, một vạt con và vạt lưng áo, cả thảy bốn mảnh. Thường thì áo the, áo lụa, có thắt lưng buông vạt trước. Còn áo tứ thân nâu non, nâu già - áo đi đường, đi chợ, hai vạt trước thắt lại thả xuống gọi là áo dài thắt quả găng.

Những dịp hội hè, đình đám, tết nhất, quần áo và thắt lưng mới “mớ ba mớ bảy”. Cho đủ mớ thắt lưng ruộm rà này thì đếm lần lượt mới ra. Trong cùng là hai dải yếm - yếm đeo trên cổ, trên ngực nhưng hai dải toả dài xuống làm cái thắt lưng màu hoa cau, hoa hiên – có thể cái yếm trắng, nhưng dải yếm thì không bao giờ để vải trắng, lụa bạch. Thứ đến thắt lưng bao – các cô tuổi đã chín hay các bà nạ dòng, thắt lưng trong vạt áo dài sau lưng cũng như trước mặt, quấn một vòng. Thắt lưng bao bằng chồi và đũi màu mỡ gà phải là lượt hay đũi dày bởi nó là cái bao thật, đôi khi trong bao giắt cái gương, khăn mặt, túi tiền, hào tiền giấy. Rồi ngoài cùng mới là giải thắt lưng dài nhất bằng lụa chuội hay nhiễu tam giang.

Chân bước đi, các đầu thắt lưng và những tà áo, có đến mười đầu thắt lưng và tà áo phát phới “mớ ba mớ bảy”.

Dải yếm và thắt lưng giữ cho tấm áo đứng thân. Khuy nách áo là khuy để hờ, ít khi cài vào khuyết. Cổ áo có khuy, có khuyết, cũng không đóng. Nhưng không phải thế là để hở ngực, bởi vì trong ngực áo không cài khuy cũng đã có yếm che. Yếm cổ xẻ hay cổ xây là vuông vải chúc bầu trắng, vuông lụa nhuộm nâu non, màu đào, màu mận chín với hai dải thắt lưng hoa cau nền nã. Những người tuổi đã đứng và con cái nhà phong lưu đều mặc áo đóng khuy. Sau này, làng xóm cũng hơi hướng thành thị, bỏ bớt thắt lưng rồi bỏ cả. Áo dài chiết tà, bỏ ống tay, xiết lưng cho “xanh tề”, bó thon lại, đã đóng khuy lại thêm khuy bấm ở nách, ở cửa tay. Cô gái làng tỉnh ít lâu trở về, mặc áo dài mới, anh nhân tình trông thấy người yêu bỗng vừa mừng vừa lo. *Áo cài khuy bấm em làm khổ tôi* (Nguyễn Bính)

Cũng áo tứ thân còn áo dài đôi vai. Áo đôi vai không phải áo diện đi hội, đi chơi. Nhưng cái áo đôi vai có cái đẹp riêng được hiểu theo nghĩa đen và nghĩa bóng. Nghĩa đen thì áo nâu áo the mặc đi chợ, đi đường xa mưa nắng, đeo tay nải hay gồng gánh, mồ hôi rầu rã, vai áo chóng bạc, chóng rách cho nên phải đôi vai, thay từ nửa lưng lên vai bằng miếng vải nâu non mới, trên vạt the nâu, nổi lên hai màu khác nhau. Nhưng cái áo đôi vai cũng còn có ý khéo của người con gái biết làm duyên cả những khi đang xúc vác, quảy gánh. Hai mảnh vải thay vai áo, có khi khâu thẳng ngang đều, cũng có khi cố tình khâu so le miếng dài miếng ngắn một chút.

Ở nhiều làng quê, các chị nhàn nhàn đứng tuổi vào mùa hè cấp rỏ hay quảy gánh lên chợ mặc áo đôi vai khá táo bạo. Không mặc mà cái áo chỉ vắt vai, trước ngực có yếm nhưng cả tấm lưng và vai để trần. Đây là các người đã có chồng con, chứ con gái thì không dám mặc áo hở lưng ra thế.

Áo dài trong làng dần dần được cải tiến theo áo dài thành thị. Cho tới giữa thế kỷ, kinh tế và cuộc sống con người phường phố nhộn nhịp mở mang hơn. Buôn bán thông

thương vào nam ra bắc, đi Hồng Kông, sang Vân Nam, sang Pháp. Xống áo cũng thay đổi theo thời. Không phải chỉ có the lụa, mà may áo dài có hàng kép, xuyên, nhung, đoạn, xát xi, lụa Bom bay... Không phải chỉ có bác phó may đeo tay nải đựng đồ nghề cái kéo, cái vạch, cái dê, đi làm hàng theo vụ, theo mùa, không chỉ may tay, mà các lò may, hiệu may sắm máy khâu Sanh - dê nhập bên Pháp sang.

Các bác phó may khéo tay câu khác giới đã nghĩ ra những cải tiến cái áo dài. Không biết bác phó tài hoa nào đã sáng tạo những cung cách tân thời ấy, chỉ thấy khắp chợ thì quê, cái lúc mới mới tràn đến thế thì đua nhau bắt chước. Hàng tốt, hàng đẹp, lại mới mới chiết tà áo, cánh tay, lưng lượn bó, bỏ vạt con, bỏ cái lá sen quanh cổ, đầu tiên thấy chống chệnh rồi cũng quen mắt. Rồi cạnh cái khuy đôn khâu để làm vì thêm khuy bấm cho thật sát nách, chặt chẽ cổ tay, dựng cái áo nổi mình hơn. Những chiếc thắt lưng và yếm đã bỏ đi từ lúc nào, cái thắt lưng đã giản dị thay bằng cái cặp quần dải rút, thay yếm là cái áo lót cộc tay ba lỗ (áo chưa phải là coọc xê).

Thế nhưng dẫn đến khi khâu máy đã thắng thế mạnh mẽ - mở lò khâu phải có máy khâu và trong thành phố, số lò khâu có máy khâu phải tính hàng trăm trở lên, hầu như phố nào cũng có và nhiều lò nhất là ở phố Khâm Thiên. Vẫn phải có bác phó khâu tay, ở thời máy khâu nhưng đường kim mũi chỉ dựng nách, viền cổ, lườn áo và thừa khuyết vẫn là bàn tay bác phó. Cho đến hiện nay, may lót áo kép, áo bông dài nhiều người vẫn may tay.

Trong phong trào máy may, phó may cải tiến có nhà cải tiến nổi lên thành tên là họa sĩ Cát Tường. Cát Tường là nhà cải tiến áo dài tân thời có trình độ, ông đã tốt nghiệp trường Cao đẳng mỹ thuật Đông Dương, trường ấy không dạy cắt may nhưng vốn mỹ thuật giúp ông hiểu biết và phát huy cải tiến một quần áo. Cái tiếng nhà nghề của ông là bác phó mốt, phó cắt, chứ không phải phó may, nhưng được tiếng tăm nhờ báo Phong Hóa, báo Ngày Nay của văn đoàn Tự lực đương chủ trương cải lương nếp sống (Nhà tranh kiêu Ánh Sáng, quần áo tân thời...). Áo dài Cát Tường cải tiến có cái được, cũng có cái trái qua sử dụng rồi nhạt dần. Dáng áo Cát Tường vạt rộng, vừa buông trùng xuống vừa thắt lưng ong lại nâng ngực cao lên và cổ áo cao hơn một phân thì bây giờ đương thịnh hành. Nhưng không phải tất cả áo dài bây giờ đều kiểu ấy. Có áo dài vạt không chiết và ngắn dưới gối một chút, tay áo rộng, các cô gái Sài Gòn, nhất là những nữ sinh áo tím thành Huế ưa mặc và đây cũng là một kiểu phổ biến ngày nay như bóng dáng Cát Tường.

Nhưng các mẫu áo cho học sinh nam nữ mặc đi học, đi cắm trại của Cát Tường đã giới thiệu trên báo thì không còn sống kiêu nào. Và ở áo dài, những cải tiến, cổ bắt chéo thêu hoa, khuy tết, hai vai áo cắt dờn để khâu bông vai áo lên, gọi là vai bông,

một đặc biệt của họa sĩ Cát Tường đã tung ra, mà các báo của Tự lực Văn đoàn cổ động. “ Công tử vai long đình, tiểu thư vai bông” chỉ háo hức lúc ấy, rồi mai một dần vì nó Tây quá, không hợp. Phụ nữ châu Âu và Á rập cao lớn, vai và ngực đồ sộ, áo vai bông càng tôn cái rực rỡ lên.

Phụ nữ Việt Nam mảnh dẻ, thêu hoa lá và khuy tết rườm rà, hai cái vai áo bông lờm chớm che mắt vẻ đẹp của đôi vai nhỏ nhắn. Vai tròn, vai lẳn, cái áo dài mượt mà càng thêm ý nhị, duyên dáng con người.

Các mốt đều một thời, lâu mau rồi tàn tạ, chỉ kiểu nào thích hợp thì tồn tại lâu. Cũng như cái khăn, cái khăn “hoàng hậu” của nhiều hoa hậu và cô dâu đội ngày cưới bây giờ. Nó có tên là “hoàng hậu” bởi gốc nó là một cái khăn vành cao nhiều nếp của bà Nam Phương vợ vua Bảo Đại đội những khi có tiệc, có lễ, trông có vẻ gọn, nhưng thật lại kênh càng, bây giờ làm nếp cao hơn khăn hoàng hậu nhiều như thế chắc cũng chỉ có thời. Trong khi các bà các cô chít khăn, nhã và đẹp từ xưa kia tới bây giờ, là khăn vành dây. Khăn nhưng chỉ điễm trang nhỉnh hơn mái tóc một chút, hợp với khuôn mặt. Chị em dân tộc Tày ở Cao Bằng chít khăn nhưng ăn với nước da trắng, thật yếu điệu, đội lúc nào cũng được, không phải đội mốt.

Gần đây, ở các cuộc thi thời trang đã thấp thoáng có người đẹp chít khăn vành dây. Mà ôi thôi, đương cái áo dài lại lan man sang cái khăn. Nhưng mà, kể ra cái ăn, cái mặc, cái nói, cái đi cái đứng, những quan hệ và giao tiếp của người ta, là việc của nền nếp văn hoá con người rất thiết thân, nên bàn.